

VƯỢT TRỘI  MỖI NGÀY

TECHCOMBANK 



HÀNH TRÌNH HẠNH PHÚC

2019 | BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

Nội dung

04 Thông điệp của Chủ tịch

VỀ CHÚNG TÔI

➤ 06 - 37

08 Thông tin chung

10 Tầm nhìn, mục tiêu, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

12 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

13 Chặng đường lịch sử

16 Mạng lưới và công ty con

24 Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TECHCOMBANK TRONG 2019

➤ 38 - 71

40 Những chỉ số tài chính nổi bật

42 Kết quả hoạt động kinh doanh

52 Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân (PFS)

54 Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB)

56 Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Ngân hàng Bán Buôn (WB)

58 Kết quả thực hiện chiến lược và các dự án chuyển đổi

60 Quản trị rủi ro

62 Nhân sự

66 Văn hóa tổ chức

QUÁ TRÌNH SỐ HÓA VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

➤ 72 - 75

74 Đầu tư vào công nghệ

75 Ngân hàng số

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

➤ 76 - 83

78 Trách nhiệm với cộng đồng

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

➤ 84 - 121

86 Thông điệp về Quản trị công ty

90 Giới thiệu Hội đồng Quản trị

101 Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

105 Giới thiệu về Ban Kiểm soát

108 Giới thiệu Ban Điều hành

116 Mô hình Quản trị Điều hành

118 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

➤ 122 - 205

124 Báo cáo tài chính đã kiểm toán



Xem phiên bản Báo cáo thường niên trực tuyến và các thông tin khác về Techcombank tại website www.techcombank.com.vn



Ông Hồ Hùng Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

➤ Thông điệp của Chủ tịch

Các Quý Cổ đông, các Quý Khách hàng thân quý!

Chỉ vài tháng trước, người dân trên thế giới hân hoan chào đón cột mốc 2020, với những kỳ vọng về một thập kỷ mới rực sáng. Song khởi đầu của hành trình này thật thách thức, khi dịch covid-19 ập đến gây tác động mạnh mẽ đến cuộc sống của người dân trên khắp thế giới, làm lung lay mọi nền kinh tế, xáo trộn mọi quốc gia. Việt Nam và cộng đồng kinh tế trong nước cũng bị tác động nặng nề.

Nhưng chúng ta sẽ vượt qua khó khăn bằng sức mạnh nền tảng vững chắc là những thành tựu vượt trội đạt được trong năm 2019 nói riêng, và trong suốt chiều dài lịch sử thành lập 26 năm của Techcombank. Nhìn lại năm 2019, Techcombank đã tiếp tục tăng trưởng doanh thu với tốc độ 24,7%¹ so với cuối năm 2018. Lợi nhuận trước thuế của Techcombank đạt 12,838 tỉ VNĐ, giữ vững vị trí Top 2 về lợi nhuận toàn ngành ngân hàng.

Những nỗ lực không ngừng trong năm 2019 đã giúp Techcombank trở thành Ngân hàng đứng đầu về hiệu quả hoạt động, với chỉ số ROA 2,9%. Tỷ lệ CASA đạt 34,5%, cao hàng đầu so với hệ thống, khẳng định sự thành công của chiến lược “Lấy khách hàng là trọng tâm” và hướng đi đúng từ chuyển đổi nền tảng số mà ngân hàng kiên định theo đuổi.

Khi đa số các cửa hàng vật lý bị đóng cửa để “giãn cách xã hội”, hệ

thống giao dịch nền tảng số “tiện lợi – nhanh chóng – an toàn – miễn phí” của Techcombank đã trở thành công cụ thanh toán hiệu quả đến khách hàng. Và năm 2020, Techcombank sẽ tiếp tục hành trình chuyển đổi để tiên phong dẫn dắt xu hướng số hóa ngân hàng dựa trên hành trình trải nghiệm khách hàng.

Trong bối cảnh khó khăn của covid-19, một lần nữa, chiến lược chọn lựa phân khúc khách hàng trọng tâm của Techcombank – tập trung vào những khách hàng lành mạnh về tài chính, hoạt động trong những lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng mạnh trong nước gắn với định hướng ưu tiên phát triển của Chính phủ – đã chứng minh sự đúng đắn. Đa số các khách hàng của chúng tôi đều vững vàng trong bối cảnh suy thoái do covid-19 gây ra, và tiếp tục phát triển. Đối với nhóm khách hàng chịu tác động từ dịch bệnh, Techcombank cam kết đồng cam, cộng khổ với gói hỗ trợ tín dụng 30,000 tỷ đồng để tạo điều kiện ổn định kinh doanh. Từ đó, ngân hàng cùng doanh nghiệp có thể sát cánh cùng chính phủ phục hồi và phát triển nền kinh tế.

Những bài học ứng phó từ dịch bệnh covid-19 sẽ giúp chúng ta tôi luyện bản lĩnh vững vàng hơn, xây dựng nền tảng quản trị rủi ro vững chắc hơn để chủ động đón đầu thay đổi. Tôi tin vào bản lĩnh của Techcombank khi chúng ta

đã nhiều lần chiến thắng những thách thức tưởng chừng như không thể vượt qua, thậm chí, còn vươn mình lớn mạnh hơn. Nếu như năm 2008, khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây lao đao cho nhiều doanh nghiệp thì Techcombank tự tin thăng hạng từ nhóm 2 lên nhóm 1 trong danh sách các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân uy tín của Việt Nam. Trong bối cảnh bất ổn tiền tệ năm 2011-2012 với vòng xoáy tăng trưởng chậm, Techcombank đã bứt phá trở thành ngân hàng hoạt động hiệu quả hàng đầu trong tương quan toàn ngành.

Vì vậy, Techcombank sẽ hướng đến năm 2020 với sự lạc quan, sự tự hào và niềm tin vững chắc vào sự đồng hành từ hơn 11,000 cán bộ nhân viên, từ các Quý cổ đông, các Quý khách hàng. Cùng với nhau, chúng ta sẽ đồng hành đưa Techcombank trở thành thương hiệu hàng đầu và mang đến giá trị vượt trội cho người dân và đất nước Việt Nam!

Xin trân trọng cảm ơn,
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

HỒ HÙNG ANH

¹ Loại trừ các khoản thu nhập bất thường năm 2018 và thu từ nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro.

Techcombank
luôn kiên định với chiến lược
“lấy khách hàng là trọng tâm”.



VỀ CHÚNG TÔI

- 08 Thông tin chung
- 10 Tầm nhìn, mục tiêu, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 12 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 13 Chặng đường lịch sử
- 16 Mạng lưới và công ty con
- 24 Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc

➔ Thông tin chung

Tên giao dịch

- **Tên tiếng Việt** NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
- **Tên tiếng Anh** VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- **Tên giao dịch** TECHCOMBANK
- **Tên viết tắt** TECHCOMBANK
- **Giấy phép hoạt động Ngân hàng** Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/03/2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP ngày 06/08/1993).

Giấy phép đăng ký kinh doanh số

- 0100230800
- Đăng ký lần đầu: Ngày 07/09/1993
 - Sửa đổi lần thứ 51: Ngày 12/11/2019

Vốn điều lệ

35.001.399.620.000 VNĐ

Bằng chữ: Ba mươi lăm nghìn không trăm lẻ một tỷ ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn

Địa chỉ

- Tòa nhà Techcombank - 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- **Số điện thoại** +84 (24) 3944 6368
 - **Fax** +84 (24) 3944 6395
 - **Website** <http://www.techcombank.com.vn>
 - **Mã cổ phiếu** TCB



Dịch vụ ngân hàng

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:



Huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân.



Cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng.



Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cho phép.



Thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Giới thiệu chung

Được thành lập năm 1993 - Techcombank với số vốn điều lệ chỉ 20 tỷ VNĐ cách đây 26 năm hôm nay đã trở thành ngân hàng lớn thứ ba đứng về vốn điều lệ. Sự thành công của chúng tôi đến từ chiến lược tập trung giải quyết nhu cầu luôn thay đổi của khách hàng. Đến nay, Techcombank đã cung cấp nhiều loại sản phẩm, dịch vụ đa dạng cho hơn 7 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam thông qua 1 trụ sở chính, 2 văn phòng đại diện và 311 điểm giao dịch tại 45 tỉnh thành trên cả nước, không chỉ đáp ứng nhu cầu giao dịch ngân hàng thông thường mà còn đảm bảo nhu cầu an toàn tài chính cho người Việt.

Xác định tầm nhìn, sứ mệnh của Techcombank là trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam và trở thành điểm tập trung cho mọi giải pháp tài chính, đồng hành cùng người dân và doanh nghiệp trên con đường chinh phục những ước mơ.

Techcombank sẽ không ngừng đổi mới để phục vụ khách hàng tốt hơn nữa, dù đó là khách hàng cá nhân hay doanh nghiệp, là bộ phận tài chính cá nhân, ngân hàng bán lẻ hay bán buôn.

Tổng tài sản hợp nhất tại
31/12/2019



383.699 tỷ đồng
▲ 19,5% so với 31/12/2018

➤ Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

TẦM NHÌN

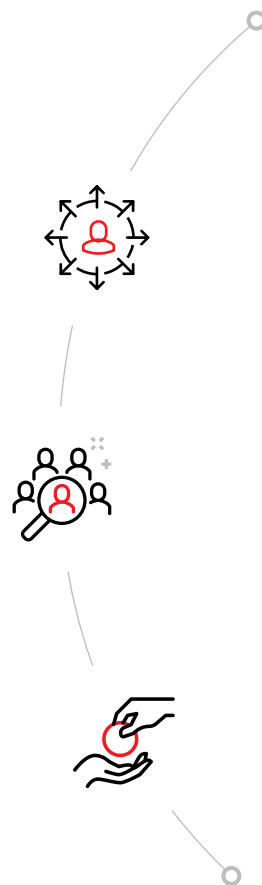
“Trở thành Ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.”

SỨ MỆNH

Trở thành đối tác tài chính được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng nhờ khả năng cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng và dựa trên cơ sở luôn coi khách hàng làm trọng tâm.

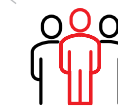
Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất với nhiều cơ hội để phát triển năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự nghiệp thành đạt.

Mang lại cho cổ đông những lợi ích hấp dẫn, lâu dài thông qua việc triển khai một chiến lược phát triển kinh doanh nhanh mạnh song song với việc áp dụng các thông lệ quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro chặt chẽ theo tiêu chuẩn quốc tế.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị Techcombank cam kết mang lại cho khách hàng trong nhiều năm qua bao gồm:



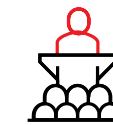
Khách hàng là trọng tâm

“Vì chúng ta chỉ thành công khi khách hàng thành công”



Đổi mới và sáng tạo

“Để luôn dẫn đầu”



Hợp tác vì mục tiêu chung

“Tạo nên sức mạnh tập thể để mang lại kết quả vượt trội cho cả cá nhân lẫn tổ chức”



Phát triển bản thân

“Để có khả năng nắm bắt cơ hội phát triển cùng với tổ chức”



Làm việc hiệu quả

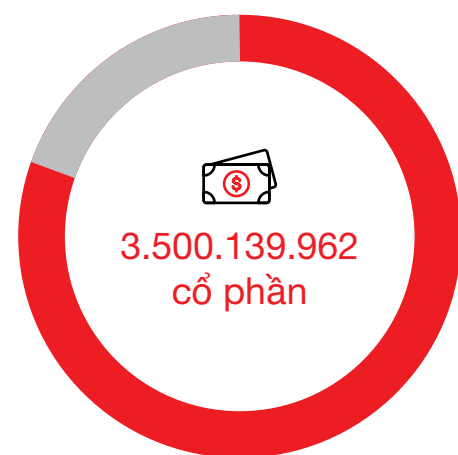
“Để mang lại thành công lớn hơn với nguồn lực phù hợp”

➤ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Techcombank tại ngày 31/12/2019 là 3.500.139.962 cổ phần (tương đương với vốn điều lệ 35.001.399.620.000 VNĐ), trong đó:



- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.866.892.504 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 633.247.458 cổ phần

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

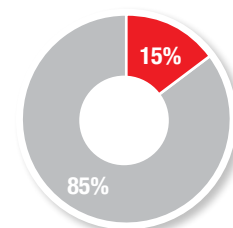
Trong năm 2019, Techcombank tăng vốn điều lệ từ 34.965.921.600.000 đồng lên 35.001.399.620.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tại ngày 31/12/2019, Techcombank không có cổ phiếu quỹ.
Năm 2019, Techcombank không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

Cơ cấu cổ đông

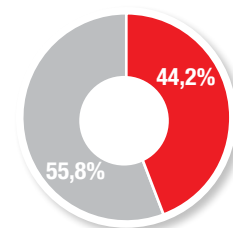
Cổ đông lớn, cổ đông còn lại



- Cổ đông lớn: 524.315.499 cổ phần
- Các cổ đông còn lại: 2.975.824.463 cổ phần

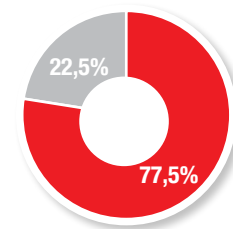
Theo điều 4.26 Luật các Tổ chức Tín dụng ban hành năm 2010, “cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là những cổ đông trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó”.

Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân



- Cổ đông tổ chức: 1.545.919.456 cổ phần
- Cổ đông cá nhân: 1.954.220.506 cổ phần

Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài



- Cổ đông trong nước: 2.712.779.978 cổ phần
- Cổ đông nước ngoài: 787.359.984 cổ phần

➤ Chặng đường lịch sử

Năm 1993 khi Techcombank được thành lập, Việt Nam vừa mới trải qua công cuộc Đổi Mới. Cũng như nền kinh tế Việt Nam, Techcombank đã trải qua 26 năm với nhiều giai đoạn phát triển. Nhìn chung nền kinh tế trong nước cũng như ngành tài chính ngân hàng vẫn còn rất non trẻ. Tuy nhiên, Việt Nam có khoảng 95 triệu dân, tuổi dân số trẻ và đang có xu hướng gia tăng mạnh. Trong đó, theo thống kê có khoảng 70% dân số vẫn chưa được tiếp cận với các sản phẩm tài chính. Do đó, dự báo thị trường tài chính Việt Nam sẽ còn rất nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

Với Techcombank, khi chúng tôi đặt ra tầm nhìn của mình, thành công không chỉ là đích đến cuối cùng mà còn là dấu ấn của cả một quá trình chuyển đổi. Tiếp nối cột mốc ấn tượng của năm 2018 khi Techcombank hoàn thành thương vụ IPO lớn nhất trong lịch sử ngành ngân hàng Việt Nam và tiến hành niêm yết trên Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 2019, Techcombank đã tiếp tục khẳng định vị trí của Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam, khi lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục trên 12 nghìn tỷ VNĐ, hiệu quả hoạt động dẫn đầu ngành và đón thêm 1 triệu khách hàng mới. Với những kết quả vượt trội này, Techcombank tự tin hướng đến hoàn thành các mục tiêu năm 2020, và vững bước trên hành trình chuyển đổi để trở thành Ngân hàng tốt nhất Việt Nam.



Chặng đường lịch sử (tiếp theo)

1993 Thành lập với vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

2001 Triển khai hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Globus theo tiêu chuẩn quốc tế.

2003 Tham gia hệ thống thanh toán thẻ toàn cầu thông qua thẻ F@stAccess - Connect 24.

2006 Tham gia “câu lạc bộ” các ngân hàng có tài sản trên 1 tỷ USD.

2008 Thành viên sáng lập liên minh thẻ lớn nhất Việt Nam Smartlink; Ra mắt thẻ tín dụng Techcombank Visa.

2009 Khẳng định vị trí ngân hàng TMCP hàng đầu với vốn điều lệ lên 5.400 tỷ đồng; tổng tài sản đạt mức 95.000 tỷ đồng và là ngân hàng đầu tiên hợp tác với nhà tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới McKinsey.

2010 Techcombank là “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010” do tạp chí EuroMoney trao tặng, và được đánh giá cao với nhiều giải thưởng quốc tế.

2011 Ngân hàng TMCP lớn thứ 2 Việt Nam với quy mô tổng tài sản 180.000 tỷ cùng 307 chi nhánh trên toàn quốc.

2012 Ngân hàng đi đầu trong việc mang đến trải nghiệm công nghệ số thông qua dịch vụ giao dịch ATM không cần thẻ đến hơn 2,8 triệu khách hàng.

2014 • Khẳng định vị thế ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ với 23 giải thưởng uy tín từ các tổ chức trong và ngoài nước như Global Finance, IFC, Finance Asia.

• Là sự lựa chọn tin cậy của 3,7 triệu khách hàng cá nhân và 48 nghìn khách hàng doanh nghiệp.

2015 Top 2 ngân hàng có doanh số thanh toán thẻ Visa lớn nhất thị trường, với 4,2 triệu khách hàng.

2016 • Bước vào giai đoạn bứt phá với sự ra mắt và triển khai chiến lược 2016-2020 để trở thành ngân hàng dẫn dắt đời sống tài chính của người dân Việt Nam, và là Ngân hàng số 1 Việt Nam.

• Lợi nhuận 2016 tăng trưởng gấp đôi so với năm trước, với giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” được trao tặng bởi Finance Asia, “Ngân hàng Việt Nam xuất sắc của năm” từ Asia Risk và “Doanh nghiệp có chính sách nhân sự xuất sắc” Vietnam HR Awards.

2016



Yếu tố nền tảng cho thành công của Techcombank là niềm tin của cổ đông, sự cam kết, đồng lòng của cán bộ nhân viên và sự kiên định phát triển của tổ chức.

2017



• Ngân hàng đứng đầu về chỉ số tín nhiệm tương đương mức “trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia” do S&P công bố.

• Duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận gấp đôi đạt 8.036 tỷ đồng, đứng thứ hai về khả năng sinh lời do The Asian Banker xếp hạng, với số lượng khách hàng đạt mốc hơn 5 triệu.

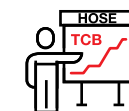
• Ngân hàng đứng đầu về doanh số thanh toán thẻ quốc tế Visa của Việt Nam.

• Ngân hàng dẫn đầu về sản phẩm bảo hiểm, mang đến sự hợp tác chiến lược với nhà cung cấp bảo hiểm hàng đầu Manulife.

• Đứng đầu về chỉ số gắn kết (EES) do cán bộ nhân viên bình chọn và đứng Top 2 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành tài chính ngân hàng.

• Ghi dấu ấn biểu tượng Kết nối cộng đồng với Giải Marathon Quốc tế TP. Hồ Chí Minh Techcombank.

2018



• Chính thức niêm yết trên sàn Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, với mã cổ phiếu TCB, giá trị vốn hóa tại thời điểm niêm yết 6,5 tỷ USD.

• Top 3 thương vụ IPO lớn nhất thị trường Đông Nam Á 2018.

• Tăng vốn điều lệ gấp 3 lần lên mức 34.965,9 tỷ đồng.

• Là ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân đầu tiên vượt mức lợi nhuận 10.000 tỷ VNĐ.

• Ngân hàng đứng đầu về doanh số giao dịch thẻ Visa (thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng) tại Việt Nam do tổ chức Thẻ Quốc tế Visa trao tặng.

• Giải thưởng Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2018 do tổ chức Euromoney bình chọn.

• Giải thưởng Ngân hàng Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam 2018 do tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng.

2019



• Khai trương văn phòng hội sở miền Bắc thứ hai - 119 Trần Duy Hưng Techcombank Agile Center.

• Lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục trên 12 nghìn tỷ VNĐ và đón thêm hơn 1 triệu khách hàng mới.

• Đứng đầu ngành ngân hàng về hiệu quả hoạt động, vượt mục tiêu trước 2 năm. Có nền tảng Nhân sự xuất sắc với chỉ số OHI và EES ở mức kỷ lục.

• Đứng đầu toàn thị trường về doanh số thanh toán qua thẻ VISA, nhận 7 giải thưởng từ tổ chức VISA - số lượng giải nhiều nhất từng được trao cho một ngân hàng tại Việt Nam.

• Chính thức áp dụng chuẩn Basel II từ 01/07/2019, tỷ lệ CAR luôn ở mức cao gấp đôi so với chuẩn yêu cầu của NHNN.

• Giải thưởng “Ngân hàng xuất sắc nhất Việt Nam” do Asia Risk bình chọn, khẳng định năng lực thiết kế và cung cấp các sản phẩm phái sinh với quy mô lớn, các giải pháp tài chính cho khách hàng và hệ thống quản trị nội bộ bài bản.

• Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán tốt nhất Việt Nam 2019” do The Asian Banker trao tặng.

Mạng lưới và công ty con

Mạng lưới chi nhánh

Tại ngày 31/12/2019, Techcombank có:



01

Hội sở chính



02

Văn phòng đại diện



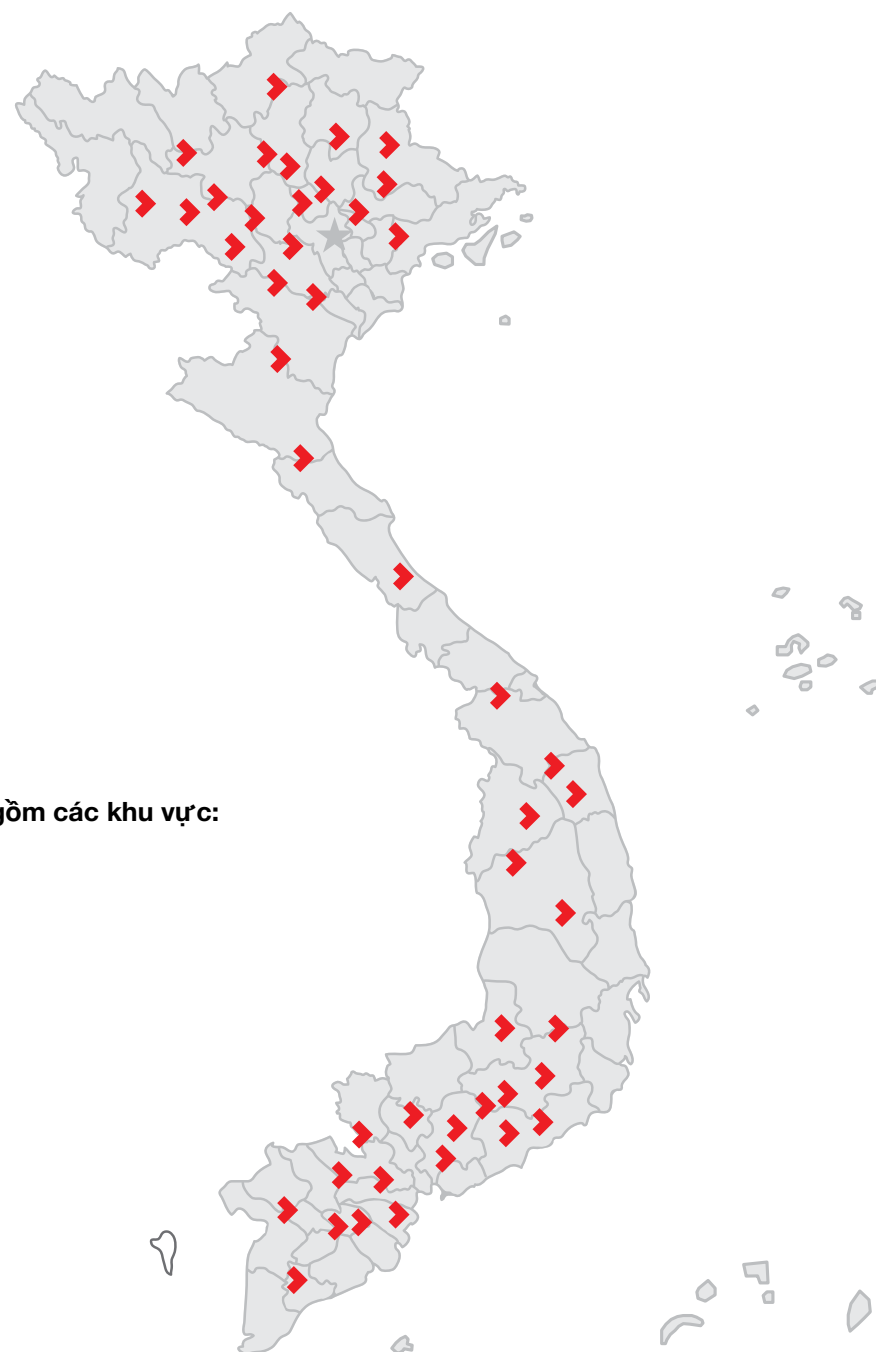
311

Điểm giao dịch



03

Công ty con



Hoạt động tại 45 trên 64 tỉnh thành trên cả nước, gồm các khu vực:

- ▶ 128 chi nhánh tại Đồng bằng sông Hồng
- ▶ 4 chi nhánh tại Tây Bắc Bộ
- ▶ 16 chi nhánh tại Đông Bắc Bộ
- ▶ 10 chi nhánh tại Bắc Trung Bộ
- ▶ 18 chi nhánh tại Nam Trung Bộ
- ▶ 3 chi nhánh tại Tây Nguyên
- ▶ 117 chi nhánh tại Đông Nam Bộ
- ▶ 15 chi nhánh tại Đồng bằng sông Cửu Long

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (TCBS)

Giấy phép hoạt động	:	Số 37/GPĐC- UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/06/2019
Địa chỉ	:	Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh	:	Hoạt động chứng khoán
Vốn điều lệ	:	1.123.595.510.000 VNĐ
% sở hữu bởi Techcombank	:	89%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (Techcom Securities - TCBS) với hai mảng kinh doanh cốt lõi gồm **Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và Quản lý Gia sản** đã trở thành công ty chứng khoán có lợi nhuận lớn nhất và hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam năm 2019. Không chỉ mạnh về sản phẩm tài chính đa dạng, TCBS còn là một công ty Wealthtech điển hình, tập hợp một lực lượng nhân sự công nghệ thông tin lớn và công khai theo đuổi chiến lược phát triển hệ thống công nghệ làm nền tảng kinh doanh để trở thành công ty công nghệ hàng đầu trên thế giới.

TCBS tiếp tục khẳng định vị trí số 1 về thị phần môi giới trái phiếu trên sàn HoSE, cụ thể đạt 82,4%, tăng 0,7% so với năm 2018.

Quỹ trái phiếu TCBF do TCBS phân phối tiếp tục giữ vị thế là quỹ mở nội địa lớn nhất Việt Nam với 93,5% thị phần quỹ trái phiếu tại Việt Nam.

Điểm nhấn 2019

Nhiệm vụ Sản phẩm đầu tư ghi nhận kết quả tăng trưởng ấn tượng với doanh thu tăng 53%. Số lượng khách hàng tham gia đầu tư trái phiếu tăng 37%, số lượng tham gia đầu tư quỹ tăng 106%, số lượng tài khoản chứng khoán mở mới tăng 183%.

TCBS tiếp tục giành các giải thưởng danh giá: “Nhà tư vấn trái phiếu tốt nhất Việt Nam giai đoạn từ 2007 đến 2019” của tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng; “Nhà tư vấn trái phiếu tốt nhất Việt Nam 2019” của tạp chí Finance Asia trao tặng; “Nhà tư vấn trái phiếu tốt nhất Việt Nam năm 2019” và “Giao dịch tư vấn xuất sắc nhất” do The Asset vinh danh.

Mạng lưới và công ty con (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Chỉ số tài chính an toàn, vững mạnh

Năm 2019, những chỉ số tài chính chủ lực TCBS tiếp tục duy trì ở mức độ vững mạnh và an toàn cao. Tổng giá trị tài sản và doanh thu tăng trưởng đều đặn trong giai đoạn 2015 - 2019.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt mức 39%, đứng trong top các công ty chứng khoán tại châu Á, đưa lợi

nhuận trước thuế năm 2019 của TCBS đạt 1.819 tỷ đồng, tăng 19% so với năm ngoái. Tổng tài sản của Công ty tiếp tục tăng trưởng vượt bậc 45% nhờ việc đẩy mạnh nghiệp vụ sản phẩm đầu tư cá nhân (bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, và các quỹ đầu tư). Biên lợi nhuận ròng cũng giữ ở mức ổn định với tỷ lệ 67% năm 2019.

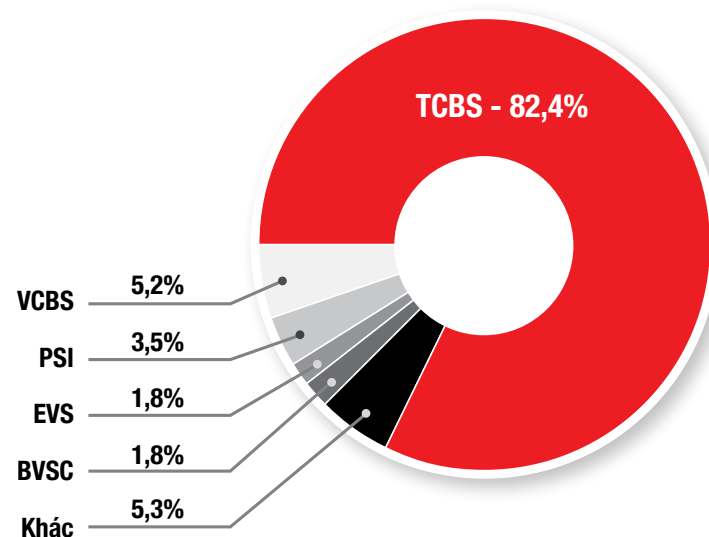
Nghiệp vụ Sản phẩm đầu tư cá nhân duy trì nhiều thành tựu nổi bật

Sản phẩm iBond được ưa chuộng trên thị trường

Dẫn dắt thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) tại Việt Nam, TCBS đã tư vấn phát hành và huy động thành công trên 60.000 tỷ đồng trái phiếu trong năm 2019. Trong đó, TCBS đã phân phối bán lẻ ra thị trường cho nhà đầu tư cá nhân hơn 30.000 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 5 năm 2014 - 2019, hơn 80.000 tỷ đồng sản phẩm iBond đã được TCBS phân phối ra thị trường bán lẻ. Với hơn 95% danh mục TPDN niêm yết trên sàn đều từ TCBS, thị phần giao dịch TPDN trên sàn HoSE của công ty tiếp tục chiếm hơn 80% trong năm 2019.

Thị phần giao dịch trái phiếu năm 2019



Nguồn: HoSE

Quỹ TCBF tăng trưởng ổn định bất chấp sự biến động thị trường

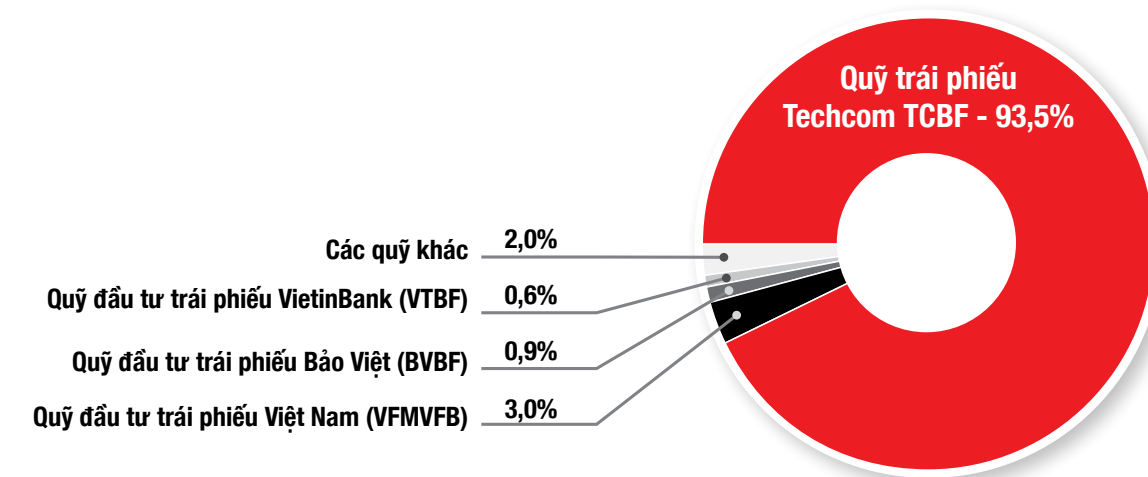
Bên cạnh đó, Quỹ đầu tư trái phiếu Techcom (TCBF) đã có một năm hoạt động ổn định. Năm 2019, khối lượng phân phối Quỹ đầu tư iFund của TCBS tiếp tục tăng trưởng mạnh, gấp 2,7 lần so với năm 2018, đạt 18.801 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 60% thị phần quỹ đầu tư nội địa tại Việt Nam.

Quỹ TCBF đã thu hút hơn 22.720 khách hàng tham gia đầu tư, đạt giá trị tài sản ròng 15.360 tỷ đồng tại 31/12/2019, tăng 132% so với năm 2018, tiếp tục giữ vị thế là quỹ mở nội địa lớn nhất Việt Nam với 93,5% thị phần quỹ trái phiếu.

Nhờ danh mục đầu tư tập trung chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp (có tính rủi ro thị trường thấp), trong 3 năm trở lại đây, TCBF đã mang về mức lợi nhuận ổn định là 8,2% cho 1 năm, 17% cho 2 năm và 26,7% cho 3 năm cho nhà đầu tư của mình.

Với số lượng khách hàng đăng ký mới liên tục tăng, quỹ trái phiếu TCBF kỳ vọng sẽ thu hút thêm nhiều nhà đầu tư để nâng tổng tài sản quản lý lên trên mức 1 tỷ USD.

Quy mô các quỹ trái phiếu theo tài sản quản lý năm 2019



Tiên phong các xu hướng Fintech để nâng tầm dịch vụ và trải nghiệm khách hàng

TCBS hiện là một trong những ngân hàng đầu tư tập trung theo đuổi chiến lược Fintech. Việc đơn giản hóa các quy trình, thủ tục, giấy tờ và áp dụng các xu hướng Fintech vào hoạt động kinh doanh đã giúp TCBS nhanh nhạy nắm bắt thị hiếu khách hàng, để từ đó liên tục thay đổi, nâng tầm dịch vụ và trải nghiệm cho khách hàng.

nghe bằng phương thức eKYC, tiện ích bỏ phiếu điện tử e-Voting, hệ thống đào tạo trực tuyến e-Learning hay hệ thống tích điểm iXu nhận thưởng cho các khách hàng thân thiết.

Năm 2019, hệ thống Dịch vụ khách hàng của TCBS không ngừng cải thiện với hàng loạt những tính năng hiện đại như đơn giản hóa thủ tục mở tài khoản thông qua hỗ trợ của công

Không chỉ vậy, để đảm bảo mọi khách hàng luôn được lắng nghe, hỗ trợ và đề xuất những sản phẩm phù hợp, TCBS đã sử dụng công cụ iWealth Chatbot, chương trình kết hợp với trí tuệ nhân tạo (AI) thay thế cho nhân viên tư vấn giải đáp kịp thời những thắc mắc của khách hàng.

➤ Mạng lưới và công ty con (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN (AMC)

Giấy phép hoạt động	: Số 0102786255 ngày 18/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi lần thứ 22 ngày 03/05/2019
Địa chỉ	: Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh	: Quản lý nợ và khai thác tài sản
Vốn điều lệ	: 410.000.000.000 VNĐ
% sở hữu bởi Techcombank	: 100%

Đóng vai trò là khâu cuối cùng trong chu trình tín dụng, Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank AMC) có nhiệm vụ xử lý các khoản nợ xấu, nợ quá hạn nhận ủy thác từ Techcombank. Với đội ngũ hơn 300 cán bộ nhân viên trẻ, chuyên nghiệp, am hiểu pháp luật, Techcombank AMC tự hào là một trong những công ty xử lý nợ và khai thác tài sản dẫn đầu trên thị trường. Năm 2019, Techcombank AMC đã đạt được các con số đáng ghi nhận và góp một phần không nhỏ vào kết quả hoạt động của Techcombank, thể hiện qua số thu nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro là 1.080 tỷ đồng.

2019 cũng là năm Techcombank AMC tập trung phát triển nguồn nhân lực và công cụ hỗ trợ quản lý thông qua các dự án về nhân sự xuất sắc và nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý nợ để tối ưu hóa các công tác xử lý nợ. Đây cũng là mục tiêu của Techcombank AMC trong năm 2020 bên cạnh các mục tiêu về tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG (TCC)

Giấy phép hoạt động	: Số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/06/2019
Địa chỉ	: Tầng 10, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh	: Quản lý quỹ
Vốn điều lệ	: 44.943.820.000 VNĐ
% sở hữu bởi Techcombank	: 89%

Được thành lập từ năm 2008, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“Techcom Capital”) là công ty con thuộc Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”). Mục tiêu của Techcom Capital là cung cấp các dịch vụ quản lý đầu tư và tư vấn tài chính doanh nghiệp bao gồm: Tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp, Tư vấn huy động vốn và Tư vấn M&A.

Hoạt động quản lý quỹ và danh mục đạt 149 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra của Công ty.

Quỹ mở trái phiếu (TCBF) có giá trị danh mục lớn nhất, chiếm đến 93,5% thị phần quỹ trái phiếu nội địa.

**Điểm nhấn
2019**

Tính riêng về quy mô tài sản quản lý của các quỹ mở nội địa, giá trị tài sản quản lý (AUM) của TCC hiện đạt 15.482 tỷ đồng, chiếm 58% thị phần, tiếp tục duy trì vị trí số 1 về quy mô tài sản quản lý tại Việt Nam.

Năm 2019, đã có hơn 588 tỷ đồng chứng chỉ quỹ FlexiCASH được bán ra, gấp 11,7 lần so với thời điểm quỹ ra mắt thị trường cuối năm 2018.

Mạng lưới và công ty con (tiếp theo)

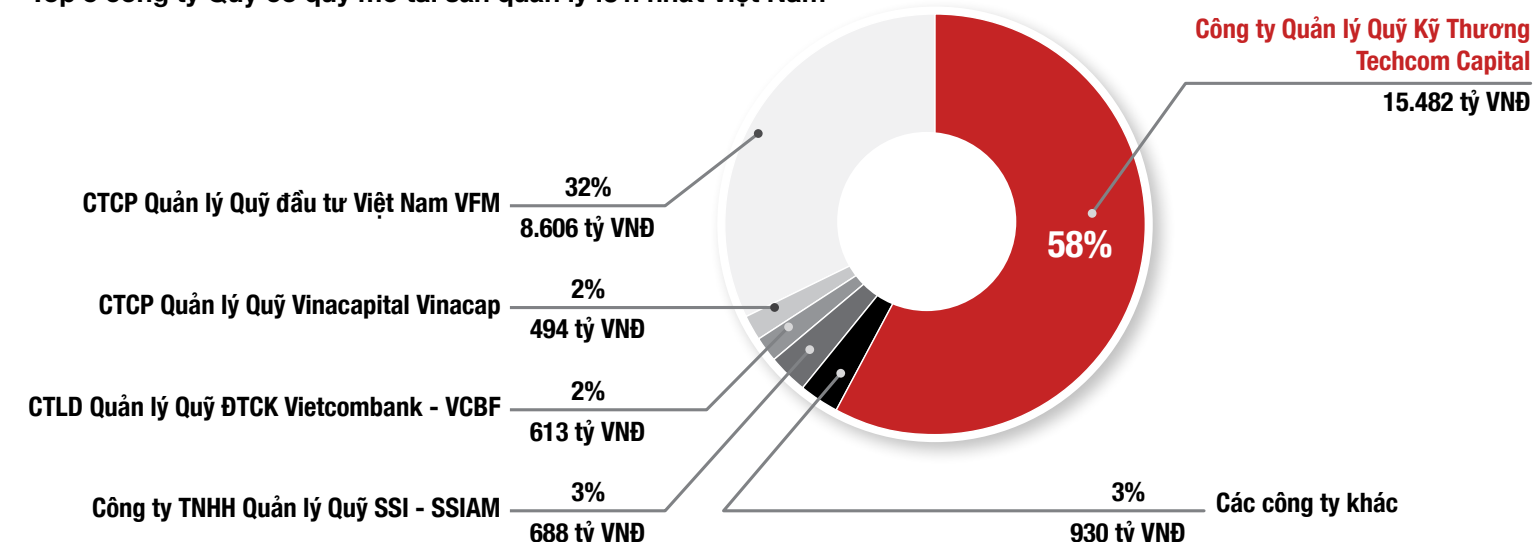
Công ty con (tiếp theo)

Techcom Capital trong năm 2019

Ngành quản lý quỹ đã trải qua một năm 2019 có nhiều biến động với những áp lực chung về sự điều chỉnh của thị trường. Đứng trước những thách thức này, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (Techcom Capital hay TCC) vẫn kiên định với mục tiêu và chiến lược đầu tư xuyên suốt, tập trung đầu tư vào các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam và hướng đến các công ty có ngành nghề kinh doanh và nội tại bền vững. Năm 2019, quỹ mở trái phiếu TCBF do TCC quản lý thuộc số ít quỹ mở có mức tăng trưởng vượt VN-Index với mức tăng trưởng Giá trị tài sản ròng (NAV)/chứng chỉ quỹ (CCQ) hơn 8%.

Kết thúc năm 2019, TCC ghi nhận lợi nhuận trước thuế tăng 3,7 lần so với 2018, đạt 185 tỷ đồng. Riêng trong quý 4/2019, lợi nhuận trước thuế của TCC đạt 63 tỷ đồng, tăng trưởng 204%. Trong giai đoạn 2017 - 2019, chỉ số lợi nhuận sau thuế duy trì mức tăng trưởng trung bình vượt trội là 174%. Bên cạnh đó, hệ số đánh giá hiệu quả hoạt động ROE tăng mạnh từ 45% lên 80% năm 2019.

Top 5 công ty Quỹ có quy mô tài sản quản lý lớn nhất Việt Nam



Quản lý Quỹ đầu tư

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (TCBF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 15.360 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định như các trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

Tình hình hoạt động: Quỹ trái phiếu Techcom (TCBF) năm 2019 tiếp tục giữ vị thế là quỹ đầu tư nội địa lớn nhất Việt Nam, chiếm đến 93,5% thị trường. Giá trị tài sản ròng của quỹ TCBF tại ngày 30/09/2019 tiếp tục gia tăng vượt trội, đạt 15.360 tỷ đồng, tăng 132% so với cùng thời điểm năm 2018.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2018	2019	Tăng trưởng (%)
NAV/CCQ (đồng)	12.726	13.765	8%

Ngày thành lập quỹ: 8/9/2015

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Linh Hoạt (FlexiCASH)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 31 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019

Chiến lược đầu tư: Tối ưu hóa lợi nhuận dòng tiền ngắn hạn của khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Thay vì để tiền ngắn hạn chưa sử dụng tại ngân hàng với lãi suất không kỳ hạn 0,5%/năm, nhà đầu tư có thể thu được lợi nhuận kỳ vọng lên đến 6%/năm cho thời hạn đầu tư ngắn hạn chỉ từ một đến vài tuần.

Tình hình hoạt động: FlexiCASH có danh mục đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn ngắn. Năm 2019, đã có hơn 588 tỷ đồng chứng chỉ quỹ FlexiCASH được bán ra, gấp 11,7 lần so với thời điểm quỹ ra mắt thị trường cuối năm 2018.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2018	2019	Tăng trưởng (%)
NAV/CCQ (đồng)	10.065	10.642	6%

Ngày thành lập quỹ: 5/12/2018

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu (TCEF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 90 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào (i) chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu (ii) chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, (iii) chứng khoán có mức định giá hấp dẫn, (iv) chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Tình hình hoạt động: Trước bối cảnh VN-Index diễn biến thiếu tích cực, Quỹ TCEF áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, linh hoạt, đạt mức tăng trưởng 6,1% cả năm 2019 và đứng thứ 6 trên tổng 14 quỹ mở tại Việt Nam tính theo tỷ suất lợi nhuận.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2018	2019	Tăng trưởng (%)
NAV/CCQ (đồng)	12.580	13.293	6%

Ngày thành lập quỹ: 8/9/2015

Quỹ Đầu Tư Bất Động Sản (TCREIT)

Loại quỹ: Quỹ đóng niêm yết, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 61 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019

Chiến lược đầu tư: Mang lợi ích dài hạn cho nhà đầu tư nhờ nguồn thu nhập đều đặn và ổn định từ bất động sản và tăng trưởng dài hạn của giá trị bất động sản, dựa trên chiến lược quản lý bất động sản năng động, hiệu quả. Ngoài ra, quỹ có thể đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính quyền địa phương, các cổ phiếu niêm yết hàng đầu trên Sở HoSE và HNX.

Tình hình hoạt động: Kết thúc ngày 31/12/2019, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ thay đổi 2,1% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 30/09/2019.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2018	2019	Tăng trưởng (%)
NAV/CCQ (đồng)	10.957	12.261	11,91%

Ngày thành lập quỹ: 29/6/2016



Ông Nguyễn Lê Quốc Anh
Tổng Giám đốc

➤ Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc

Hành trình vạn dặm bắt đầu từ một bước chân...

Một ngày nọ, khi đang rảo bước quanh những con phố, tôi bắt gặp một người đàn ông trong bộ trang phục giản dị và có phần sờn cũ. Tôi chợt nhận ra anh ấy đang rất chăm chú sử dụng ứng dụng của Techcombank trên điện thoại. Thật đáng tiếc nếu tôi bỏ lỡ cơ hội khảo sát và nghiên cứu thị trường tuyệt vời như thế này. Tôi tiến lại gần và lịch sự hỏi ý kiến của anh ấy về ứng dụng Techcombank mà anh đang sử dụng.

“Đây là một ứng dụng tuyệt vời”, anh ấy nói. “Nhờ có ứng dụng của Techcombank mà tôi có thể sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng một cách nhanh chóng và dễ dàng. Tiết kiệm được rất nhiều thời gian, không hề rắc rối, và cũng không mất một chi phí gì cả!”. Khỏi phải nói, tôi cực kỳ vui sướng và tự tin khẳng định rằng Techcombank đã, đang và sẽ luôn đi đúng hướng.

Ngay trước khi rời đi, anh ấy nói với tôi rằng “Với số tiền tôi tiết kiệm được từ việc không phải trả phí, tôi có thể mua cho con trai tôi mỗi ngày một cây kem”. Điều đó thực sự chạm đến trái tim tôi và khiến tôi thực sự xúc động.

Đây chỉ là một trong hàng triệu câu chuyện khác nhau, hình thành nên sự chuyển đổi nhanh chóng và đáng tự hào của Techcombank trong quá trình trở thành một tổ chức lấy khách hàng làm trọng tâm. Techcombank đặt trọng tâm vào khách hàng là để hiểu rõ và cung cấp những gì quan trọng cho khách hàng Việt Nam. Để thực hiện được điều đó, Ngân hàng đã thực hiện chiến lược chuyển đổi trong 5 năm (2016-2020). Chúng tôi muốn khách hàng của mình biết họ là trung tâm của mọi công việc mà Techcombank thực hiện. Họ xứng đáng được tự do lựa chọn ngân hàng cung cấp các công cụ tài chính giúp cho gia đình và cuộc sống của họ đến gần hơn với ước mơ.

- C** Customers - Khách hàng
- E** Employees - Cán bộ nhân viên
- O** Owners - Cổ đông

Tôi rất tự hào khẳng định rằng Techcombank là tổ chức đặt khách hàng (Customers - C), cán bộ nhân viên (Employees - E) và cổ đông (Owners - O) lên hàng đầu, từ đó tạo nên CEO.

Việc chúng tôi tập trung vào đáp ứng nhu cầu của mọi người và sức mạnh của các dịch vụ số hóa đang giúp thay đổi bộ mặt ngành ngân hàng Việt Nam. Techcombank tập trung vào 6 lĩnh vực kinh tế tiêu dùng đóng góp gần ½ GDP của Việt Nam. Và việc đặt trọng tâm vào khách hàng cũng tạo ra giá trị cho cổ đông của Techcombank, năm 2019 là năm thứ 4 liên tiếp Techcombank duy trì được đà tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững của mình.

“Sức mạnh của chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm và chiến lược số hóa giúp chúng tôi dần dần thay đổi bộ mặt ngành ngân hàng tại Việt Nam.”

➤ Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc (tiếp theo)

Nhịp sống ở Việt Nam ngày càng trở nên bận rộn, dù đó là việc đồng áng ở nông thôn, hay cảnh lách xe từng phút đến văn phòng ở thành thị. Ai ai cũng vội vã, tất bật từ sáng đến tối mà chẳng có nhiều thời gian rảnh rỗi. Nhưng tuyệt vời thay, sự phát triển của công nghệ đang ngày ngày giúp cho người dân Việt Nam có thêm chút thời gian quý giá. Bởi những đổi mới công nghệ tiên tiến nhất đang mang lại sự tiện lợi và giúp cuộc sống bận rộn này trở nên đơn giản hơn.

Chị Bùi Thi Thi

Khách hàng cá nhân của Techcombank

“Với F@st Mobile, tôi chỉ cần 5 giây để thanh toán hóa đơn!”

Chị Thi làm việc tại Vinhomes, một công ty con thuộc Tập đoàn Vingroup. Từ sáng tới tối, chị có rất ít thời gian ra ngoài ăn tối với bạn bè, xem một bộ phim, hay dành một khoảng thời gian chất lượng với chồng con. Ngay cả việc đi chợ đối với chị cũng là một thử thách, chưa nói đến việc phải chạy xe giờ cao điểm để tới ngân hàng làm thủ tục giao dịch. Và đó là khi dịch vụ F@st Mobile của Techcombank trở thành một người bạn hữu ích của chị Thi.

Trước khi sử dụng dịch vụ này của Techcombank, chị đã từng phải đi đến 10 cây ATM khác nhau để rút tiền mặt. Chắc hẳn phải có cách nào đó tốt hơn! Chị vui vẻ cho biết: “Với F@st Mobile, tôi chỉ cần 5 giây để thanh toán hóa đơn!” Mobile banking rất nhanh chóng và tiện lợi. Chị có thể sử dụng bất cứ lúc nào, khi đang ngồi ở bàn làm việc, trong giờ nghỉ hoặc ở nhà khi các con làm bài tập. Điều đó



có nghĩa là chị chỉ cần đến chi nhánh của Techcombank khi cần hỗ trợ đặc biệt. Chị Thi cho biết: “Khi tôi cần hỗ trợ trực tiếp, bất kể khi đó là tối muộn, vẫn sẽ luôn có nhân viên của Techcombank giúp đỡ tôi. Họ luôn mỉm cười, tràn đầy năng lượng và nhiệt huyết.”



Ước mơ của tất cả người dân Việt Nam là được sở hữu căn nhà của riêng mình và tận hưởng một cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Tại Techcombank, chúng tôi làm việc chăm chỉ mỗi ngày để ước mơ đó thành hiện thực cho những khách hàng của mình. Chúng tôi luôn đồng hành cùng khách hàng để tạo ra trải nghiệm thoải mái nhất, đảm bảo hành trình đến ước mơ của họ diễn ra suôn sẻ nhất có thể. Vì vậy, rất nhiều khách hàng của Techcombank hiện nay đã sở hữu những mái ấm riêng cho họ.

Anh Nguyễn Đình Thi và chị Nguyễn Hải Yến

Khách hàng M+ của Techcombank

“Gia đình chúng tôi rất yêu ngôi nhà mới, vùng đất mới và cuộc sống mới tại đây.”

“Bắt đầu một cuộc sống mới là một quyết định không hề dễ dàng. Nhưng với Techcombank ở bên cạnh, chúng tôi đã có một khởi đầu tốt.”

Anh Thi và chị Yến sống ở Hải Phòng trước khi họ tình cờ nhìn thấy những tấm hình về căn hộ Vinhomes Ocean Park. Là một trong những dự án mới hiện đại bậc nhất Việt Nam, Vinhomes Ocean Park nằm ở trung tâm một quần thể đẳng cấp quốc tế. “Chúng tôi đã phải lòng dự án này ngay lập tức” - anh Thi thốt lên. Lúc ấy anh nhìn vợ rồi hỏi, “Tại sao gia đình mình không mua một căn hộ cao cấp ở đây nhỉ?”

“Vì thế, sau một hồi suy nghĩ, chúng tôi đã quyết định mua. Techcombank đã gửi email cho chúng tôi các tài liệu cần thiết, và toàn bộ khoản vay đã được phê duyệt trong vòng hai ngày!” Đó là lần đầu tiên anh Thi được trải



những trải nghiệm mà anh được chỉ dẫn từng tài liệu anh cần nộp, thời gian bao lâu sẽ hoàn thành, và anh có thể kiểm tra hồ sơ của mình trực tuyến bất cứ lúc nào. “Trước khi có công nghệ này, tôi đã phải loay hoay gọi cho các chi nhánh hoặc chuyên viên tư vấn để cập nhật. Nếu họ không trả lời ngay lập tức, tôi lại thấy bồn chồn không yên. Có Techcombank, tôi chỉ cần kiểm tra trực tuyến bất cứ khi nào tôi muốn!”

Cặp vợ chồng rất yêu ngôi nhà mới, vùng đất mới và cuộc sống mới của họ. Nhưng quan trọng nhất, điều đó đảm bảo một tương lai hoàn toàn khác cho gia đình họ. Con cái của họ sẽ có những trải nghiệm chưa từng có, và ngôi nhà mới mang đến những điều kiện tốt nhất để phát triển cho các con. Gia đình anh Thi, chị Yến chưa bao giờ hạnh phúc như vậy.

➤ Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc (tiếp theo)

“Nếu mọi người không cùng đi về một hướng, họ sẽ bối rối, tạo ra nhiều khoảng trống lẫn sự trùng lặp, ảnh hưởng đến tinh thần và hiệu quả công việc.”



Không ngừng chuyển đổi

Giai đoạn 1 của chương trình chuyển đổi thành công của Techcombank sẽ kết thúc vào năm 2020 và Ngân hàng đang trên đà chuẩn bị cho giai đoạn 2. Như người ta vẫn nói “điều quan trọng không phải đích đến mà chính là hành trình.” Chúng tôi đang trong quá trình chuyển đổi và liên tục cải thiện bản thân. Kế hoạch của Techcombank trong giai đoạn 2021-2025 sẽ tiếp nối những thành quả của giai đoạn trước và sẽ không dừng lại cho tới khi Techcombank trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam.

Chúng tôi sẽ tiếp tục sứ mệnh làm cho cuộc sống của khách hàng trở nên dễ dàng và đơn giản hơn. Cho dù là giao dịch qua điện thoại hay online, chúng tôi luôn muốn giúp họ tiết kiệm thời gian và tiền bạc. Chúng tôi sẽ giúp khách hàng giao dịch bất cứ khi nào, tại bất kỳ nơi đâu họ muốn với chi phí thấp hơn. Tuy nhiên, cung cấp dịch vụ giao dịch xuất sắc không phải là mục tiêu cuối cùng của Techcombank - mà chúng tôi sẽ xây dựng các mối quan hệ bền vững và lâu dài với khách hàng. Bằng cách cung cấp các dịch vụ cao cấp, an toàn và đáng tin cậy, chúng tôi sẽ đảm bảo được việc khách hàng chọn ở lại dài lâu cùng ngân hàng.

Một phần không nhỏ trong chương trình chuyển đổi của chúng tôi là truyền cảm hứng cho hơn 11.000 nhân viên làm việc vì mục tiêu chiến lược chung. Nếu mọi người không



cùng đi về một hướng, họ sẽ bối rối, tạo ra nhiều khoảng trống lẫn sự trùng lặp, ảnh hưởng đến tinh thần và hiệu quả công việc. Bằng cách hợp sức các nguồn lực nội bộ vì một mục tiêu chung, chúng tôi đã tạo được sự đồng điệu diệu kỳ cần thiết để có thể đạt được mục tiêu “khách hàng là trọng tâm” như ngày hôm nay và cả ngày mai.

Bất kể việc gì chúng tôi làm - như gửi email, gọi điện thoại hay thực hiện giao dịch tại chi nhánh, chúng tôi luôn tự hỏi: “Điều này có đang giúp ích gì cho khách hàng của mình hay không?” Bởi chỉ khi khách hàng thành công thì chúng tôi mới có thể thành công được. Thành công của khách hàng chính là thành công của Ngân hàng.

Chúng tôi rất hứng khởi với sự tiến bộ của Ngân hàng nhưng còn rất nhiều điều khác cần làm. Khách hàng của chúng tôi luôn mong muốn Ngân hàng dành thời gian lắng nghe, thay đổi và cung cấp những trải nghiệm tuyệt vời nhất có thể - cho dù họ đang sử dụng bất kỳ dịch vụ gì.

Tại Techcombank, chúng tôi chiêu mộ, phát triển và giữ lại những ứng viên tốt nhất. Chúng tôi xây dựng lộ trình sự nghiệp rõ ràng, tạo động lực cho hơn 11.000 CBNV để họ cống hiến hết mình cho tổ chức. Mức lương thưởng cạnh tranh và những khóa tập huấn nghiệp vụ - kĩ năng chắc chắn là những khoản đầu tư xứng đáng cho tương lai của mỗi CBNV nói riêng và cho toàn Ngân hàng nói chung.

➤ Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc (tiếp theo)

Vào tháng 9/2019, Techcombank đã giành giải Nhà tuyển dụng của năm - Lĩnh vực Ngân hàng tại lễ trao giải Stevie Awards. Giải thưởng quốc tế uy tín này được coi là “giải Oscar” cho doanh nghiệp và khắc họa những cam kết của chúng tôi với các chính sách làm việc xuất sắc, sự hài lòng và truyền cảm hứng cho nhân viên.

Chị Phan Thị Hồng Loan

Quản lý quan hệ khách hàng
Khối Tư vấn tài chính và Dịch vụ khách hàng

“Lãnh đạo Techcombank luôn tích cực khuyến khích tôi để đạt nguyện vọng nghề nghiệp của mình và chỉ bảo những gì tôi cần làm để thành công.”

Chị Loan chia sẻ: “Trong suốt 10 năm làm việc tại Techcombank, tôi luôn cảm thấy được hỗ trợ hết mình.” Khi gia nhập Techcombank, bộ phận của chị Loan chỉ có một mình chị, nhưng sự hợp tác và giúp đỡ từ các đồng nghiệp đã khiến chị thoải mái ngay lập tức. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa chi nhánh và các bộ phận giúp khách hàng luôn có được các giải pháp, dịch vụ phù hợp, toàn diện nhất.

Điều quan trọng là lãnh đạo Techcombank luôn tích cực khuyến khích tôi để đạt nguyện vọng nghề nghiệp của mình và chỉ bảo những gì tôi cần làm để thành công. Các lãnh đạo rất chú ý đến công việc của chị để có thể đưa ra hướng dẫn phù hợp. Chị cho biết định hướng sự nghiệp được đề ra cụ thể, thúc đẩy nhân viên cống hiến hết mình cho công ty. Chị Loan mới tốt nghiệp khóa học TechcomLead. Lúc đầu, chị thường tự hỏi tại sao các lãnh đạo yêu cầu chị tham gia trong khi chị còn rất nhiều việc phải làm. Nhưng chị thấy rằng: “Khóa học rất giá trị! Tôi được dạy cách quản lý công việc tốt hơn để đạt được mục tiêu. Tôi cũng đã học được rất nhiều về tư duy lãnh đạo và cách tiếp cận tích cực để tạo ra những kết quả tốt.”



Sau một thập kỷ làm việc tại Techcombank, chị Loan vẫn giữ được lửa nhiệt huyết như ngày đầu. “Techcombank chưa bao giờ ngừng đổi mới để phục vụ khách hàng tốt hơn. Khi tôi tốt nghiệp, tôi nhận được hai lời mời làm thực tập sinh. Người cố vấn của tôi khi đó đã khuyên vào Techcombank vì danh tiếng cũng như sự sáng tạo, năng động của ngân hàng.” Các dịch vụ sáng tạo, quy trình làm việc tự động hóa của Techcombank giúp ích rất nhiều trong việc có thời gian tập trung vào nhu cầu của khách hàng.

Đối với chị, Techcombank đã thực hiện được một việc rất quan trọng, đó là đóng góp tích cực cho cộng đồng, thông qua hoạt động từ thiện, thúc đẩy sự phát triển tài chính đa dạng, toàn diện, và tạo ra các giá trị kinh tế. Nhiệt huyết và tận tâm, chị Loan thường xuyên làm việc với khách hàng là một nhà hảo tâm, người luôn tin tưởng vào dịch vụ của Techcombank vì chương trình Zero Fee. “Thực ra rất đơn giản thôi, số tiền mà khách hàng của chúng tôi tiết kiệm được từ các khoản phí giao dịch, chị ấy có thể dùng để làm từ thiện cho những người cần đến nó. Tôi cảm thấy mình đã đóng góp một phần giúp đỡ khách hàng của mình hỗ trợ cho cộng đồng. Thật là tuyệt vời.”

Chị Mai Thu Thảo gia nhập Techcombank đã được 14 năm và hiện là Trưởng nhóm Quản lý chứng từ Doanh nghiệp (CCA), thuộc Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ. “Đối với tôi, Techcombank là ngôi nhà thứ hai. Thời gian làm việc tại đây, tôi luôn cảm thấy thật may mắn vì được gắn bó, phát triển bản thân và đồng hành cùng sự phát triển của tổ chức”, chị Thảo cho biết.

Chị Mai Thu Thảo

Trưởng nhóm quản lý chứng từ doanh nghiệp
Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

“Techcombank đã tạo cho tôi rất nhiều cơ hội mà các công ty khác không có.”

Sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận của chị Thảo với các chi nhánh đã đem lại hiệu quả tốt nhất cũng như nhiều lợi ích cho khách hàng và cho ngân hàng. Bộ phận CCA làm việc trực tiếp với đội ngũ RM, CSM để thấu hiểu nhu cầu của khách hàng cũng như giúp phục vụ khách hàng nhanh nhất, đạt hiệu suất cao nhất.

Trong năm 2019, bộ phận CCA đã chủ động tìm tòi, học hỏi để cải tiến công việc, từ tự động hóa các thao tác thủ công, xây dựng bộ dữ liệu nguồn, tối ưu hóa dữ liệu đến chủ động đưa ra ý tưởng cải tiến quy trình giúp hệ thống vận hành nhanh hơn. “Năm 2019 vừa qua, bộ phận của chúng tôi đã đồng hành cùng Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (BBC) để nhanh chóng giảm thời gian cam kết với mỗi hợp đồng từ 105 phút xuống còn 1 giờ”. Những sáng kiến của CCA đã giúp tăng hiệu quả và năng suất hoạt động của Techcombank, rút ngắn thời gian giao dịch và cung cấp cho khách hàng nhiều lợi ích hơn.



Vậy Techcombank có phải là nơi làm việc tốt nhất hay không?

Chị Thảo cho biết, “Chắc chắn là như vậy! Techcombank đã tạo cho tôi rất nhiều cơ hội mà không thể tìm thấy ở những công ty khác. Chúng tôi được khuyến khích sáng tạo để tìm ra những giải pháp tốt nhất phục vụ khách hàng. Chúng tôi được truyền cảm hứng rất nhiều từ các anh chị lãnh đạo - những người luôn nhiệt huyết, và đầy tinh thần đổi mới. Chúng tôi có những người đồng nghiệp thân thiện và nhiệt thành. Và đặc biệt, chúng tôi luôn được đồng hành để cân bằng công việc và cuộc sống”.

➤ Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc (tiếp theo)

Giúp các doanh nghiệp hoạt động tốt hơn

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) là động lực thúc đẩy kinh tế Việt Nam. Nếu các doanh nghiệp này phát đạt, chúng tôi cũng vậy. Nhưng để có thể thành công trong kinh doanh, bạn cần phải hành động một cách mau lẹ và thích ứng với nhu cầu không ngừng thay đổi của người tiêu dùng. Với suy nghĩ đó, chúng tôi đã cải thiện các quy trình dành cho khách hàng SME như đơn giản quá quy trình phê duyệt tín dụng, thư tín dụng, bảo lãnh, và giải ngân khoản vay xuống còn 3 giờ. Cung cấp các dịch vụ ngân hàng tốt hơn cho SME giúp chúng tôi cải thiện hiệu suất và năng suất kinh doanh.

Chúng tôi luôn tìm cách vận hành hiệu quả với chi phí thấp nhất. Chính sách Zero Fee (Miễn phí dịch vụ chuyển tiền qua ngân hàng điện tử dành cho khách hàng) đã được duy trì trong hơn 3 năm qua. Tính đến tháng 9/2019, qua 3 năm thực hiện chương trình, hơn 18.000 khách hàng đã hưởng

lợi từ chương trình Zero Fee của chúng tôi - và một nửa trong số đó chỉ mới trở thành khách hàng từ tháng 9/2018. Nhiều ngân hàng khác đã được Techcombank truyền cảm hứng và bắt đầu tiếp bước chúng tôi, miễn phí chuyển khoản cho khách hàng của mình.

Để chứng minh lòng quyết tâm trở thành ngân hàng hàng đầu, kể từ tháng 2/2020, Techcombank đã áp dụng tỷ giá hối đoái và phí chuyển tiền quốc tế ưu đãi trên tài khoản thanh toán cho tất cả các khách hàng SME cùng các khách hàng doanh nghiệp lớn. Đây là động thái giúp nhiều doanh nghiệp có cơ hội vận hành kinh doanh theo cách họ muốn và là một cách để khích lệ những doanh nghiệp hoạt động trong các ngành được chính phủ ưu tiên. Mức lãi suất ưu đãi này là một điểm cộng bên cạnh chính sách Zero Fee của Techcombank.



Số hóa và tự động hóa

Công nghệ luôn là thách thức cho doanh nghiệp trong nhiều thế kỷ qua. Kể từ trước khi Alexander Graham Bell nhận bằng sáng chế đầu tiên tại Mỹ khi phát minh ra điện thoại năm 1876, nhiều công ty đã vật lộn trong cuộc chiến công nghệ không ngừng nghỉ để chuyển đổi quy trình, sản phẩm và kỳ vọng của khách hàng. Đối với các ngân hàng trong thế kỷ 21, công nghệ số và tự động hóa chính là hai nhân tố có thể gây gián đoạn thị trường và là thách thức để thành công. Sự tồn tại của chính Techcombank sẽ phụ thuộc vào cách chúng tôi chế ngự những yếu tố đó.

Chúng tôi hiểu hoặc là mình cần phải thích ứng nhanh với thế giới số hoặc là bị loại khỏi cuộc chơi. Nhưng điều quan trọng hơn cả là việc Techcombank có thể cung cấp các giải pháp và công cụ giúp khách hàng thực hiện giao dịch online bởi các chính sách hạn chế giao dịch tiền mặt từ Ngân hàng Nhà nước. Do đó, chúng tôi đang làm tất cả những gì có thể để thúc đẩy sự thay đổi về công nghệ số trong giao dịch ngân hàng. Đây chính là tương lai đối với chúng tôi - môi trường luôn thay đổi và chúng tôi đang có vị thế thuận lợi để vượt những đợt sóng thử thách về công nghệ, tạo ra sự thuận tiện trong cuộc sống của khách hàng.

Số hóa là một cơ hội để chúng tôi nhìn nhận lại vấn đề và đó là lý do chúng tôi đã thay đổi toàn bộ hành trình trải nghiệm khách hàng từ đầu tới cuối. Trước khi chúng tôi ra mắt ứng dụng trên điện thoại, khách hàng phải tới chi nhánh để giao dịch - mà thời gian đã trôi qua nghĩa là sẽ không thể lấy lại được nữa! Chúng tôi đang làm hết sức có thể để giúp mọi người sử dụng dịch vụ ngân hàng ngay khi họ đang ở nhà, gọi điện thoại hoặc thường trả. Đó cũng chỉ là một phần trong kế hoạch tạo điều kiện cho khách hàng quản lý tài chính dễ dàng hơn, thuận lợi hơn mà chi phí bỏ ra lại thấp hơn. Chẳng phải nhờ vậy mà chúng tôi đã tăng được trải nghiệm và mức độ hài lòng của khách hàng lên một cách đáng kể đó sao.



Sản phẩm M+ là một trong những sáng kiến đầu tiên chúng tôi thực hiện trong chiến lược số hóa và tự động hóa của mình. M+ đã giúp chúng tôi rút ngắn quy trình vay vốn hơn 200 phút; phê duyệt khoản vay chỉ sau 3-4 ngày và khách hàng có thể tiếp cận và quản lý hồ sơ của mình online. Họ cũng có thể được duyệt mở thẻ tín dụng chỉ trong vòng 15 phút! Trong vòng 3 năm qua, số giao dịch qua kênh điện tử của Techcombank đã tăng 20 lần - đây là minh chứng cho sự thay đổi hành vi đáng kinh ngạc của khách hàng. Và chưa hết, chúng tôi đang thu hút hơn 200.000 khách hàng cá nhân mới mỗi tháng.

Công nghệ tiên tiến cho phép xử lý hàng triệu giao dịch chỉ trong vòng vài giây. Mục tiêu của chúng tôi hiện giờ là số hóa và tự động hóa tất cả trải nghiệm khách hàng để giúp họ thực hiện mục tiêu của mình nhanh hơn, hiệu quả hơn và thuận tiện hơn. Và điều đó cần phải được thực hiện đồng bộ cả trong quá trình đưa ra quyết định, quản trị rủi ro, dịch vụ khách hàng và còn nhiều hơn nữa. Chúng tôi cam kết dành ít nhất 10% ngân sách hàng năm để đảm bảo thiết bị sử dụng là tối tân nhất và sẽ là người dẫn dắt cuộc cách mạng của ngành ngân hàng tại Việt Nam.

➤ Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc (tiếp theo)

Công việc ngày càng bận bịu đồng nghĩa với việc có một ngày cuối tuần trọn vẹn để thư giãn giống như một giấc mơ xa xỉ. Nhưng tại Techcombank, công nghệ đang là giải pháp tích cực giúp tiết kiệm thời gian, khiến cho cuộc sống dễ dàng. Tất cả điều có trên ứng dụng số của Techcombank!

Chị Cao Thị Mai Trâm

Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Lê Ngọc

“Techcombank là ngân hàng tiên phong trong rất nhiều lĩnh vực, nhưng trải nghiệm số của Techcombank mới thực sự khiến tôi ấn tượng.”

Chị Trâm - một nữ doanh nhân bận rộn, là khách hàng của Techcombank từ năm 2010. Chị luôn có những trải nghiệm có một không hai với Techcombank ở hai tư cách khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. “Tôi hoàn toàn tin tưởng và rất hài lòng với dịch vụ số tuyệt vời của Techcombank.”

Chị Trâm tươi cười cho biết: “Giao dịch ở Techcombank luôn thông suốt, nhanh chóng và hiệu quả. Ngân hàng luôn giúp tôi chuẩn bị trước tất cả các giấy tờ cần thiết để tiết kiệm thời gian và tránh những rắc rối.”

Luôn thấu hiểu khách hàng, Techcombank đã phát triển nhiều sản phẩm, dịch vụ ấn tượng. Chị Trâm đã sử dụng nhiều sản phẩm và dịch vụ khác nhau - từ tín dụng, tiết kiệm đến đầu tư trái phiếu. Tất cả các dịch vụ đều có sẵn trên ứng dụng Techcombank!

Chị Trâm kể thêm rằng từ khi là khách hàng của Techcombank, chị thấy Ngân hàng đã có sự cải thiện đáng kể trong các quy trình và cả đội ngũ quản lý quan hệ khách



hàng. “Các thủ tục được tự động hóa rất nhanh chóng và thuận tiện.” Đối với chị, văn hóa coi khách hàng là trọng tâm là điểm mạnh lớn nhất của Techcombank. “Điều đó được thể hiện rõ nhất qua các chương trình như Zero Fee - hầu như chưa có ngân hàng nào cung cấp ưu đãi này! Tôi hiếm khi đi đến chi nhánh ngân hàng nhưng vẫn luôn được thông báo, tư vấn về các sản phẩm, giải pháp mới, hữu ích.”

Cán bộ trực tiếp hỗ trợ chị Trâm là chị Loan - Quản lý quan hệ khách hàng tại Techcombank. “Nếu tôi có một khoản tiền nhàn rỗi, Loan sẽ nhanh chóng tư vấn giúp tôi sản phẩm của Techcombank giúp tôi tối đa hóa lợi nhuận.” Chị Trâm cũng giới thiệu Techcombank cho rất nhiều bạn bè, và họ đều rất hài lòng với dịch vụ của Techcombank.

Techcombank là ngân hàng tiên phong trong rất nhiều lĩnh vực, nhưng trải nghiệm số của Techcombank mới là điều khiến chị Trâm ấn tượng. “Công nghệ của Techcombank rất nhanh chóng, hiệu quả. Tôi có thể truy cập tất cả các dịch vụ tôi cần trên ứng dụng và thực hiện các giao dịch ngay lập tức dù ở bất cứ đâu.”

Trong 15 năm qua, CTCP Dược phẩm Thiên Thảo đã phát triển nhanh chóng, song song với đà tăng trưởng ổn định của Techcombank, trở thành một ngân hàng hàng đầu Việt Nam. Công cuộc chuyển đổi số nhanh chóng của chúng tôi đã trao cho các khách hàng doanh nghiệp những cơ hội phát triển hiệu quả mà họ không thể có được với các ngân hàng khác.

Anh Tô Trương Quyền

TGD CTCP Dược phẩm Thiên Thảo

“Thanh toán trực tuyến khiến mọi thứ trở nên rất thuận tiện. Trước đây, tôi phải ký séc mỗi ngày, nhân viên phải tới ngân hàng nhiều lần, rất tốn thời gian.”

Dược Thiên Thảo được thành lập năm 1995 và đã có một quá trình tăng trưởng cực kỳ thành công. Anh Quyền, Tổng Giám đốc Công ty, xây dựng doanh nghiệp chỉ với 10 người, nhưng đến nay Công ty đã có khoảng 200 nhân viên. Trong 5 năm tới, Dược Thiên Thảo muốn trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối và tiếp thị dược phẩm; cả trong nước và quốc tế. Anh Quyền cũng có kế hoạch mở rộng sang các lĩnh vực khác.

Dược Thiên Thảo phát triển rất cần đến những hỗ trợ về phí giao dịch hay hạn mức tín dụng, nhất là trong bảo lãnh thầu và trả lương cho nhân viên. “Techcombank hiểu được nhu cầu tín dụng của chúng tôi. Nếu chúng tôi vượt quá hạn mức tín dụng, Techcombank sẽ cùng chúng tôi giải quyết. Thật tuyệt vời khi Techcombank luôn lắng nghe khách hàng và làm tất cả những gì có thể để cùng nhau đưa ra giải pháp.”

“Thanh toán trực tuyến khiến mọi thứ trở nên rất thuận tiện. Trước đây, tôi phải ký séc mỗi ngày, nhân viên phải tới ngân hàng nhiều lần, rất tốn thời gian. Chúng tôi không còn phải chờ giám đốc chi nhánh hết bận mới được xử lý giao dịch.”



Dược Thiên Thảo đã từng làm việc với một vài ngân hàng, nhưng sau 15 năm, mối quan hệ của Công ty với Techcombank bền vững nhất. Đối với Dược Thiên Thảo, họ nhìn nhận sự thành công của một ngân hàng nằm ở sự xuất sắc của dịch vụ và đội ngũ nhân viên nhạy bén và có năng lực.

Anh Quyền rất kỳ vọng sẽ duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Techcombank trong tương lai, để cùng tạo ra giá trị lớn hơn cho cả hai bên.



➤ Câu chuyện của CEO - Hành trình hạnh phúc (tiếp theo)

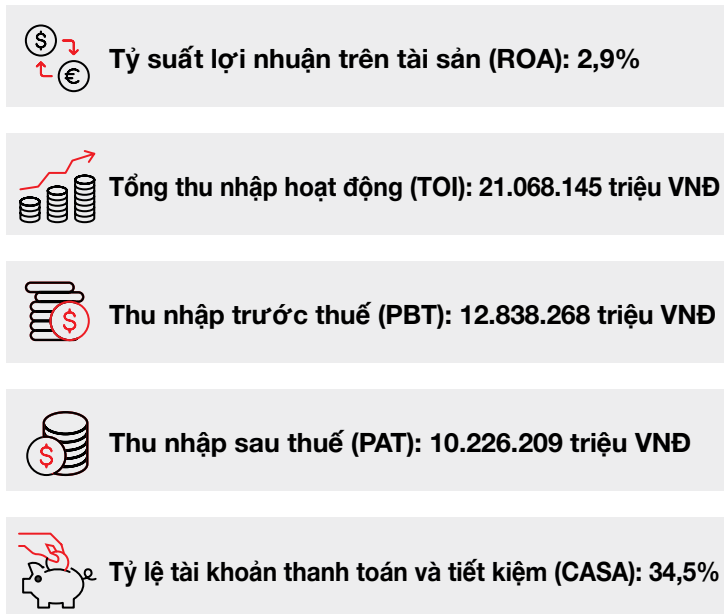
Các thành tựu tài chính đạt được trong 2019

Tục ngữ Việt có câu: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”. Nói cách khác, lòng kiên trì và sự bền bỉ là chìa khóa để đạt được mục tiêu.

Với những thông tin nhân khẩu học của Việt Nam: 95 triệu dân - đa phần là người trẻ tuổi, với xu hướng đô thị hóa và số lượng tầng lớp trung lưu đang tăng lên, Techcombank đã thay đổi chiến lược từ cho vay khách hàng doanh nghiệp sang cho vay khách hàng cá nhân và đáp ứng các nhu cầu tài chính của họ. Đây là một cách hiệu quả để Ngân hàng tiếp xúc nhiều hơn với nhóm khách hàng này. Phần lớn khách hàng của chúng tôi không có nhu cầu vay nên chúng tôi không nhất thiết phải phát triển quan hệ với họ qua cho vay mà là qua giao dịch. Tất cả mọi người đều cần phải giao dịch và đó là định hướng quan hệ với khách hàng của chúng tôi; tập trung nhiều hơn vào dịch vụ. Trong vòng hai tới ba năm nữa, chúng tôi trông đợi cho vay khách hàng cá nhân sẽ tăng trưởng từ 40% lên 50% trong tổng số cơ cấu cho vay.

Tăng trưởng tín dụng tại Việt Nam đạt mức gần 14%/ năm trong hai năm qua, thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng về lợi nhuận cho ngành ngân hàng. Ngân hàng tư nhân có thể lựa chọn các ngành và khu vực họ muốn phục vụ. Chúng tôi đang có lợi thế chiến lược về các cơ hội phát triển và gia nhập vào những lĩnh vực kinh tế có sự tương tác hàng ngày với mọi người - để có thể đáp ứng được các nhu cầu cụ thể của khách hàng. Thành công của chúng tôi được thể hiện rõ nét qua những gì đạt được. Trong số các ngân hàng tại Việt Nam, chúng tôi đứng thứ 6 về tổng tài sản, thứ 2 về lợi nhuận và đứng đầu về tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA). Chúng tôi đã đạt được mục tiêu trở thành ngân hàng hoạt động hiệu quả nhất Việt Nam trước kế hoạch tới 02 năm. Chúng tôi cũng đang duy trì tỷ lệ tăng trưởng hàng năm (CAGR) của doanh thu ở mức 20-30%/ năm.

Dưới đây là một số chỉ số về tài chính của Ngân hàng trong năm 2019:



Đối với nhiều nhà đầu tư, Techcombank là cơ hội hàng đầu để hưởng lợi từ tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng tại Việt Nam. Chúng tôi dẫn đầu ngành ngân hàng trong phần lớn các chỉ số và là một trong những ngân hàng minh bạch nhất. Quản trị doanh nghiệp là ưu tiên hàng đầu và chúng tôi là ngân hàng tiên phong trong việc minh bạch hóa hoạt động. Chúng tôi đã tuân thủ với các thông lệ theo Basel II kể từ 01/07/2019 và IFRS9 kể từ tháng 6 năm 2018. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của chúng tôi luôn cao hơn 2 lần so với mức quy định của NHNN. Không nhiều ngân hàng tại Việt Nam có thể đạt được những tiến bộ như vậy.

Hướng tới tương lai

Song hành với nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, đời sống của người dân Việt Nam cũng từng bước được cải thiện. Với vai trò là trụ cột của nền kinh tế, ngành ngân hàng nói chung và Techcombank nói riêng có trách nhiệm dẫn dắt sự thay đổi để đạt được thành công. Đối với chúng tôi, thành công nghĩa là mang lại hạnh phúc cho khách hàng, gia đình họ và cộng đồng. Đây là kết quả của những nỗ lực tập thể - những điều phi thường không đến từ sự cố gắng nửa vời. Chúng tôi muốn đồng hành cùng mỗi khách hàng của mình, bên họ trong từng bước trên hành trình tài chính tiến tới thành công. Quan trọng hơn cả, với sự phát triển nhanh chóng của Việt Nam, mục tiêu của chúng tôi vào mảng tiêu dùng trong nước sẽ tiếp tục bảo vệ Techcombank khỏi sự biến động của thị trường nước ngoài và những ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại.

Một cánh én nhỏ không làm nên mùa xuân. Tôi muốn gửi lời cảm ơn tới Ban Lãnh đạo Ngân hàng, Ban Điều hành và tất cả nhân viên Techcombank vì những nỗ lực phi thường và liên tục của họ để Techcombank có thể lớn mạnh như ngày nay và trong tương lai. Được cống hiến cho ngân hàng trong giai đoạn 1 của quá trình chuyển đổi là một niềm vinh hạnh và chúng tôi đang háo hức bước tiếp sang giai đoạn 2020-2025. Chúng tôi quyết tâm sẽ trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam.

Kể từ năm 2021, Techcombank sẽ bắt đầu thực hiện chiến lược chuyển đổi 2021-2025 của mình. Mục tiêu của chúng



“ Những điều phi thường không đến từ sự cố gắng nửa vời. ”

tôi sẽ luôn là trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam bằng cách tạo điều kiện cho khách hàng, giảm chi phí và tiết kiệm thời gian cho họ. Để cùng với khách hàng, chúng ta có thể trở nên “Vượt trội hơn mỗi ngày”.

Cuối cùng, tôi muốn gửi lời cảm ơn tới cổ đông vì sự ủng hộ kiên định của họ. Chúng tôi có những nhận định tích cực về triển vọng của Ngân hàng và sẽ tiếp tục nâng cao năng lực, đầu tư nhiều hơn vào công nghệ cũng như nguồn nhân lực để phát triển hơn nữa, đạt hiệu quả công việc và tạo ra giá trị.

Trong tất cả mọi công việc, chúng tôi đều tự hỏi:
“Liệu khách hàng có nhận được nhiều
lợi ích hơn không?”



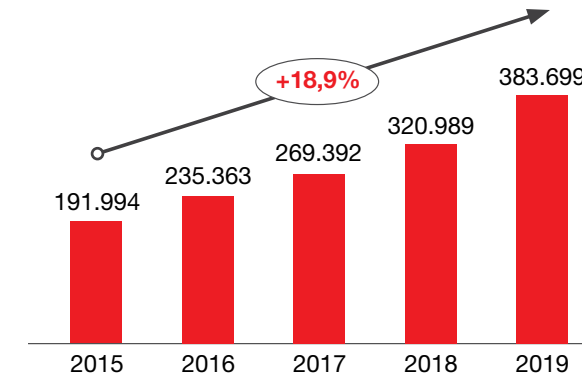
Kết quả hoạt động kinh doanh

- 40 Những chỉ số tài chính nổi bật
- 42 Kết quả hoạt động kinh doanh
- 52 Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân (PFS)
- 54 Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB)
- 56 Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Ngân hàng Bán Buôn (WB)
- 58 Kết quả thực hiện chiến lược và các dự án chuyển đổi
- 60 Quản trị rủi ro
- 62 Nhân sự
- 66 Văn hóa tổ chức

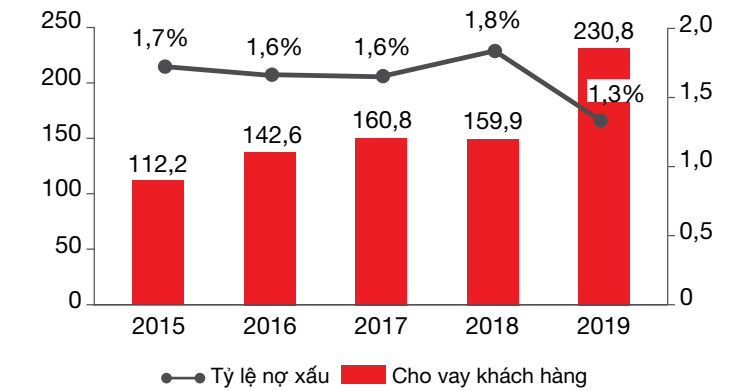
Những chỉ số tài chính nổi bật

Chỉ số (Triệu VNĐ)	2015	2016	2017	2018	2019
Bảng cân đối kế toán					
Tiền gửi của khách hàng	142.239.546	173.448.929	170.970.833	201.414.532	231.296.761
Cho vay khách hàng	112.179.889	142.616.004	160.849.037	159.939.217	230.802.027
Tổng tài sản	191.993.602	235.363.136	269.392.380	320.988.941	383.699.461
Tổng vốn chủ sở hữu	16.457.566	19.586.476	26.930.745	51.782.705	62.072.767
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Thu nhập lãi thuần	7.213.680	8.142.221	8.930.412	11.389.939	14.257.844
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.272.138	1.955.764	3.926.084	3.272.580	3.253.353
Tổng thu nhập hoạt động	9.343.942	11.833.153	16.457.988	18.349.768	21.068.145
Lợi nhuận trước thuế	2.037.205	3.996.640	8.036.297	10.661.016	12.838.268
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3.627.889)	(3.661.091)	(3.609.226)	(1.846.245)	(917.368)
Lợi nhuận sau thuế	1.529.188	3.148.846	6.445.595	8.473.997	10.226.209
Khả năng sinh lời					
Tỷ lệ CASA	20,6%	22,7%	24,1%	28,7%	34,5%
Biên thu nhập lãi thuần (NIM)	4,4%	4,1%	4,0%	3,7%	4,2%
Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)	39,4%	35,3%	29,2%	31,8%	34,7%
ROA	0,8%	1,5%	2,6%	2,9%	2,9%
ROE	9,7%	17,5%	27,7%	21,5%	17,8%
An toàn vốn và chất lượng tài sản					
Hệ số CAR (Theo Basel II)			9,4%	14,6%	15,5%
Tỷ lệ nợ xấu	1,7%	1,6%	1,6%	1,8%	1,3%
Khả năng thanh khoản					
Tỷ lệ dư nợ tín dụng trên vốn huy động (LDR)	70,0%	71,8%	76,6%	65,5%	76,3%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	45,9%	41,5%	43,0%	31,5%	38,4%

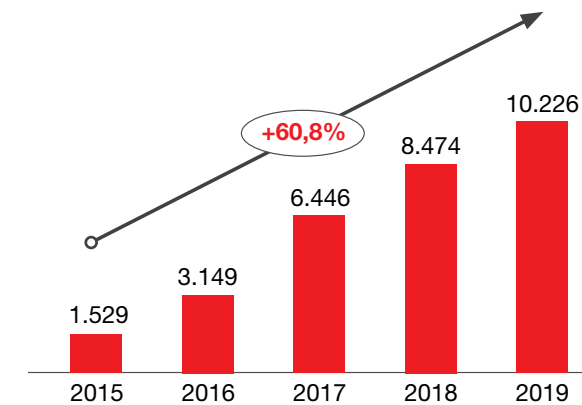
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)



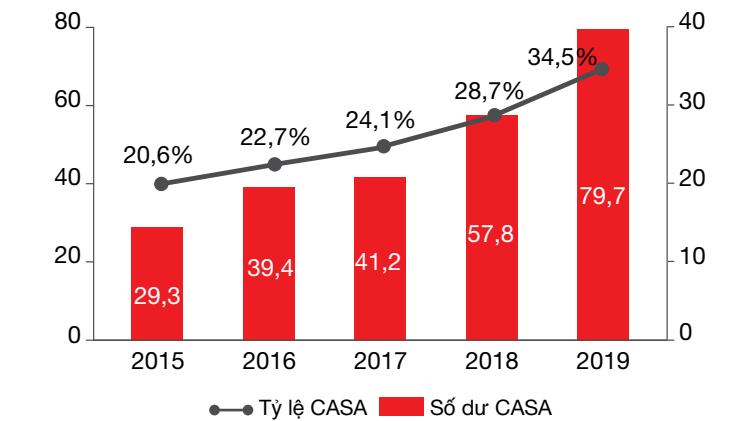
Cho vay khách hàng (Nghìn tỷ VNĐ)



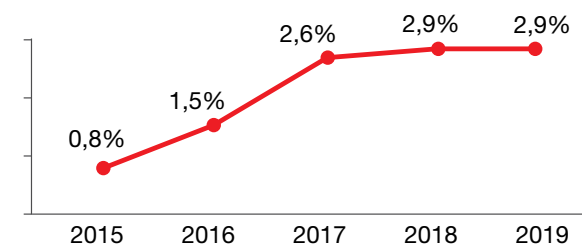
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)



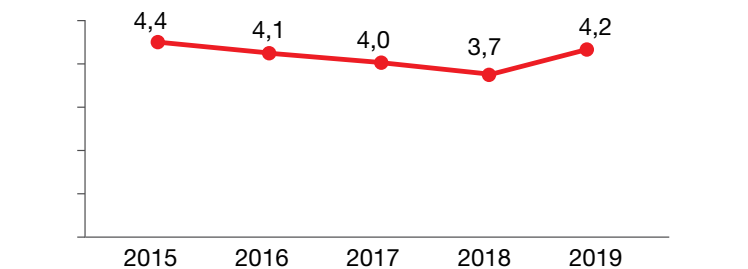
Số dư CASA (Nghìn tỷ VNĐ)



ROA (%)



NIM (%)



➔ Kết quả hoạt động kinh doanh

“ Với sự tăng trưởng ấn tượng trong những năm qua, Techcombank là Ngân hàng duy nhất có mặt trong TOP 3 của bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận cao nhất năm 2019 (Vietnam Profit500), do VNReport công bố. Techcombank vẫn duy trì vị thế Ngân hàng có hiệu quả cao nhất trong ngành Ngân hàng và nằm trong Top dẫn đầu về tỷ lệ Tiền gửi không kỳ hạn trên Tổng huy động trong năm 2019. ”



Ngân hàng thương mại cổ phần số 1 với lợi nhuận trước thuế 12,8 nghìn tỷ

Kết thúc năm 2019, giai đoạn thứ hai của chiến lược 5 năm, Techcombank tiếp tục thiết lập những kỷ lục mới với 21,1 nghìn tỷ đồng doanh thu và 12,8 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng lần lượt 24,7%⁽¹⁾ và 31,5%⁽²⁾ so với năm trước. Tất cả các mảng kinh doanh của Ngân hàng đều tăng trưởng mạnh, trong đó mức tăng trưởng tín dụng toàn hàng đạt 18,8% và chất lượng tài sản tiếp tục được đảm bảo thể hiện ở tỷ lệ nợ 3-5 tại thời điểm cuối năm 2019 dừng ở mức 1,3%. Kết quả này có được là nhờ vào việc kiên định theo đuổi chiến lược rủi ro thấp lợi nhuận cao, nhờ đó Ngân hàng đã thành công trong việc cân đối cơ cấu doanh thu, giảm phụ thuộc vào hoạt động cho vay, giảm chi phí dự phòng.

Lợi nhuận trước thuế
 **12.838** tỷ đồng
 ▲ 31,5%⁽²⁾ so với năm 2018

Vi vậy, Techcombank tiếp tục củng cố vị thế Ngân hàng có hiệu quả hoạt động cao nhất trong ngành Ngân hàng với hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) và lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (ROA) trong năm 2019 lần lượt 17,8% và 2,9%.

Chi tiêu	2019	2018	Tăng trưởng	
	Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ	%
Tổng thu nhập hoạt động	21.068	18.350	2.718	24,7% ⁽¹⁾
• Thu nhập lãi thuần	14.258	11.390	2.868	25,2%
• Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.253	3.273	(20)	-0,6%
• Thu nhập ngoài lãi khác	3.557	3.687	(130)	-3,5%
Chi phí hoạt động	(7.313)	(5.843)	(1.470)	25,2%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(917)	(1.846)	(929)	-50,3%
Tổng lợi nhuận trước thuế	12.838	10.661	2.177	31,5%⁽²⁾

Ghi chú:

⁽¹⁾ Không bao gồm thu nhập bất thường năm 2018 và thu từ nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro

⁽²⁾ Không bao gồm thu nhập bất thường năm 2018

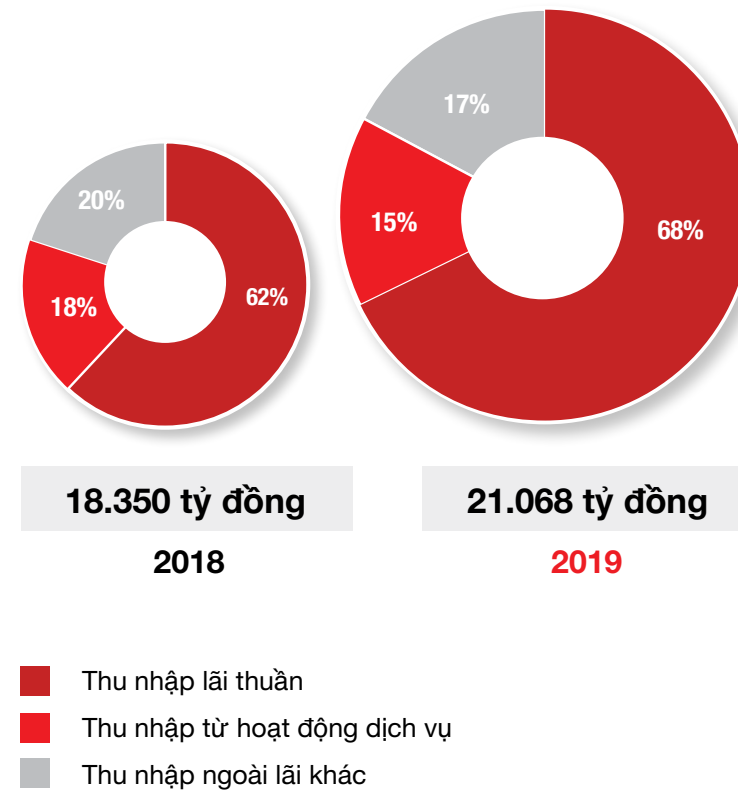
➤ Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Thu nhập hoạt động được duy trì ổn định đến từ sự tăng trưởng bền vững của thu nhập từ lãi và thu nhập ngoài lãi

Tổng thu nhập hoạt động của Techcombank năm 2019 đạt mức 21.068 tỷ VNĐ, tăng 24,7% ⁽¹⁾ so với năm trước nhờ sự tăng trưởng ở cả thu nhập từ lãi (25,2%) và thu nhập ngoài lãi (23,4%⁽¹⁾). Trong đó, sự tăng trưởng ấn tượng 37,9% của số dư tiền gửi không kỳ hạn cùng hạn mức tăng trưởng tín

dụng được NHNN cho phép nới rộng lên 18,8% là hai nhân tố chính giúp cho thu nhập lãi thuần đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 3 năm qua và đóng góp 68% trong tổng doanh thu của Ngân hàng năm 2019.

Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động 2018-2019



Ghi chú: ⁽¹⁾ Không bao gồm thu nhập bất thường năm 2018 và thu từ nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro

Danh mục tín dụng tiếp tục tăng trưởng tập trung ở mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ & vừa

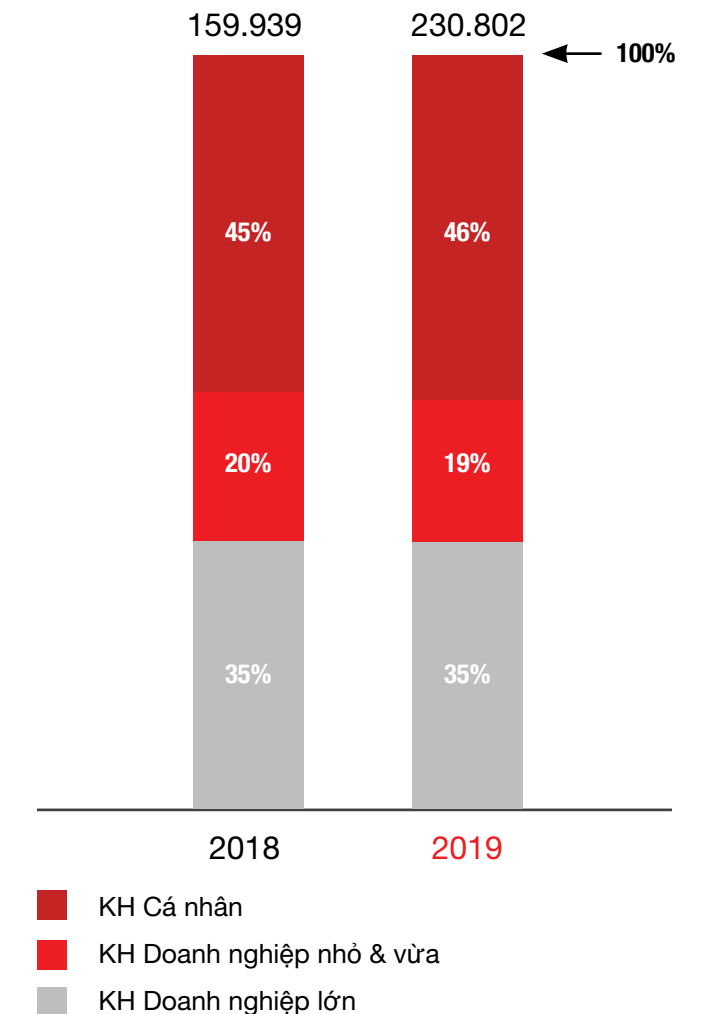
“ Phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa & nhỏ cũng ghi nhận mức tăng trưởng 50% ở cho vay ngắn hạn vốn lưu động trong năm 2019. ”

Kết thúc năm 2019, số dư tín dụng riêng lẻ của Techcombank đạt 258.041 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng tín dụng 18,8% - tỷ lệ đã được NHNN cho phép nới rộng khi Techcombank được chấp thuận áp dụng sớm Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với Ngân hàng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài (phương pháp tiêu chuẩn của Basel II).

Phân khúc Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp nhỏ & vừa tiếp tục là phân khúc tập trung chiến lược của Techcombank khi tăng trưởng lần lượt 45% và 43% trong năm 2019, chiếm tỷ trọng 46% và 19% tổng dư nợ toàn Ngân hàng. Tại phân khúc khách hàng cá nhân, Ngân hàng vẫn duy trì sự chuyển dịch mạnh mẽ sang cho vay có tài sản đảm bảo khi vẫn duy trì đà tăng trưởng 60% và 9% ở cho vay mua nhà & cho vay mua ô tô. Phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa & nhỏ cũng ghi nhận mức tăng trưởng 50% ở cho vay ngắn hạn vốn lưu động trong năm 2019 theo đúng định hướng chiến lược đã đề ra. Kết quả ấn tượng này của mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ có được là nhờ một loạt các sáng kiến chuyển đổi nhằm cải thiện sự hài lòng của khách hàng, đào tạo và phát triển nhân viên, cải tiến quy trình hoạt động và rủi ro tín dụng được triển khai quyết liệt trong năm 2019.

Số dư tín dụng riêng lẻ năm 2019
258.041 tỷ đồng
▲ 18,8% so với năm 2018

Cơ cấu cho vay khách hàng (Tỷ VNĐ, %)



➤ Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

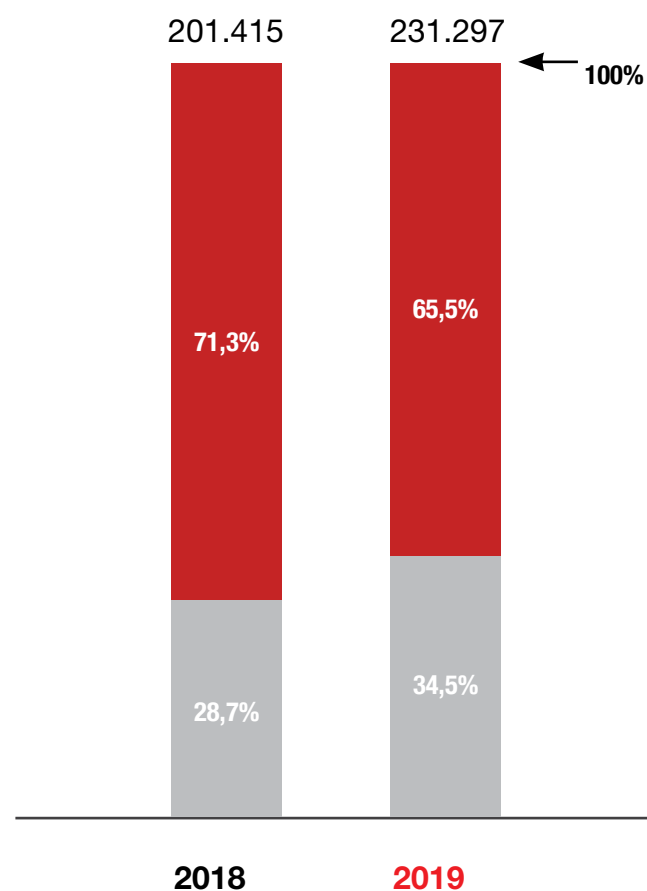
Tăng trưởng huy động một cách hiệu quả, tập trung tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn, qua đó vươn lên nhóm dẫn đầu thị trường về tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn trong tổng huy động

Bên cạnh việc chuyển dịch cơ cấu tập trung vào những tài sản có rủi ro thấp, một trong những yếu tố giúp Techcombank luôn dẫn đầu về hiệu suất sinh lời của tài sản là chiến lược tập trung vào nguồn tiền gửi không kỳ hạn nhằm giảm chi phí huy động. Tiếp nối thành công của Chương trình “Zero Fee - Miễn phí dịch vụ” và chương trình “Hoàn tiền 1% không giới hạn” nhằm mục tiêu góp phần thay đổi thói quen thanh toán bằng tiền mặt của người dân Việt Nam.

Năm 2019 Techcombank ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng về số lượng khách hàng với hơn 1 triệu khách hàng mới, tăng hơn 40% ở cả phân khúc khách hàng cá nhân & khách hàng doanh nghiệp. Nhận biết được nhu cầu tham gia nền tảng kỹ thuật số ngày càng tăng cao của khách hàng, Ngân hàng đã không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ của các kênh giao dịch điện tử, kết quả mang lại là sự tăng trưởng đột biến gấp gần 3 lần cả về khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch của khách hàng qua kênh E-banking trong năm 2019. Sự tăng trưởng theo đúng chiến lược cả về số lượng khách hàng lẫn khối lượng giao dịch đã mang lại sự tăng trưởng kỷ lục 37,9% về số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA), nâng tỷ trọng CASA trên tổng huy động tăng từ 28,7% lên 34,5% trong năm 2019, đưa Techcombank nằm trong top các ngân hàng có tỷ lệ CASA cao. Trong đó, tiền gửi không kỳ hạn từ khách hàng cá nhân đã có những đóng góp vượt trội với tỷ lệ tăng trưởng 83%, chiếm 58% tổng số dư tiền gửi không kỳ hạn của toàn Ngân hàng. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của tiền gửi không kỳ hạn là nhân tố chính giúp giảm chi phí huy động, góp phần đáng kể thúc đẩy cải thiện biên thu nhập lãi thuần đạt 4,2% cho năm 2019, tăng 0,5% so với năm trước.

Trong những năm tới, Ngân hàng tiếp tục thực thi kế hoạch đầu tư công nghệ thông tin để tự động và số hóa hành trình trải nghiệm của khách hàng, tiếp tục nâng cao tiện ích cho khách hàng, qua đó hướng tới sự phát triển bền vững của tiền gửi không kỳ hạn.

Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Tỷ VNĐ, %)



- Tiền gửi có kỳ hạn
- Tiền gửi không kỳ hạn

Cơ cấu tiền gửi theo loại hình khách hàng	31/12/2019		31/12/2018	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng
Tiền gửi có kỳ hạn	151.581	100%	143.613	100%
<i>Cá nhân</i>	121.187	80%	116.844	81%
<i>Tổ chức kinh tế</i>	30.394	20%	26.769	19%
Tiền gửi không kỳ hạn⁽¹⁾	79.716	100%	57.801	100%
<i>Cá nhân</i>	46.025	58%	25.212	44%
<i>Tổ chức kinh tế</i>	33.691	42%	32.589	56%

Ghi chú: ⁽¹⁾ Bao gồm tiền gửi ký quỹ

Thu nhập từ phí tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2019 và đóng góp 15% tổng doanh thu

Trong cơ cấu thu nhập phí của Ngân hàng, doanh thu từ dịch vụ tư vấn phát hành chứng khoán và dịch vụ hoa hồng hợp tác bảo hiểm chiếm tỷ trọng cao nhất trong năm 2019 với 30% và 29%. Tốc độ tăng trưởng cao của những loại phí này phản ánh nhu cầu tín dụng liên tục của các khách hàng doanh nghiệp cũng như nhu cầu ngày càng tăng đối với các

sản phẩm bảo hiểm. Sự tăng trưởng mạnh mẽ trong thu nhập ngoài lãi nói chung và thu nhập phí nói riêng cũng góp phần mang lại tỷ suất sinh lời cao hơn cho tài sản vì Ngân hàng vẫn có thể tạo ra lợi nhuận hấp dẫn trong khi quản lý thận trọng sự tăng trưởng của bảng cân đối kế toán.

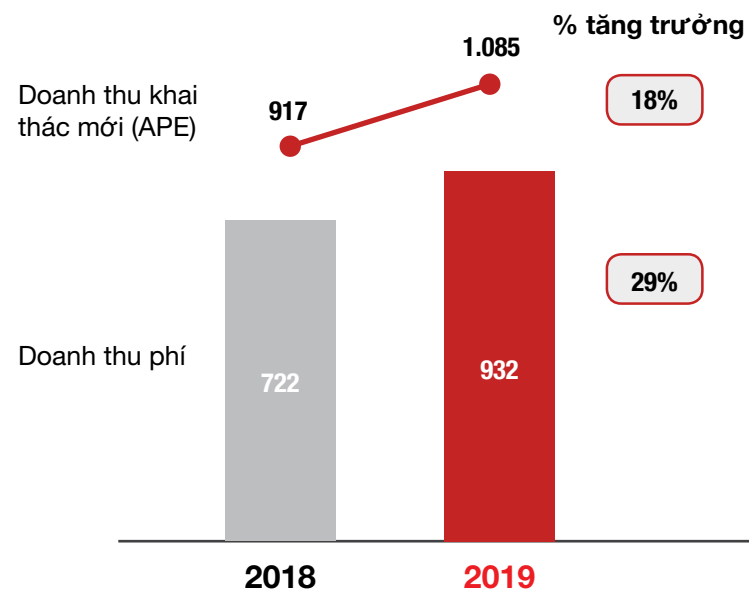
Cơ cấu doanh thu từ hoạt động dịch vụ	2019		2018	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng
Dịch vụ tư vấn phát hành chứng khoán	970	30%	1.160	35%
Dịch vụ hoa hồng hợp tác bảo hiểm	932	29%	722	22%
Dịch vụ thẻ	443	14%	497	15%
Dịch vụ thanh toán & tiền mặt (ngoài dịch vụ thẻ)	675	21%	748	23%
Dịch vụ khác	233	6%	145	5%
Tổng thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.253	100%	3.273	100%

Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Thu nhập từ phí tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2019 và đóng góp 15% tổng doanh thu (tiếp theo)

Hỗ trợ nhu cầu vốn ngày càng lớn của doanh nghiệp thông qua thị trường vốn đa dạng là một phần quan trọng trong chiến lược chuyển đổi Bảng cân đối kế toán của Ngân hàng. Trong năm 2019, tiếp tục dẫn dắt thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam, Ngân hàng đã thực hiện tư vấn phát hành thành công trên 60.000 tỷ đồng trái phiếu mang lại 970 tỷ đồng doanh thu từ phí tư vấn.

Về mảng kinh doanh bảo hiểm, Ngân hàng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định với doanh thu từ hoa hồng hợp tác bảo hiểm đạt 932 tỷ đồng, tăng 29% so với năm trước và đã triển khai mô hình bán hàng trực tiếp trong năm 2019. Việc áp dụng mô hình này là một trong những chiến lược của Ngân hàng nhằm mang đến những tư vấn, những sản phẩm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, qua đó tạo điều kiện cho Ngân hàng đẩy mạnh khả năng bán thêm-bán chéo là nền tảng thúc đẩy tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm trong tương lai gần.



Hiện nay, với mạng lưới 1 hội sở, 2 văn phòng đại diện, 311 chi nhánh và điểm giao dịch rộng khắp các tỉnh thành, Techcombank đang phục vụ hơn 7 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp với những nhu cầu ngày càng cao về các giao dịch tài chính, đặc biệt là các dịch vụ Ngân hàng số. Với mong muốn luôn đồng hành cùng khách hàng trong mọi nhu cầu tài chính và dẫn dắt sự thay đổi trong đời sống tiêu dùng của họ mà cụ thể là thói quen sử dụng tiền mặt, Techcombank đã không ngừng đầu tư phát triển nền tảng số hóa cho các dịch vụ thẻ, các kênh giao dịch thanh toán, chuyển tiền, đồng thời tiếp tục triển khai các chương trình miễn phí cho các giao dịch trực tuyến, hoàn tiền cho các giao dịch qua thẻ ghi nợ nhằm mang lại những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Kết quả mang lại là số lượng thẻ, số lượng khách hàng cá nhân mới mỗi năm tăng lên gấp đôi trong 3 năm qua, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh mẽ của số lượng khách hàng sử dụng (~3,5 lần) & khối lượng giao dịch (~7,1 lần) qua kênh Ngân hàng điện tử thể hiện sự chuyển đổi rõ rệt trong thói quen của người dân trong việc sử dụng các dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng.



Tỷ lệ chi phí trên với thu nhập ổn định ở mức 34,7%, giữ vững theo mục tiêu ban đầu của Ngân hàng

Chi tiêu	31/12/2019		31/12/2018		Tăng/giảm	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	%
Lương và các chi phí liên quan	4.262	58,3%	3.240	55,5%	1.022	31,5%
Chi phí thuê văn phòng, tài sản, điện nước, công cụ trang thiết bị và khấu hao tài sản	1.193	16,3%	1.088	18,6%	105	9,7%
Chi tiếp thị và khuyến mại	441	6,0%	301	5,2%	140	46,5%
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng	229	3,1%	194	3,3%	35	18,0%
Công tác phí	99	1,4%	100	1,7%	-1	-1,0%
Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ	57	0,8%	35	0,6%	22	62,9%
Chi hội nghị, hội thảo	55	0,8%	76	1,3%	-21	-27,6%
Chi phí tư vấn	231	3,2%	152	2,6%	79	52,0%
Chi phí khác	746	10,1%	657	11,2%	89	13,5%
Tổng chi phí	7.313	100%	5.843	100%	1.470	25,2%
Số lượng nhân viên bình quân năm (người)	10.457		9.043		1.414	15,6%
Doanh thu/ nhân viên/ năm	2,01		2,03		-0,01	-0,7%
Chi phí/ nhân viên/ năm	0,70		0,65		0,05	8,2%
Tỷ lệ chi phí/ thu nhập (CIR) (%)	34,7%		31,8%		2,9%	

Liên tục trong 5 năm trở lại đây, Techcombank luôn nằm trong Top 3 Ngân hàng duy trì tỷ lệ chi phí trên thu nhập thấp nhất trong hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần. Điều này đến từ việc Ngân hàng không ngừng cải thiện chất lượng công tác quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào.

Tổng chi phí hoạt động của Techcombank tăng 25,2% so với năm 2018 và thấp hơn 6% so với kế hoạch đầu năm. Đóng góp phần lớn trong chi phí hoạt động là chi phí cho nguồn nhân lực với tỷ trọng 58,3%. Trong giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện chương trình chuyển đổi, giai đoạn đầu Ngân

hàng tập trung định hướng kinh doanh và chuẩn bị nguồn nhân lực. Thành quả đạt được lớn nhất mà Ngân hàng có được là tập thể đội ngũ hơn 11.000 cán bộ nhân viên cùng chung một mục tiêu, một định hướng như nhau, giúp mọi người hiểu và tăng được năng lực của bản thân, nhờ vậy tốc độ phát triển tăng rất nhanh. Bên cạnh việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, Techcombank cũng đảm bảo mức tăng thu nhập bình quân đầu người ở mức cạnh tranh cho nhân viên, đồng thời triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực cho nhân viên. Theo đó, chi phí bình quân mỗi nhân viên tăng khoảng 8% và chi phí đào tạo tăng 62,9% so với năm 2018.

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Tỷ lệ chi phí trên với thu nhập ổn định ở mức 34,7%, giữ vững theo mục tiêu ban đầu của Ngân hàng (tiếp theo)

Song song với việc đầu tư vào nguồn nhân lực xuất sắc, Techcombank hiện đang thực thi kế hoạch đầu tư công nghệ thông tin để mang lại những trải nghiệm số hóa trong hành trình khách hàng, đồng thời tối ưu hóa chi phí vận hành. Dẫn chứng cho điều này có thể thấy rằng với khối lượng giao dịch của khách hàng qua E-banking tăng lên 2,5 lần nhờ chương trình Zero Fee, giá định những giao dịch này vẫn cần giao dịch viên xử lý tại chi nhánh, có thể thấy Techcombank đã giảm được chi phí vận hành ở mức tương ứng.

Đồng thời với những hoạt động chuyển đổi trong nội bộ Ngân hàng, Techcombank cũng hướng đến xây dựng lối

sống lành mạnh và tinh thần “Vượt trội hơn mỗi ngày” trong cộng đồng thông qua các sự kiện thể thao Marathon & Ironman. Việc lan tỏa phong cách sống mới và truyền thông những hành trình số hóa đến khách hàng luôn được Techcombank ưu tiên đẩy mạnh, thể hiện ở chi phí tiếp thị, khuyến mại tăng 46,5% so với năm trước.

Với những chiến lược trên, Techcombank đã hoàn thành tốt việc quản trị chi phí cũng như cân bằng với các mục tiêu dài hạn tạo nên mức lợi nhuận ấn tượng trong năm 2019 cũng như sự phát triển bền vững của Techcombank.

Quản lý bảng cân đối & rủi ro thanh khoản hiệu quả

Quản lý bảng cân đối

Năm 2019 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ và hiệu quả của bảng cân đối. Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2019 đạt 383.699 tỷ đồng, tăng 62.710 tỷ đồng tương đương 19,5% so với 31/12/2018. Trong đó, cho vay thị trường 1 và đầu tư trái phiếu của tổ chức kinh tế hợp nhất tăng 41.805 tỷ đồng (19,0%), huy động và phát hành giấy tờ có giá tăng 34.164 tỷ đồng (15,9%) so với năm 2018. Nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định của huy động không kỳ hạn trong cơ cấu huy động vốn, chi phí huy động được quản lý ở mức tối ưu. Lợi nhuận tăng trưởng tốt giúp tổng vốn và các quỹ năm 2019 tăng 10.290 tỷ đồng (19,9%) so với năm 2018.

Quản lý vốn

Năm 2019, Techcombank chính thức được NHNN trao quyết định áp dụng chuẩn mực Basel II. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của Techcombank theo Thông tư 41 tại 31/12/2019 đạt 15,5%, cao hơn 7,5% so với hạn mức 8% theo quy định của NHNN là nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ về vốn sau IPO năm 2018, sự tăng trưởng vượt bậc về lợi

nhuận trong năm 2019, chính sách không chia cổ tức bằng tiền mặt, cũng như việc quản lý tốt cơ cấu tín dụng vào những ngành nghề có hệ số rủi ro thấp. Tỷ lệ CAR ở mức cao là lợi thế cạnh tranh vượt trội của Techcombank, giúp Ngân hàng chủ động quản lý bảng cân đối, mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, cho cổ đông và cán bộ nhân viên.

Quản lý thanh khoản

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ thanh khoản quy định trong thông tư 36/2014/TT-NHNN, được thay thế bởi Thông tư 22/2019/TT-NHNN, Techcombank luôn đảm bảo tuân thủ các hạn mức NHNN yêu cầu. Bên cạnh đó, Techcombank còn xây dựng các tỷ lệ quản lý thanh khoản nội bộ, đẩy mạnh công tác dự báo trong quản lý thanh khoản của Ngân hàng.

Đối với hoạt động quản lý rủi ro thanh khoản nội bộ, Techcombank cũng thiết lập các chính sách, quy định quản lý thanh khoản, trong đó có hệ thống quản lý, đo lường, giám sát và dự báo rủi ro thanh khoản được hỗ trợ bởi Ủy ban Kiểm toán và rủi ro (ARCO) là cơ quan ban hành khung

Chỉ tiêu (Tỷ VNĐ)	2019	2018	Biến động	
	Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ	%
Tổng số dư Cho vay và Trái phiếu doanh nghiệp	261.400	219.595	41.805	19,0%
Cho vay Thị trường 1	230.802	159.939	70.863	44,3%
Trái phiếu doanh nghiệp	30.598	59.656	(29.058)	-48,7%
Huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	248.758	214.593	34.165	15,9%
<i>Huy động Thị trường 1</i>	<i>231.297</i>	<i>201.415</i>	<i>29.882</i>	<i>14,8%</i>
<i>GTCG</i>	<i>17.461</i>	<i>13.178</i>	<i>4.283</i>	<i>32,5%</i>
Vốn và các quỹ	62.073	51.783	10.290	19,9%
<i>Vốn</i>	<i>35.478</i>	<i>35.443</i>	<i>35</i>	<i>0,1%</i>
<i>Các quỹ</i>	<i>5.173</i>	<i>3.868</i>	<i>1.305</i>	<i>33,7%</i>
<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>21.131</i>	<i>12.403</i>	<i>8.728</i>	<i>70,4%</i>
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<i>291</i>	<i>69</i>	<i>222</i>	<i>322%</i>

khẩu vị rủi ro cho toàn Ngân hàng và Hội đồng Quản lý tài sản nợ có (ALCO) là cơ quan thi hành và giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro thanh khoản, đảm bảo tuân thủ khẩu vị rủi ro và các ngưỡng giới hạn/ ngưỡng cảnh báo do ARCO quy định.

Ngoài ra, thử nghiệm sức căng thanh khoản cũng được thực hiện trong kịch bản sự kiện thanh khoản trên diện rộng toàn thị trường và kịch bản sự kiện xảy ra với riêng Techcombank. Thử nghiệm sức căng thanh khoản được tiến hành định kỳ hàng tháng nhằm dự báo dòng tiền trong một giai đoạn nhất định với giả định Ngân hàng phải đối mặt với một/một số tình huống căng thẳng thanh khoản như tốc độ rút tiền gửi tăng

nhau, việc tiếp cận nguồn vốn liên Ngân hàng hạn chế. Ngân hàng cũng xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP) để có biện pháp ứng phó kịp thời với những tình huống căng thẳng, giúp ngăn chặn khủng hoảng thanh khoản xảy ra.

Mặc dù phía trước vẫn còn nhiều việc cần làm nhưng bằng việc kiên định và thực hiện nhất quán với định hướng đề ra, Techcombank đã lần lượt hoàn thành vượt trội các mục tiêu cốt lõi trong 4 năm triển khai chiến lược 2016-2019. Điều này đã mang lại cho toàn thể Ban Lãnh đạo cũng như toàn thể nhân viên Techcombank niềm tin kiên định thực hiện chiến lược đã chọn và kết quả vượt trội mang lại trong những năm tiếp theo.

Tỷ lệ thanh khoản	Hạn mức 2019	Thực tế 31/12/2019	Hạn mức 2018	Thực tế 31/12/2018
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	≥10%	22,1%	≥10%	16,9%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày - VNĐ	≥50%	71,3%	≥50%	55,9%
Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi	≤80%	76,3%	≤80%	65,4%
Nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	≤40%	38,4%	≤45%	31,5%

Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân (PFS)

Tháng 1 năm 2020, Techcombank vinh dự được nhận giải “Sản phẩm cho vay mua nhà tốt nhất (“Best Home Loan Product”) trong mảng ngân hàng bán lẻ do tạp chí Asian Banker bình chọn.

Tính đến hết năm 2019, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân đã vượt 105,2 nghìn tỷ, tăng 45% so với năm 2018, với trọng tâm là sản phẩm cho vay mua nhà dự án với số dư hơn 72 nghìn tỷ và sản phẩm cho vay mua nhà thổ cư với số dư đạt gần 13 nghìn tỷ. Kết quả đó ghi nhận sự thành công trong việc tập trung vào chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm để nâng cao trải nghiệm khách hàng và hiệu quả của việc ứng dụng: Chính sách/giải pháp sản phẩm cho vay vượt trội với sự hỗ trợ của quy trình phê duyệt cho vay hiện đại trên nền tảng của hệ thống IDC (Intelligence Decision Computing).

Trên cơ sở những thành quả và nỗ lực đã đạt được trong năm 2019, tháng 1 năm 2020, Techcombank vinh dự được nhận giải “Sản phẩm cho vay mua nhà tốt nhất (“Best Home Loan Product”) trong mảng ngân hàng bán lẻ do tạp chí Asian Banker bình chọn. Giải thưởng này chính là sự khẳng định cho những nỗ lực của công tác phát triển sản phẩm cho vay mua nhà trong những năm qua.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm vẫn tiếp tục có những bước cải thiện đáng kể, Techcombank đã triển khai hợp tác ngày càng chặt chẽ hơn với đối tác chiến lược Manulife để cung cấp các dịch vụ bảo hiểm nhân thọ tốt nhất phục vụ khách hàng như: An Nhiên 360, Universal Life 2019, Bảo hiểm qua Digital,... đảm bảo cho Techcombank tiếp tục duy trì vị thế top đầu về thị phần phân phối bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.

Năm 2019, huy động vốn bán lẻ vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt và thu hút khách hàng gửi tiền mới, đặc biệt tăng trưởng mạnh tiền gửi trực tuyến (“Tiết kiệm Online”) và tiền gửi không kỳ hạn (“CASA”) được cộng hưởng từ các chương trình miễn phí giao dịch trực tuyến (“Big Zero Fee”), hoàn tiền 1% không giới hạn đối với các thanh toán bằng thẻ ghi nợ (“Debit Cash back 1%”) và hành vi chuyển dịch hình thức

giao dịch của gần 180 nghìn khách hàng. Tỷ lệ tăng trưởng của Tiết kiệm Online năm 2019 tăng 151% so với năm 2018 và CASA đạt tốc độ tăng trưởng hơn 67% so với 2018. Trong đó, phân khúc khách hàng thu nhập cao vẫn là phân khúc trọng tâm và đóng góp tỷ trọng số dư lớn nhất lên tới 85% doanh số huy động. Bên cạnh đó, việc Techcombank đã, đang và sẽ tiếp tục đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là Digital Banking cũng đóng góp cho sự tăng trưởng bền vững của huy động vốn nói chung và Tiết kiệm Online nói riêng.

Tin vui tới tấp đến vào cuối năm 2019, Techcombank tiếp tục được vinh danh Ngân hàng dẫn đầu thị trường về mảng chuyển tiền qua kênh điện tử và thanh toán thẻ nội địa qua đơn vị chấp nhận thẻ năm 2019 tại Hội nghị Ngân hàng thành viên Napas năm 2019. Techcombank vinh dự được Napas và Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) trao tặng 3 giải thưởng quan trọng nhất của hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong thị trường nội địa:

- Ngân hàng dẫn đầu về giao dịch chuyển tiền trên hệ thống Napas (Chiều Ngân hàng phát hành lệnh chuyển đi).
- Ngân hàng dẫn đầu về giao dịch thanh toán thẻ nội địa Napas (Giao dịch thanh toán thẻ ATM qua POS và E-Commerce).
- Ngân hàng dẫn đầu về các hoạt động triển khai các hoạt động giao dịch thanh toán chung qua kênh Napas trong năm 2019.

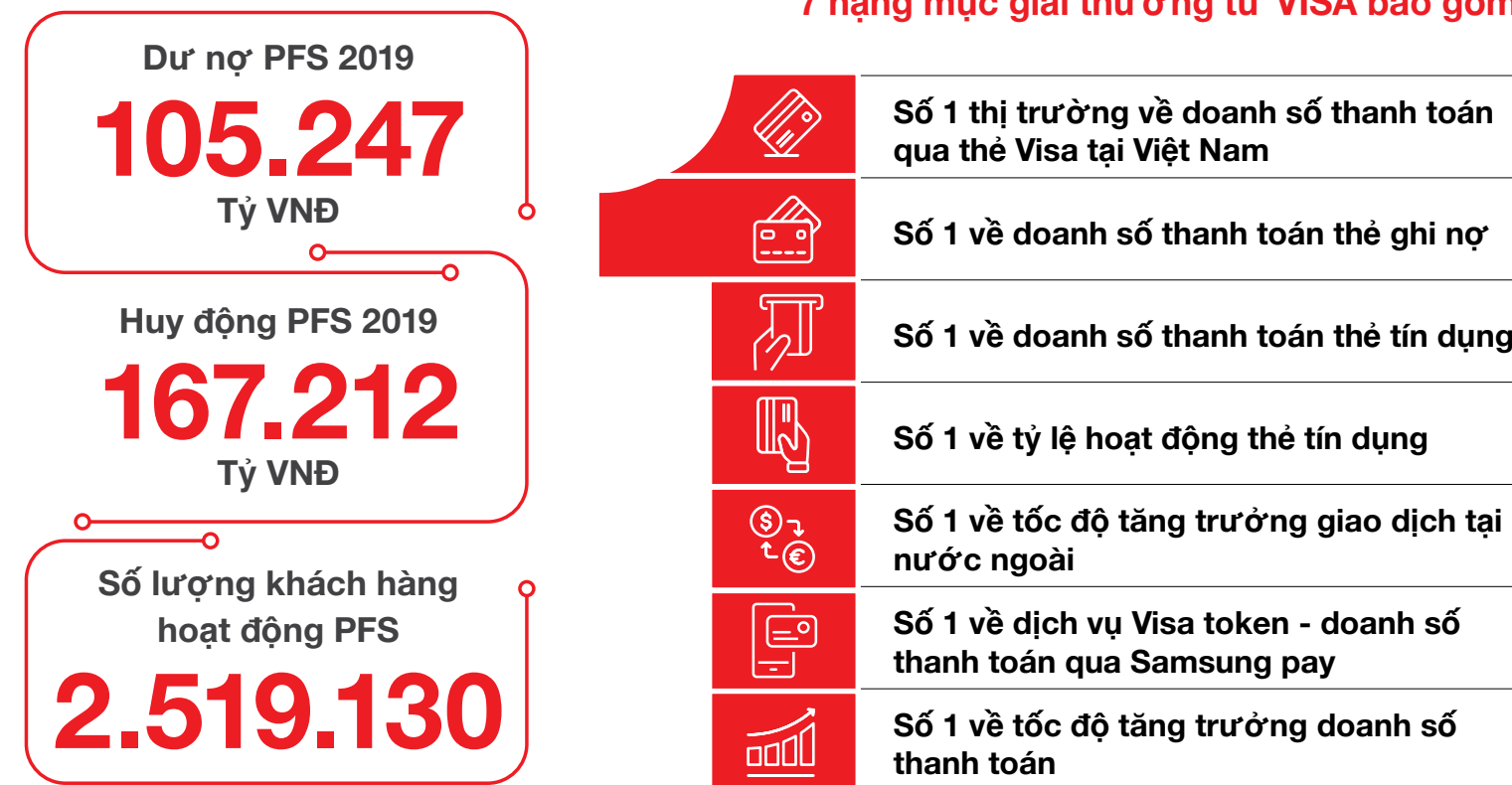
Theo đánh giá của Ban Lãnh đạo Napas, Techcombank là Ngân hàng triển khai rất hiệu quả các chính sách mang tính đột phá và từ đó hỗ trợ một phần giúp các cơ quan quản lý về thực hiện đẩy nhanh các chủ trương phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế đất nước.

Các chương trình triển khai của Techcombank đưa lại hiệu quả khi số lượng giao dịch tăng trưởng rất cao, được khách hàng hài lòng và phần xử lý vận hành/quản trị rủi ro cũng đạt hiệu quả cao.

Techcombank cũng tham gia tích cực vào việc đóng góp, xây dựng các chủ trương, chính sách theo Bộ tiêu chuẩn điều kiện hoạt động của Napas để từng bước thực hiện đúng các định hướng của NHNN về hệ thống thanh toán quốc gia và đang từng bước hoàn thành chuyển đổi thẻ theo tiêu chuẩn kíp theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Khép lại năm 2019, Techcombank tiếp tục được Tổ chức Thẻ Quốc tế Visa vinh danh và trao giải thưởng “Ngân hàng Phát hành và Thanh toán thẻ Visa có thành tích hoạt động xuất sắc năm 2019” cùng 7 giải thưởng khác ở nhiều hạng mục, một lần nữa khẳng định dấu ấn trong nỗ lực mang đến cho khách hàng những dịch vụ tiện ích về thẻ tốt nhất tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Visa còn ghi nhận mức tăng trưởng đều đặn và bền vững của Techcombank trong suốt giai đoạn từ 2016 đến nay với nhiều chương trình hoạt động tích cực mà Techcombank mang đến trực tiếp cho khách hàng và thị trường, đó là phương thức thanh toán hiện đại và an toàn bảo mật.

7 hạng mục giải thưởng từ VISA bao gồm:



Những thành quả này đến từ sự nỗ lực không mệt mỏi của Techcombank trong việc triển khai các dịch vụ thanh toán tiện lợi cho khách hàng, người dân và từng bước góp phần hiện thực hóa chủ trương của Chính phủ và NHNN về thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế.

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB)



“Trong mảng Khách hàng Doanh nghiệp (“BB”), mục tiêu của chúng tôi là trở thành nhà cung cấp giải pháp ngân hàng một cửa cho các doanh nghiệp và chuỗi giá trị của họ.”

Năm 2019, chúng tôi tiếp tục hành trình theo đuổi chiến lược “Khách hàng là trọng tâm” bằng cách liên tục cung cấp các giải pháp mới, nâng cấp các giải pháp hiện tại để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Phù hợp với định hướng của Chính phủ Việt Nam, thúc đẩy phát triển nền kinh tế và thanh toán không dùng tiền mặt, chúng tôi tự hào là Ngân hàng Việt Nam đầu tiên cung cấp dịch vụ chuyển tiền quốc tế với các chức năng mang lại giá trị gia tăng để mua bán ngoại tệ trên kênh Ngân hàng điện tử trên nền tảng Fast E-bank (FEB). Dịch vụ này không những

Dư nợ BB 2019
44.921
Tỷ VNĐ

Huy động BB 2019
28.740
Tỷ VNĐ

Số lượng khách hàng hoạt động BB
37.937

giúp giảm thời gian và nguồn lực của khách hàng mà còn giúp giảm thời gian xử lý giao dịch xuống còn khoảng 1 giờ, tăng đáng kể mức độ hài lòng của khách hàng.

Chúng tôi cũng nâng cao các tính năng trên FEB để đáp ứng các nhu cầu về thanh toán lương của khách hàng. Với Giải pháp Thanh toán lương trên kênh Ngân hàng Điện tử, khách hàng của chúng tôi không còn phải chờ đợi tại các chi nhánh và có thể quản lý dễ dàng các khoản thanh toán lương hàng tháng trên FEB. Với cam kết trở thành đối tác luôn hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của khách hàng, giải pháp của chúng tôi cũng giúp bảo vệ rủi ro cho khách hàng và đáp ứng nhu cầu về kiểm soát nội bộ như tùy chỉnh nhiều cấp phê duyệt, tự động kiểm tra hạn mức chuyển tiền và giảm thiểu rủi ro sai sót trong quá trình xử lý lệnh thanh toán.

Dựa trên các nghiên cứu về nhu cầu khách hàng, chúng tôi nhận thấy phí chuyển tiền nội địa là một khó khăn được rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam vừa và nhỏ cũng như các doanh nghiệp cỡ trung quan ngại. Do đó, chúng tôi đã tiên phong và là ngân hàng đầu tiên và duy nhất cung cấp dịch vụ E-Banking 0 đồng cho khách hàng khi họ thực hiện thanh toán qua nền tảng Ngân hàng Trực tuyến của chúng tôi, cụ thể là Ngân hàng Điện tử Nhanh Fast E-bank (FEB). Chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ này cho tất cả các khách hàng sử dụng FEB để thực hiện thanh toán nội địa mà không có bất kỳ hạn chế hay hạn mức nào.

Chúng tôi hiểu rằng khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ lớn mạnh dần lên, nhu cầu của họ cũng sẽ phức tạp và đa dạng hơn. Với các giải pháp tập trung vào từng ngành kinh tế cụ thể, thiết kế bởi đội ngũ nhân sự am hiểu về ngành, cung cấp bởi lực lượng bán chất lượng cao, được đào tạo chuyên nghiệp, chúng tôi trở thành đối tác chính của khách hàng và giúp khách hàng quản lý hiệu quả các nhu cầu về nguồn vốn và thanh khoản trong ngắn hạn cũng như giúp khách hàng phát triển trong dài hạn.

Cam kết trở thành ngân hàng xuất sắc và những hỗ trợ cho khách hàng của chúng tôi đã mang đến niềm tin của khách hàng và được khẳng định bởi mức tăng trưởng bền vững về thu nhập qua các năm ở mức 29%, tiếp tục đà tăng trưởng tốt ở mức 25% năm 2018 so với năm 2017. Chúng tôi thực hiện các hoạt động kinh doanh một cách cân đối với cả khách hàng phi tín dụng và tín dụng, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của khách hàng về:

- Vốn lưu động ngắn và dài hạn
- Quản lý luồng tiền và thanh khoản
- Nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh
- Quản trị và phòng ngừa rủi ro
- Nhu cầu về tăng tỷ suất sinh lời

Một số kết quả kinh doanh nổi bật của chúng tôi:

- Thu nhập trên tài sản (ROA) cho toàn Ngân hàng ở mức 2,9%
- Cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng trưởng năm ở mức 43% và tăng trưởng tiền gửi ở mức 22%
- Doanh thu của BB năm 2019 tăng trưởng mạnh ở mức 29% (năm 2018: 25%)
- Văn hóa quản trị rủi ro tốt, được hỗ trợ bởi hệ thống và công cụ cảnh báo sớm đã giúp chúng tôi tiếp tục hoàn thiện tỷ lệ nợ xấu (NPL) vốn đã ở mức thấp tiếp tục giảm xuống còn 0,9% vào tháng 12 năm 2019, so với mức 1,5% năm 2018.

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối Ngân hàng Bán Buôn (WB)

“ Mục tiêu chiến lược của khối Khách hàng bán buôn (WB) là trở thành cố vấn tin cậy và ngân hàng giao dịch chính của khách hàng. Do vậy, chúng tôi lựa chọn tiếp cận thống nhất theo phương châm “một ngân hàng” giữa Khối Khách hàng Bán buôn (WB), Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB), và Khối Khách hàng Cá nhân (PFS) để cung cấp các giải pháp chuỗi giá trị cho các khách hàng Rainmaker và khách hàng lớn trong các lĩnh vực kinh tế mục tiêu và hệ sinh thái của họ.”

Để làm được điều đó WB cần xây dựng thành công các trụ cột cơ bản

Chuyên môn ngành xuất sắc: Dẫn đầu thị trường về am hiểu chuyên sâu sáu lĩnh vực kinh tế / ngành để đưa ra các giải pháp toàn diện.

Nhân sự xuất sắc: Đội ngũ bán hàng và giải pháp sản phẩm có trình độ cao để trở thành nhà tư vấn đáng tin cậy, với tư duy hướng tới sự vượt trội và thực thi thành công.

Công nghệ xuất sắc: Nền tảng sản phẩm dẫn đầu thị trường (Ngân hàng giao dịch, Thị trường vốn, Ngân hàng đầu tư); Hỗ trợ đội bán với những công cụ gia tăng năng suất bán (Ví dụ: Account planning, CRM, RM Workbench).

Quản trị rủi ro và vận hành xuất sắc

- Quản trị rủi ro vượt trội thông qua am hiểu sâu sắc khách hàng, chuỗi giá trị, và lĩnh vực kinh tế của khách hàng.
- Chuẩn hóa và đơn giản hóa các điều kiện tín dụng cho lĩnh vực kinh tế/ ngành dựa trên hiểu biết sâu về các rủi ro.

Trong 2019 - năm thứ 4 trong chiến lược 5 năm, WB đã xây dựng thành công được cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên biệt hóa theo lĩnh vực kinh tế, mỗi đội bán sẽ tập trung vào 1 lĩnh vực, ngành cụ thể để chuyên sâu am hiểu ngành nghề kinh doanh và chuỗi giá trị trong toàn bộ hệ sinh thái của khách hàng.

WB cũng đã thí điểm thành công mô hình “client service team” (CST) liên kết các bộ phận trong toàn Ngân hàng thành 1 đội ngũ duy nhất trong việc am hiểu, thiết kế giải pháp, và vận hành dịch vụ cho 1 khách hàng lớn nhất ngân hàng. Với mô hình này, các thành viên trong đội ngũ sẽ có chung 1 mục tiêu duy nhất là làm sao cung cấp giải pháp phù hợp nhất cho khách hàng với thời gian ngắn nhất để giúp khách hàng thành công. Điều này đòi hỏi các thành viên trong Ngân hàng phải chia sẻ thông tin, phối hợp nhịp nhàng, ăn ý hơn trong việc am hiểu, thiết kế giải pháp, triển khai giải pháp và cung cấp dịch vụ sau bán hàng tới khách hàng.

Thành viên CST là các chuyên gia nhiều kinh nghiệm đến từ các bộ phận chức năng trong Ngân hàng, nên việc tư vấn và đưa giải pháp cho khách hàng không dừng ở việc tư vấn các giải pháp tài chính mà còn ở cả các giải pháp về luật pháp và phương án marketing, bán hàng, quản trị nhân sự. Việc tư vấn không dừng ở bản thân khách hàng WB mà còn mở rộng ra cả các đối tác đầu vào, đầu ra và người mua cuối của khách hàng, mang đến 1 giải pháp toàn vẹn cho toàn bộ chuỗi giá trị và giúp hoạt động kinh doanh của khách hàng tăng trưởng tốt và bền vững hơn, củng cố niềm tin của khách hàng với Techcombank.

Việc tổ chức mô hình bán và dịch vụ chuyên biệt như vậy cũng giúp cho cán bộ của Techcombank có nhiều cơ hội hơn trong việc nâng cao năng lực của bản thân và học hỏi lẫn nhau trong quá trình làm việc. Điều này cũng giúp CBNV làm việc hiệu quả và hạnh phúc hơn khi mang lại các giá trị cho khách hàng.

Dư nợ WB 2019
80.634
Tỷ VNĐ

Huy động WB 2019
35.345
Tỷ VNĐ

Số lượng khách hàng hoạt động WB
433



➤ Kết quả thực hiện chiến lược và các dự án chuyển đổi



Xây dựng Chiến lược - Lan tỏa Nụ cười

Trong suốt quá trình hoạt động, mục tiêu của Techcombank luôn là mang tới những lợi ích tốt nhất cho Khách hàng, Nhân viên và Cổ đông. Sứ mệnh đặc biệt này là động lực để Techcombank trong 26 năm qua luôn song hành cùng sự phát triển của Việt Nam nói chung, mỗi người dân Việt Nam nói riêng, và từng bước chinh phục khát vọng trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam về hiệu quả hoạt động. Đặc biệt trong giai đoạn 2016-2020, chiến lược của Techcombank được xây dựng với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm tự hào đã mang lại những giá trị lớn hơn và lan tỏa nụ cười rộng khắp đến khách hàng, đội ngũ CBNV và cộng đồng, viết nên những câu chuyện của thành công, câu

chuyện của hạnh phúc nhân rộng hơn mỗi ngày.

Không chỉ trong năm 2019 mà nhìn rộng ra hành trình 10 năm chuyển đổi, Techcombank đã xây dựng được một chiến lược rõ ràng - lấy khách hàng làm trọng tâm, với quan điểm nhất quán là khi khách hàng thành công thì Techcombank và Techcomers sẽ thành công. Trong những năm qua, Techcombank đã không chỉ hiểu khách hàng, mà còn hiểu “hệ sinh thái” hay toàn bộ chuỗi giá trị để có thể mang lại giải pháp tổng thể cho nhu cầu toàn diện của khách hàng. Nhờ đó sự hài lòng của khách hàng và uy tín của Techcombank ngày một gia tăng và giúp Techcombank ngày càng thu hút được thêm nhiều khách hàng mới. Số lượng khách hàng mới tăng nhanh ở cả hai phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp với trung bình năm 2019 cao gấp 2 lần so với năm 2016, và mỗi tháng Techcombank đã có thêm hơn 100 nghìn khách hàng

mới nâng tổng số lượng khách hàng của Techcombank đạt hơn 7,3 triệu vào cuối năm 2019.

Bên cạnh đó, với chủ trương “làm việc hiệu quả, ưu tiên các công việc mang lại giá trị cao”, Techcombank đã xác định tập trung phục vụ một số lĩnh vực kinh tế trọng yếu của thị trường nội địa, qua đó đáp ứng các nhu cầu cốt yếu trong ngắn hạn (như viễn thông, tiêu dùng, du lịch) và dài hạn (như nhà ở, ô tô, tài chính) của người dân, cũng như doanh nghiệp Việt Nam. Đối với nhu cầu về nhà ở, trong năm 2019, Techcombank đã đạt được nhiều thành công với quy trình cho vay thế chấp Bất động sản - hay còn gọi là Dự án M+. Đây là Dự án lần đầu tiên tại Việt Nam mà quy trình được số hóa để mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng với

thời gian xử lý hồ sơ được tối ưu, số bước trong quy trình được tinh gọn, và khách hàng có thể chủ động quản trị toàn bộ hành trình chính xác, hiệu quả mọi lúc mọi nơi. Đối với lĩnh vực tài chính, chương trình Direct Model - mô hình tư vấn trực tiếp sản phẩm bảo hiểm (Bancassurance) đã mang đến cơ hội để hàng nghìn CBNV của Techcombank trở thành nhà tư vấn tài chính và có thể trực tiếp tư vấn giải pháp đảm bảo sự an toàn cho khách hàng. Đồng thời trong năm qua, Techcombank cũng tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu thị trường về phân phối trái phiếu doanh nghiệp giúp đa dạng hóa kênh đầu tư cho khách hàng. Đối với lĩnh vực tiêu dùng, du lịch & giải trí, Techcombank cũng đã không ngừng hoàn thiện các kênh giao dịch, thúc đẩy tiêu dùng thông qua các chương trình Zero Fee, 1% Cashback không giới hạn,... để mang lại tiện ích cho khách hàng. Như vậy, với sự đầu tư mạnh mẽ vào năng lực nền tảng, Techcombank đã chứng minh năng lực trong việc đáp ứng nhu cầu khách hàng tốt hơn, hiệu quả mỗi ngày trong bối cảnh số lượng khách hàng tăng lên nhanh chóng.

Cùng với việc mang lại giá trị cho khách hàng, trên hành trình thực thi chiến lược của mình, Techcombank đã không ngừng đầu tư mạnh mẽ vào các năng lực nền tảng, mà quan trọng nhất chính là con người. Để chuẩn bị cho thời kỳ phát triển mới, những năm qua Techcombank luôn là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc đầu tư cho các chương trình tuyển dụng và đào tạo. Mỗi cán bộ nhân viên được đào tạo bài bản và chuyên nghiệp chính là yếu tố then chốt củng cố giá trị nền tảng “Nhân sự xuất sắc” nói riêng và các giá trị nền tảng khác của Techcombank nói chung. Ngân hàng hiểu rằng, thành công của mỗi Techcomer sẽ tạo nên thành công của tổ chức, đồng thời mang lại những thành công lớn hơn cho khách hàng, cho cộng đồng. Bên cạnh đó, việc chú trọng vào công tác đào tạo cũng đã góp phần tạo ra những năng lực và cống hiến vượt trội, tạo nên những Techcomers mang trong mình ADN của tinh thần và khát vọng, sự minh bạch và đạo đức nghề nghiệp cùng sự chuyên nghiệp, hiểu biết sâu rộng, từ đó sẽ củng cố niềm tin của khách hàng với Techcombank, tạo nên sự gắn kết bền vững.

Song hành cùng những nụ cười đến từ sự thành công của khách hàng, sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ nhân viên, về phía Ngân hàng, Techcombank chú trọng vào chất lượng tăng trưởng và xây dựng mô hình kinh doanh hiệu quả, bền vững, tối ưu hóa giá trị sinh lời. Với chủ trương rủi ro thấp, lợi nhuận cao và điểm cốt lõi là tăng trưởng doanh thu bền vững, qua 4 năm thực thi chiến lược, Techcombank đã thành công trong việc cân đối cơ cấu doanh thu để giảm phụ thuộc vào hoạt động cho vay được thể hiện qua những chuyển biến đáng kể trong phân bổ thu nhập: Tỷ lệ thu nhập cho vay giảm, trong khi thu nhập ngoài lãi vay tăng trưởng mạnh mẽ. Techcombank đã tăng trưởng 17 quý liên tiếp với tốc độ trung bình 22% mỗi năm về doanh thu và tiếp tục đạt được kỷ lục về thu nhập hoạt động, cũng như lợi nhuận trước thuế với mức tăng trưởng hơn 3 lần so với 2016.

Để đạt được những thành tựu trong chuyển đổi và thực thi chiến lược những năm qua, Techcombank đã không ngừng hoàn thiện cơ chế quản trị điều hành, triển khai các hoạt động theo quy định của Basel 2, xây dựng trụ sở làm việc mới được thiết kế theo Phương pháp làm việc Agile (linh hoạt), cũng như triển khai chương trình chuyển đổi giai đoạn 2 để số hóa mạnh mẽ hơn các hành trình khách hàng. Đồng thời, Techcombank hiểu rằng văn hóa tổ chức là yếu tố nền tảng đóng vai trò vô cùng quan trọng để thúc đẩy thực thi chiến lược thành công. Việc chuyển đổi văn hóa tổ chức đã, đang và sẽ được Ban Lãnh đạo Ngân hàng tiếp tục ưu tiên xây dựng, thực thi để phù hợp với thời kỳ mới.

Trong năm 2020 và những giai đoạn tiếp theo, Techcombank sẽ tiếp tục triển khai chương trình chuyển đổi để làm sâu sắc thêm năng lực am hiểu khách hàng, trở thành một tổ chức có hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ, từng bước số hóa hệ thống vận hành tập trung, xây dựng đội ngũ nhân sự và hệ thống quản trị rủi ro vượt trội, qua đó, hiện thực hóa khát vọng trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam, nơi khách hàng có thể đặt trọn niềm tin.

➤ Quản trị rủi ro

“ Năm 2019, Techcombank tiếp tục hành trình chuyển đổi để trở thành ngân hàng tốt nhất Việt Nam và đạt đến tầm khu vực. Để đạt được mục tiêu chiến lược quan trọng lấy khách hàng là trung tâm của mô hình kinh doanh có tốc độ phát triển mạnh mẽ, Techcombank đã và đang chú trọng tăng cường quản trị rủi ro toàn diện.”

Trên chặng đường đó, trong năm 2019 Techcombank đã đạt được các thành tựu nổi bật:

Chính thức áp dụng Basel II

Một sự kiện trong 2019 là việc Techcombank chính thức được NHNN phê chuẩn áp dụng trước thời hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phương pháp tiêu chuẩn của Basel II.

Sự kiện này được đánh giá là cột mốc quan trọng đánh dấu sự thành công của Techcombank trong việc không ngừng nâng cao năng lực quản lý rủi ro và chuẩn mực an toàn trong hoạt động ngân hàng theo thông lệ quốc tế. Qua đó, ngày càng hoàn thiện hệ thống quản trị điều hành theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả dựa trên những cơ sở dữ liệu đầy đủ, rõ ràng và chi tiết.

Trong năm 2019-2020, Techcombank hoàn thành các dự án bao gồm Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP), Kiểm tra sức chịu đựng, Lập kế hoạch vốn nhằm tiếp tục hoàn thiện và tiệm cận các chuẩn mực Basel II. Bên cạnh đó Ngân hàng sẽ tiếp tục hoàn thiện các mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp nâng cao (IRB). Việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế sẽ giúp Ngân hàng hoạt động an toàn hơn, tối ưu hóa vốn dự phòng để chống chịu các loại rủi ro trọng yếu, đem lại sự tin tưởng và yên tâm với khách hàng và các nhà đầu tư.

Quản trị rủi ro toàn diện

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến nửa đầu năm 2019, Techcombank đã thành lập và đưa vào vận hành hoạt động Hội đồng Rủi ro và Hội đồng Quản lý Vốn tuân thủ Thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng triển khai hàng loạt các hoạt động nhằm tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu.

Trong lĩnh vực quản trị rủi ro tín dụng, Techcombank thực hiện xây dựng chính sách tín dụng và chiến lược kinh doanh theo từng phân khúc khách hàng và hệ sinh thái dựa trên am hiểu khách hàng và rủi ro khách hàng. Việc thực hiện chính sách này giúp tối ưu hóa giải pháp tài chính cho khách hàng.

Bên cạnh đó, Techcombank đã và đang ứng dụng ngày càng nhiều hơn các mô hình đánh giá rủi ro khách hàng trong quy trình cấp tín dụng giúp chuẩn hóa và rút ngắn thời gian phê duyệt cấp tín dụng, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Trong lĩnh vực quản trị rủi ro thị trường, Techcombank tập trung vào công tác đo lường rủi ro thị trường theo tiêu chuẩn Basel II và đánh giá cơ bản số kinh doanh (“FRTB”) của Basel thông qua việc hoàn thành tính toán giá trị chịu rủi ro (VaR) và mức độ lỗ tiềm tàng vượt qua VaR (Expected Shortfall) cho các danh mục thuộc sổ kinh doanh và cho toàn sổ kinh doanh, hoàn thiện việc hậu kiểm theo phương pháp giả thuyết (Hypothetical backtest) cho VaR của từng danh mục thuộc sổ kinh doanh và toàn sổ kinh doanh, đồng thời triển khai dự án kiểm định các mô hình rủi ro thị trường với sự tham gia của Risk Dynamics McKinsey để đảm bảo tính chính xác và tin cậy của các mô hình này, hỗ trợ cho các cấp phê duyệt, các đơn vị quản trị, đơn vị kinh doanh trong quá trình ra quyết định.

Trong lĩnh vực quản trị rủi ro thanh khoản, Techcombank đã thiết lập **khung quản trị rủi ro thanh khoản bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị,** hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng.

Trong công tác quản lý rủi ro hoạt động, Techcombank chú trọng và tăng cường với mục tiêu bảo vệ Ngân hàng, cổ đông và khách hàng tránh được tổn thất rủi ro hoạt động.

Trong năm 2019, việc thực thi chiến lược quản trị rủi ro hoạt động được cụ thể hóa thông qua việc thành lập và vận hành **Tiểu ban Quản trị Rủi ro hoạt động trực thuộc Hội đồng Rủi ro,** là đơn vị chuyên trách nhằm quản lý và điều hành toàn bộ các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động trên toàn hệ thống đảm bảo các rủi ro hoạt động được nhận diện, đánh giá, xử lý một cách kịp thời, nhất quán phù hợp chính sách quản trị rủi ro của Ngân hàng, các quy định pháp luật và đưa ra quyết định/phê duyệt cách thức xử lý rủi ro hoạt động.

Bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, và giảm thiểu rủi ro hoạt động, **Techcombank cũng tiến hành chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua các gói bảo hiểm rủi ro hoạt động đối với tài sản của ngân hàng.** Ngân hàng có đơn vị chuyên trách quản lý việc mua và sử dụng bảo hiểm rủi ro hoạt động là đơn vị quản lý bảo hiểm rủi ro hoạt động trực thuộc Khối Bảo hiểm. Bằng việc thành lập riêng Khối Bảo hiểm, trong đó **hoạt động quản lý bảo hiểm rủi ro hoạt động** là một trong những yêu cầu trọng yếu, Ngân hàng đã tập trung hóa và hệ thống hóa nguồn lực cũng như phương thức quản trị nhằm mục đích triển khai hiệu quả hơn từ việc lập kế hoạch, đến thực hiện, đánh giá các chương trình bảo hiểm rủi ro hoạt động của Ngân hàng.

Nhân sự



Năm 2019, bên cạnh việc đề cao giá trị **“Nhân sự xuất sắc”**, Techcombank đã đặc biệt chú trọng đến việc mang lại niềm tin với tổ chức, niềm hạnh phúc cho đội ngũ CBNV của Ngân hàng. Techcombank tin rằng, mỗi cán bộ nhân viên sẽ thực sự hạnh phúc khi được ghi nhận, tưởng thưởng xứng

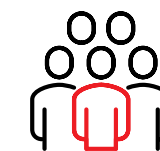
đáng, được đào tạo và tạo điều kiện phát triển, được trao tầm nhìn, thử thách, cơ hội, nắm trong tay vai trò dẫn dắt Techcombank trong việc hiện thực hóa mục tiêu Trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam.

“Techcombank tin rằng, mỗi cán bộ nhân viên sẽ thực sự hạnh phúc khi được ghi nhận, tưởng thưởng xứng đáng, được đào tạo và tạo điều kiện phát triển, được trao tầm nhìn, thử thách, cơ hội, nắm trong tay vai trò dẫn dắt Techcombank trong việc hiện thực hóa mục tiêu Trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam.”

Luôn lấy “Nhân sự là trọng tâm” làm kim chỉ nam cho mỗi hành động, “Chất” và “Lượng” nhân sự tại Techcombank đã và đang tiếp tục được nâng cao, thể hiện qua các chỉ số đo lường, cụ thể như sau:

- Năm 2019, số lượng cán bộ nhân viên Techcombank tăng 14% từ 9.757 cán bộ năm 2018 lên mức 11.156 cán bộ năm 2019 theo đúng chiến lược và kế hoạch mở rộng mục tiêu kinh doanh, khẳng định quy mô và vị thế của Techcombank trên thị trường.
- Số lượng cán bộ đạt trình độ học vấn cao có xu hướng tăng, với tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học đạt 84% và trên đại học đạt 8% năm 2019.
- Tỉ lệ nghỉ việc năm 2019 của Techcombank tương đương năm 2018, ở mức 16,7%. So với đà tăng của số lượng cán bộ tuyển mới, đây là tỷ lệ tương đối khả quan, thể hiện sự nỗ lực và đầu tư không ngừng của Ban Lãnh đạo Ngân hàng trong việc:
 - Thực hiện các chính sách cạnh tranh và vượt trội nhằm thu hút và giữ chân nhân tài (Điều chỉnh thu nhập cơ bản định kỳ hàng năm, các chương trình thưởng vượt trội trên thị trường,...)
 - Đầu tư vào phát triển tài năng thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, đào tạo theo khung năng lực, thực hiện PDP và kế hoạch kế cận,...

Thời gian làm việc trung bình của cán bộ đạt mức 4,5 năm. Đây là con số rất tích cực, thể hiện mức độ gắn kết của người lao động với Ngân hàng, cao hơn đáng kể so với mức trung bình 3 năm của ngành dịch vụ.



Tổng nhân sự năm 2019

11.156 người

Quá trình tiếp nhận và đào tạo nhân viên

Tiếp nối truyền thống đào tạo những con người vượt trội, năm 2019, Techcombank đặc biệt chú trọng đầu tư vào công tác đào tạo, đưa ra những giải pháp thiết thực nhất nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV, đồng thời trang bị cho CBNV đầy đủ kỹ năng, kiến thức để sẵn sàng chuyển đổi.

- Triển khai thành công 1.348 khóa học và thi, với 109.975 lượt học viên, trong đó bao gồm 665 khóa học tập trung, 597 khóa học e-learning, 86 khóa học ngoài Ngân hàng. Số lượng giảng viên nội bộ tham gia giảng dạy cũng tăng dần qua các năm, đạt 435 cán bộ trong năm 2019 (không bao gồm giảng viên cơ hữu). Đây là những con số vô cùng ấn tượng, khẳng định một năm bứt phá và thành công đối với công tác đào tạo tại Techcombank.
- Đặc biệt, Ngân hàng luôn ưu tiên và chú trọng việc đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ lãnh đạo và đội ngũ kế cận, thông qua việc liên tục cải tiến các chương trình đào tạo chủ chốt nhằm xây dựng một đội ngũ CBNV tinh nhuệ, sẵn sàng đương đầu với những thay đổi không ngừng và đảm nhiệm những nhiệm vụ mới. Các lãnh đạo cấp cao tiếp tục được trang bị và nâng cao năng lực lãnh đạo thông qua các chương trình phát triển năng lực lãnh đạo được tư vấn bởi các tổ chức tư vấn hàng đầu.

➔ Nhân sự (tiếp theo)



Chính sách đãi ngộ hấp dẫn

Chính sách đãi ngộ của Techcombank dành cho cán bộ nhân viên được dựa trên nền tảng chiến lược “Nhân sự xuất sắc”, với mục tiêu xây dựng chế độ đãi ngộ cạnh tranh, gắn liền với chiến lược quản lý nhân tài, đảm bảo nguồn nhân lực hiệu suất cao, và đảm bảo mang lại niềm hạnh phúc cho CBNV.

Chính sách đãi ngộ của Techcombank hiện nay rất đa dạng, đáp ứng toàn diện nhu cầu từ cơ bản (thông qua chính sách lương thưởng, phúc lợi cơ bản) đến nâng cao (các chế độ cạnh tranh, vượt trội hơn) của CBNV. Tất cả các chính sách lương thưởng, phúc lợi đều đảm bảo cạnh tranh/ cao hơn mặt bằng chung thị trường các Ngân hàng nội địa và các Công ty đa quốc gia tại Việt Nam với định vị ở mức P50 cho các cán bộ nhân viên, và mức P75/P90 cho các phân khúc nhân tài và nhóm có hiệu quả công việc vượt trội. Ngoài ra, Techcombank luôn đi đầu xu hướng thị trường, liên tục chuyển đổi các chế độ dành cho nhóm nhân tài chủ chốt cần giữ chân, thông qua các chương trình như Techcomer tiêu biểu, Học bổng TechcomKids, ESOP,... qua đó tạo thêm động lực giúp cán bộ nhân viên tin tưởng gắn bó và cống hiến cùng Ngân hàng. Đặc biệt, ngay cả khi CBNV và người thân không may gặp rủi ro trong cuộc sống, không còn khả năng cống hiến tại Techcombank, Ngân hàng cũng luôn cam kết đồng hành và hỗ trợ CBNV thông qua Quỹ Nhân ái.

Bên cạnh đó, tại Techcombank, cán bộ nhân viên luôn được tạo điều kiện tối đa để phát triển bản thân thông qua môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện với lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng. Ngân hàng liên tục tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề như “Hội thảo phát huy vai trò nhà lãnh đạo ngân hàng tương lai”, Workshop “Hướng dẫn xây dựng khung năng lực nhằm mang lại những kiến thức mới mẻ, hữu ích cho CBNV”. Trong công việc hàng ngày, cán bộ nhân viên cũng luôn được khuyến khích để đưa ra những ý tưởng mới, các sáng kiến chuyển đổi với những chính sách đãi ngộ và cơ hội phát triển tương ứng. Techcombank hy vọng, mỗi cán bộ nhân viên không chỉ làm tốt công việc của bản thân, mà sẽ không ngừng trau dồi thêm kiến thức kỹ năng để phát triển bản thân thông qua chế độ đào tạo và kế hoạch phát triển bản thân (PDP) cùng chương trình kế cận (Succession Plan), vừa giúp đảm bảo nguồn nhân lực nội bộ chất lượng cao, vừa tạo điều kiện giúp CBNV phát triển hơn ngay trong Ngân hàng.



Mức độ hài lòng của nhân viên

Để đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ nhân viên, Khảo sát mức độ hiệu quả của cán bộ nhân viên (EES) được đo lường trên 2 chỉ số là Mức độ tạo điều kiện và Mức độ gắn kết, do Khối Quản trị Nguồn Nhân lực phối hợp với đơn vị tư vấn Korn Ferry triển khai định kỳ 2 năm 1 lần. Theo đó trong kỳ khảo sát EES 2019, các chỉ số mức độ gắn kết, mức độ tạo điều kiện và mức độ hiệu quả của Techcombank đều tăng mạnh so với cùng kỳ khảo sát năm 2017 trên toàn bộ 12 khía cạnh, trong đó 4 khía cạnh đạt kết quả tốt nhất bao gồm: Định hướng công việc rõ ràng và có triển vọng (đạt 95% so với năm 2017 là 93%), Chú trọng vào chất lượng và khách hàng (đạt 92% so với năm 2017 là 86%), Sự tin tưởng vào lãnh đạo (đạt 89% so với năm 2017 là 83%) và Công việc, cơ cấu và quy trình (đạt 89% so với năm 2017 là 84%).

Không chỉ dừng lại ở đó, khi so sánh với Ngân hàng quốc tế, khu vực Đông Nam Á và với các công ty đa quốc gia tại Việt Nam, tỷ lệ của Techcombank đều thể hiện những con số vượt trội, cao hơn so với mức độ tiêu chuẩn của các nhóm trên.

Song song, Techcombank cũng không ngừng đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ nhân viên thông qua những kỳ khảo sát nội bộ, và tỷ lệ hài lòng luôn ở mức cao, tăng mạnh so với các năm trước.



Giải thưởng “Employer of the year”

Tháng 9/2019, Techcombank vinh dự khi giành được cúp vàng danh giá với hạng mục: “Employer of the year - Banking” tại giải thưởng Great Employer trong hệ thống giải thưởng Stevie Awards - một giải thưởng quốc tế uy tín được ví như giải Oscar trong giới kinh doanh. Giải thưởng trên đã phần nào ghi nhận những cam kết và nỗ lực không ngừng của Techcombank nói chung và Khối Quản trị Nguồn Nhân lực nói riêng trong việc nâng cao thương hiệu nhà tuyển dụng, bằng việc không ngừng nâng cao các chính sách vượt trội, lan tỏa niềm hạnh phúc và tạo cảm hứng cho cán bộ nhân viên.

🗨️ Có thể nói, năm 2019 vừa qua là một năm thành công đối với công tác nhân sự tại Techcombank. Chúng ta hoàn toàn có quyền tin tưởng vào những bước tiến tiếp theo trong năm 2020, để mang lại nhiều hạnh phúc hơn cho CBNV, cũng là nền tảng cho thành công chung của Ngân hàng - nhằm hiện thực hóa mục tiêu Trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam. 🗨️



“ Văn hóa của Techcombank bắt nguồn từ chính sứ mệnh và tầm nhìn của Ngân hàng, và đã trở thành DNA của các Techcomers.”

➔ Văn hóa tổ chức

Kể từ khi bắt đầu quá trình chuyển đổi (2010 - 2020), Techcombank luôn quan niệm rằng bên cạnh các sáng kiến kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp là một nền tảng quan trọng mà một tổ chức cần phải có. Chúng tôi coi văn hóa tổ chức là đường ray để con tàu Techcombank lăn bánh, và văn hóa đó cần phải được xây dựng vững chắc và hiệu quả để con tàu lăn bánh thuận lợi.

Sau 10 năm chuyển đổi, Techcombank tự hào đã đạt được nhiều cột mốc quan trọng, trở thành Ngân hàng đứng đầu về hiệu quả trong hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Để làm được điều đó, một trong số những thành tựu lớn nhất chính là xây dựng được chiến lược phát triển rõ ràng, lấy mô hình kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm và nền tảng văn hóa tổ chức đặc trưng, nổi bật.






Văn hóa của Techcombank bắt nguồn từ chính sứ mệnh và tầm nhìn của Ngân hàng, và đã trở thành DNA của các Techcomers. Hay nói cách khác, văn hóa của Techcombank

được cán bộ nhân viên các cấp thể hiện qua những giá trị cốt lõi và chuẩn mực hành vi mà Ngân hàng đã lựa chọn, đặc biệt vai trò dẫn dắt của Ban Lãnh đạo khi đã tin tưởng vào tầm quan trọng của nền tảng đó, lan tỏa và tạo động lực cho cán bộ nhân viên của mình sống và làm việc theo văn hóa đó mỗi ngày.

Techcombank đang sẵn sàng cho lần chuyển đổi thứ hai kế thừa những thành công của giai đoạn chuyển đổi thứ nhất và đặc biệt để hiện thực hóa mục tiêu chiến lược 5 năm (2021 - 2025), việc làm mới các Giá trị cốt lõi và chuẩn mực hành vi để phù hợp với thời kỳ mới, chiến lược mới là điều mà Ban Lãnh đạo Techcombank đã ưu tiên thực hiện ngay từ năm 2019.

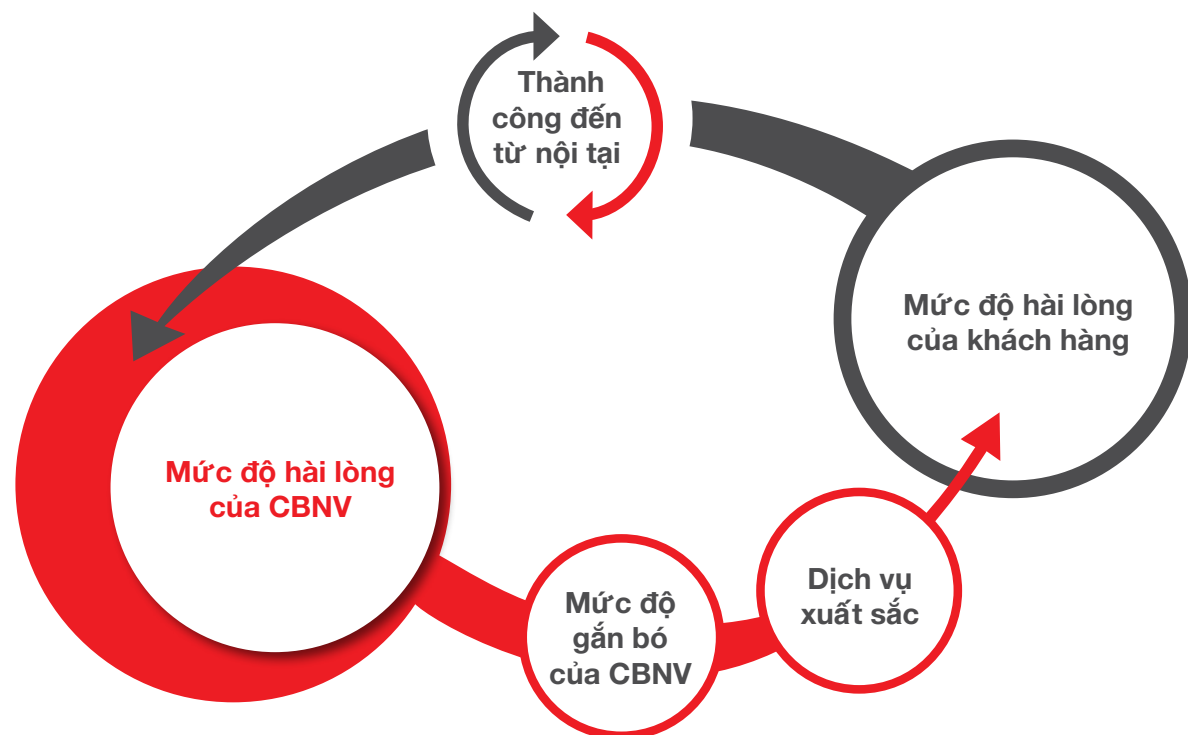
Techcombank tin rằng, với mô hình kinh doanh “Lấy khách hàng là trọng tâm” và nền tảng văn hóa tổ chức mạnh và hiệu quả sẽ chạm tới mọi nhu cầu của khách hàng và khiến khách hàng hài lòng hơn.

05 Giá trị cốt lõi của Techcombank trong thời kỳ mới

TÊN GỌI	NIỀM TIN	DIỄN GIẢI Ý NGHĨA
 KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM	Vì chúng ta chỉ thành công khi khách hàng thành công	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Tìm kiếm giải pháp để đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách chủ động ▶ Thực hiện nhiệm vụ vượt ngoài phạm vi công việc để giải quyết vấn đề cho khách hàng ▶ Chủ động tìm kiếm cách thức để tăng mức độ hài lòng của khách hàng
 ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO	Để luôn dẫn đầu	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Tìm cách thức để vượt qua các trở ngại trên con đường đạt đến mục tiêu ▶ Đề xuất giải pháp mới cho những nhiệm vụ hiện tại ▶ Chủ động đề xuất cải tiến trong công việc của phòng ban mà bản thân đang làm việc
 HỢP TÁC VÌ MỤC TIÊU CHUNG	Tạo nên sức mạnh tập thể để mang lại kết quả vượt trội cho cả cá nhân lẫn tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Gắn kết đồng nghiệp khi làm việc cùng nhau trong công việc chung ▶ Tiếp thu góp ý một cách tích cực từ đó điều chỉnh hành vi của bản thân ▶ Chia sẻ chân thành về những vấn đề và khó khăn hiện tại trong công việc của bản thân
 PHÁT TRIỂN BẢN THÂN	Để có khả năng nắm bắt cơ hội phát triển cùng với tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Học những lĩnh vực mới/công nghệ mới ngay cả trong trường hợp không liên quan trực tiếp tới công việc của bản thân nhưng có thể đóng góp cho sự phát triển của tổ chức ▶ Đặt mục tiêu cho bản thân để phát triển sự nghiệp ▶ Nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn
 LÀM VIỆC HIỆU QUẢ	Để mang lại thành công lớn hơn với nguồn lực phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Tuân thủ các quy tắc ứng xử và tiêu chuẩn của Techcombank ▶ Tổ chức và thực hiện công việc một cách thống nhất, “không chữa cháy” ▶ Sử dụng nguồn lực hiện có một cách hợp lý

➤ Văn hóa tổ chức (tiếp theo)

Mối tương quan giữa sự hài lòng nhân viên và sự hài lòng khách hàng



Xuất phát từ niềm tin của từng cá nhân

Hai trên năm giá trị cốt lõi của Techcombank nhấn mạnh vào tầm quan trọng của từng cá nhân trong tổ chức. Bởi chúng tôi xác định, một tập thể mạnh được tạo nên từ những cá nhân xuất sắc. Techcombank hội tụ đủ cả hai yếu tố giúp CBNV có cơ hội phát triển đó là: Lựa chọn được những cá nhân phù hợp với tổ chức và tạo cho họ một môi trường làm việc tốt nhất. Bằng chứng cho điều này được thể hiện rõ khi chỉ số OHI và EES của Techcombank đã tăng mạnh trong năm 2019 và lọt Top đầu khu vực. Bên cạnh đó, Techcombank còn là một trong những ngân hàng quan tâm đến chế độ phúc lợi cho CBNV thông qua các chính sách AON, chính sách Esop và đặc biệt Techcombank cũng đã đầu tư rất lớn vào việc phát triển con người thông qua các khóa đào tạo TechcomLead, NUS Boot Camp 2019.

Nhờ được tạo điều kiện tối đa, rất nhiều cá nhân trong Techcombank đã thực sự có những bước phát triển trong công việc. Mỗi CBNV Techcombank đều có lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng giúp họ có thể an tâm công tác và gắn kết lâu dài với tổ chức. Không dừng lại ở đó, Techcombank luôn khuyến khích mỗi cá nhân chủ động đưa ra sáng kiến nhằm cải tiến công việc và những sáng kiến này đều được tổ chức ghi nhận và lựa chọn để áp dụng vào thực tế. Nhiều cá nhân và tập thể liên tục được vinh danh khi có cải tiến đột phá là minh chứng rõ ràng cho một tổ chức mang trong mình “Gen” - Đổi mới sáng tạo.



Tới sự vững mạnh của đội ngũ

Nhắc tới sự vững mạnh của một tập thể, sẽ thật thiếu sót nếu không đề cập đến chất keo kết dính là tinh thần “Hợp tác vì mục tiêu chung” và “Làm việc hiệu quả”. Mọi thành viên trong tổ chức cho dù ở các bộ phận, phòng/ban khác nhau nhưng đều hợp tác với nhau vì một mục tiêu là mang đến sự hài lòng của khách hàng. Ví dụ trong quá trình làm việc, có những tình huống diễn ra vượt khỏi quy trình đã được định sẵn, nên nếu áp dụng quy trình thông thường sẽ khó có thể đi đến kết quả mong đợi. Nhưng văn hóa của Techcombank đã chứng minh, với sự đồng lòng và cam kết của CBNV vì một mục tiêu chung, các vấn đề đều có thể giải quyết dễ dàng hơn để mang tới trải nghiệm tốt nhất cũng như dành được thiện cảm lâu dài của khách hàng.

Trong những công việc chung, các Techcomers luôn nêu cao tinh thần chủ động gắn kết và giúp đỡ đồng nghiệp. Với mục tiêu cùng nhau tiến bộ, mọi góp ý từ đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới luôn được Techcomers đón nhận và phản hồi nhiệt thành. “Ngày hôm nay phải tốt hơn ngày hôm qua”, hàng ngày, hàng giờ, các Techcomers vẫn từng bước hoàn thiện bản thân thông qua việc lắng nghe đánh giá từ người khác.

“Muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi xa phải đi cùng nhau”, thành công của tổ chức chỉ đến khi từng Khối, Phòng, Ban của ngân hàng luôn cùng nhau hướng tới hiệu quả khi làm việc. Không còn những lãng phí hay sự cố ngoài tầm kiểm soát bởi đội ngũ Techcombank đã được rèn luyện để biết phân bổ nguồn lực một cách hợp lý và lường trước rủi ro.



Liên tục phát triển và củng cố

Câu chuyện xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp không chỉ gói gọn trong những kế hoạch ngắn hạn. Để liên tục củng cố và duy trì Văn hóa, Techcombank tự hào khi có mạng lưới truyền thông nội bộ hiệu quả và những chương trình đặc sắc mang dấu ấn Văn hóa được xây dựng bài bản và triển khai nhiều năm liên tục. Một trong số đó phải kể đến chương trình “Hành trình Văn hóa”.

Năm 2019 là năm thứ 8, chương trình “Hành trình Văn hóa” được triển khai. Với những hoạt động bám sát vào từng giá trị cốt lõi, đây không chỉ là một chương trình thi đua thuần túy mà còn là sân chơi bổ ích giúp cho cán bộ nhân viên thực hành các chuẩn mực hành vi, từ đó hiểu sâu hơn về các giá trị cốt lõi của Ngân hàng và áp dụng những giá trị cốt lõi này vào công việc hàng ngày của mỗi cán bộ.

Bên cạnh đó, giải thưởng Techcomer tiêu biểu do chính Chủ tịch Hội đồng Quản trị trao tặng là hình thức tôn vinh cao nhất dành cho cá nhân mang đậm nét Văn hóa Techcombank. Đây không chỉ là người có tài mà còn có “đức”, người đi đầu làm gương trong các hoạt động Văn hóa của Tổ chức và mang lại những giá trị vượt trội cho khách hàng.

➔ Văn hóa tổ chức (tiếp theo)

Chung niềm vui - cùng thành công

Quá trình nỗ lực không ngừng nghỉ của từng cá nhân và cả tập thể Techcombank đã được đền đáp xứng đáng bằng hàng triệu nụ cười của khách hàng. Niềm vui thực sự của khách hàng chỉ bộc lộ khi ước mơ của họ được hiện thực hóa.

Ai đã đồng hành cùng khách hàng hiện thực hóa ước mơ nếu không phải CBNV Techcombank, những người luôn khắc ghi giá trị “Khách hàng là trọng tâm”. Bằng tình yêu, niềm tin

và sự tự hào với tổ chức, các Techcomers đã lan toả năng lượng tích cực tới khách hàng và luôn sát cánh bên họ, cùng họ vượt qua khó khăn trên con đường chinh phục mục tiêu.

Sẽ tốn quá nhiều giấy mực để có thể kể hết những câu chuyện thành công đến từ khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân của Techcombank. Khi đặt trọn niềm tin vào một tổ chức tài chính, khách hàng không chỉ sử dụng dịch

vụ thường xuyên mà còn sẵn sàng giới thiệu Techcombank tới những người bạn, người thân, đối tác của mình. Bằng chứng cho điều này có thể thấy rõ qua khảo sát NPS (Net Promoter Score) 2019 khi chỉ số hài lòng và sẵn sàng giới thiệu dịch vụ của phân khúc Affluent và Mass đã tăng mạnh so với năm 2017.

Techcombank cũng rất chủ động trong việc ghi nhận ý kiến của khách hàng để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn. Mặc dù nhận được gần 60.000 lời khen trên tổng số 70.000 khách hàng tham gia khảo sát (>80%) nhưng Techcombank chưa bao giờ “ngủ quên trên chiến thắng”. Ban Lãnh đạo và toàn thể CBNV luôn tìm cách cải tiến trong công việc để nâng cao sự hài lòng và niềm tin của khách hàng.

“Hành trình chuyển đổi và phát triển văn hóa của Techcombank vẫn đang từng bước gặt hái được những thành công. Với khát vọng “Trở thành Ngân hàng số 1”, tập thể Techcombank luôn hướng đến sự phát triển bền vững để trên con đường tới thành công của khách hàng luôn có hình ảnh của một tổ chức tài chính vượt trội - mang tên **TECHCOMBANK.**”

Sức mạnh của chiến lược số hóa
dần dần thay đổi bộ mặt
ngành ngân hàng tại Việt Nam.

Quá trình số hóa và tự động hóa

74 Đầu tư vào công nghệ

75 Ngân hàng số

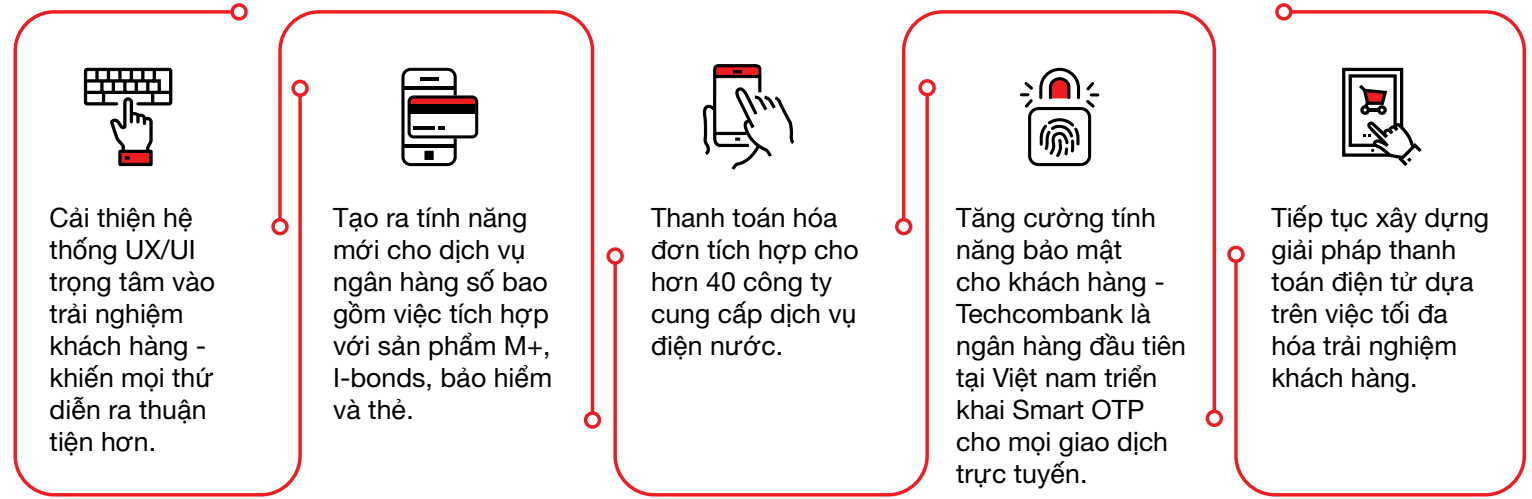


➤ Ngân hàng số

Ngân hàng số đang định hình nền kinh tế không tiền mặt tại Việt Nam. Sự đổi mới vượt trội về công nghệ cũng như sản phẩm đã giúp chúng tôi giữ vững vị trí tiên phong trong quá trình chuyển đổi số này. Chúng tôi tự hào là người dẫn đầu xu hướng ngân hàng số, với những công nghệ tiên tiến hàng đầu đã giúp tiết kiệm thời gian cho khách hàng đồng thời nâng cao tính năng bảo mật. Trong năm 2019, hàng triệu khách hàng của ngân hàng số đã tiếp tục được trải nghiệm những giải pháp ngân hàng trực tuyến tiện lợi của chúng tôi. Techcombank đã có thêm hơn 1 triệu khách hàng mới, với giá trị giao dịch trực tuyến tăng 191% so với năm 2018! Hiện nay, 85% hoạt động của khách hàng hoàn toàn là trên kênh ngân hàng số, và con số này sẽ còn tiếp tục tăng trong tương lai.

Trong quá trình phát triển ngân hàng số của năm 2019, chúng tôi đã thiết lập bộ sản phẩm ngân hàng số tích hợp với tài khoản ngân hàng, thanh toán và quản lý tài sản của mảng dịch vụ tài chính cá nhân (PFS).

Một số điểm nhấn của năm 2019 có thể kể đến như sau:



Những tính năng mới trong việc giao dịch, đầu tư và quản lý tài chính đã giúp cuộc sống của khách hàng thuận tiện hơn rất nhiều. Ví dụ như, ứng dụng ngân hàng trên điện thoại đã tích hợp với tính năng thanh toán hóa đơn điện nước, điều đó giúp việc thanh toán hóa đơn trở nên rất đơn giản. Chúng tôi đã đầu tư vào nhiều cơ sở hạ tầng để tiếp tục đưa đến những dịch vụ tốt nhất đáp ứng nhu cầu 24/7 của khách hàng. Techcomers cũng đã triển khai số hóa quá trình cho vay mua nhà với sản phẩm M+, giúp giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 2 ngày xuống gần một ngày.

Tương lai ngân hàng số tại Techcombank rất tươi sáng và tràn đầy triển vọng. Chúng tôi có kế hoạch triển khai rộng rãi nền tảng số và tiếp tục cải tiến sản phẩm, dịch vụ công nghệ để phục vụ nhiều sự kiện trọng đại như mua nhà, đầu tư, hay bảo hiểm. Chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư và phát triển công nghệ để hoàn thành vượt mức kì vọng của khách hàng. Tất nhiên, khi có càng nhiều khách hàng công nghệ số, chúng tôi càng tiết kiệm được nhiều chi phí và chúng tôi rất sẵn lòng tặng những khoản đó cho khách hàng. Điều này khiến Techcombank ngày càng được ưa chuộng hơn và đem đến niềm vui cho mọi khách hàng đã tin tưởng chúng tôi.

➤ Đầu tư công nghệ

Techcombank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sử dụng hệ thống ngân hàng lõi, cũng như là ngân hàng tiên phong trong dịch vụ ngân hàng trực tuyến và điện tử. Xuyên suốt hành trình 26 năm, chúng tôi luôn duy trì vị trí dẫn đầu về lĩnh vực số hóa trong các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam. Đặc biệt, 2019 là năm chúng tôi gặt hái được rất nhiều thành quả. Quá trình chuyển đổi không ngừng nghỉ của Techcombank dựa trên đóng góp không nhỏ của việc đầu tư liên tục và ổn định vào công nghệ, để cải thiện hoạt động và dịch vụ. Trong năm 2019, nhu cầu của khách hàng vẫn là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Techcombank triển khai số hóa dịch vụ thẻ và hiện đại hóa quy trình làm việc để thuận tiện hơn cho khách hàng.

Với nền tảng số hóa dẫn đầu thị trường, chúng tôi giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch 24/7 từ bất cứ nơi đâu. Tính ổn định của nền tảng số hóa được đảm bảo bằng việc đầu tư rất nhiều vào cấu trúc hệ thống linh hoạt, dễ dàng sử dụng. Chúng tôi đã tạo ra thêm nhiều tính năng, chức năng thú vị để phục vụ cho mọi đối tượng khách hàng, bởi vậy khách hàng vừa có thể giao dịch, đầu tư cũng như quản lý tài chính hiệu quả hơn thông qua ứng dụng của chúng tôi.

Quan trọng hơn, năm 2019 là năm chúng tôi tiếp tục nâng cao hạ tầng an ninh mạng. Trong một thế giới đầy những mối đe dọa về an ninh mạng, khách hàng có thể hoàn toàn tin tưởng ở Techcombank bởi chúng tôi luôn tôn trọng và bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng. Chúng tôi liên tục tuyển dụng nhân tài, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ an ninh mạng và tiến hành các khóa đào tạo, để đảm bảo rằng mọi thông tin và giao dịch của khách hàng đều được bảo vệ với phương pháp và công cụ an ninh mạng chuẩn quốc tế.

Bằng việc đặt nhu cầu của khách hàng làm trọng tâm, Techcombank đã có thêm hơn 1 triệu khách hàng mới. Trong 2019, chúng tôi ghi nhận tăng trưởng 151% số lượng giao dịch thông qua nền tảng số tiện ích (gồm: ATM, Mobile banking, Internet banking) của Techcombank, và giá trị giao dịch tăng 143% so với 2018. Với xu hướng sử dụng ngân hàng điện tử, khối lượng giao dịch qua dịch vụ ngân hàng trực tuyến đang cao gấp mười lần so với dịch vụ truyền thống tại chi nhánh. Xu hướng này giúp chúng tôi đạt hiệu quả cao và chi phí thấp.

Chúng tôi đồng hành cùng người Việt Nam
hiện thực hóa ước mơ, để cùng
vượt trội hơn mỗi ngày.



Trách nhiệm với cộng đồng

101 Trách nhiệm với cộng đồng



➤ Trách nhiệm với cộng đồng

Dẫn dắt xu hướng sống “Vượt trội hơn mỗi ngày”

“Người Việt Nam vốn có tinh thần lạc quan và tự lập, không ngừng vươn lên để đạt đến những khát vọng to lớn. Xuất phát từ tinh thần đó, cộng với mong muốn được đóng góp cho một xã hội tốt đẹp hơn, từ cuối năm 2016, Techcombank đã chọn cho mình một chiến lược dài hạn trong các hoạt động vì cộng đồng: Đồng hành để người Việt Nam hiện thực hóa ước mơ theo cách riêng của mình, để cùng nhau vượt trội hơn mỗi ngày.”



Hướng tới những giá trị bền vững

“Mọi người đã biết đến Techcombank là một thương hiệu ngân hàng. Nhưng chúng tôi muốn Techcombank không chỉ là ngân hàng dẫn đầu, mà còn có nhiều giá trị bền vững hơn, đại diện cho một ý chí, khát vọng, tinh thần lạc quan và tự lập của người Việt Nam” - Tổng Giám đốc Techcombank đã khẳng định khi Techcombank công bố định vị thương hiệu mới “Vượt trội hơn mỗi ngày”. Khẳng định này cũng cho thấy rõ nét chiến lược dài hạn về trách nhiệm xã hội mà Techcombank lựa chọn.

Đa số người dân của Việt Nam còn rất trẻ, luôn lạc quan, tin tưởng vào tương lai và có tinh thần tự lập cao. Tuy nhiên, để có thể thành công, đi xa hơn, đi nhanh hơn, vẫn cần có người hỗ trợ và Techcombank đã quyết định thực hiện sứ mệnh đó - sứ mệnh của một tổ chức có khả năng giúp đỡ và tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp lớn đạt được những mục tiêu cao, vượt trội hơn.

Trong chiến lược của mình, Techcombank quyết định trở thành đơn vị dẫn dắt và truyền cảm hứng để lan tỏa xu hướng sống vượt trội hơn mỗi ngày. Điều này sẽ được thể hiện ở các lĩnh vực: Sức khỏe - môi sinh; giáo dục và hướng nghiệp - khởi nghiệp. Trong kế hoạch hành động của mình, Techcombank sẽ tài trợ cho các giải chạy để nhắc nhở về việc rèn luyện sức khỏe; tài trợ cho những chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về môi sinh và sống xanh đồng thời sẽ tạo điều kiện cho những người Việt Nam có ước mơ, hoài bão hiện thực hóa chúng theo cách riêng của mình.

Khi mỗi người, mỗi nhóm nhỏ, mỗi doanh nghiệp cùng vượt trội thì đất nước sẽ vượt trội. Đó chính là ý nghĩa mà Techcombank muốn mang lại thông qua thông điệp “Cùng nhau vượt trội hơn mỗi ngày”.



➤ Trách nhiệm với cộng đồng (tiếp theo)

Đồng hành để vượt trội về sức khỏe

Một trong những hoạt động nổi bật thể hiện chiến lược CSR dài hạn của Techcombank trong những năm qua, và đặc biệt là năm 2019 là tham gia tài trợ, tổ chức các giải thể thao sức bền như Marathon HCM Techcombank hay Iron-man nhằm tạo nên một phong trào - cùng nhau luyện tập, xây dựng nền tảng sức khỏe khỏe mạnh đồng thời gửi đi một thông điệp mạnh mẽ về tinh thần bền bỉ, luyện tập mỗi ngày để theo đuổi và chinh phục ước mơ cho mỗi người dân Việt Nam.

Năm 2017, lần đầu tiên Techcombank bắt đầu tài trợ cho giải chạy Marathon Techcombank TP.HCM, số lượng của người tham dự của giải chỉ là 5.000 người. Sau 3 năm, con số đã tăng lên gần 13.000 người, đồng thời ghi danh mình ở danh sách giải chạy quy mô lớn nhất từng tổ chức tại Việt Nam cùng với nhiều danh hiệu “đầu đầu”: Giải có số lượng vận động viên (VĐV) chạy 42km nhiều nhất 1.695 VĐV, tỷ lệ người chạy 5km chiếm thấp nhất với 8% và thu hút các VĐV đến từ 66 quốc gia khác nhau. Đó là một con số kỷ lục đối với bất kỳ giải marathon nào tại Việt Nam và chứng tỏ phong trào marathon và tinh thần vượt trội ở Việt Nam đã phát triển vô cùng mạnh mẽ.

Với người Techcombank, con số người tham gia chạy trong giải cũng tăng thêm qua từng năm: Năm 2018 là 700 người thì đến Marathon TP.HCM đã là trên 2.000 người. Nhiều người trong số đó đã chạy mỗi ngày để nâng cao thể lực cho bản thân, từ đó có một tinh thần khỏe mạnh hơn, suy nghĩ tích cực hơn. Hơn cả việc tài trợ cho giải, Techcombank mong muốn mỗi Techcomer là một nhân tố vượt trội để lan tỏa và dẫn dắt cộng đồng.

Số lượng người tham dự giải chạy Marathon Techcombank 2019

 **13.000** người

Song song với Marathon TP.HCM, Techcombank tài trợ, mang Ironman - môn thể thao sức bền 3 môn phối hợp đến Việt Nam và 2 lần tổ chức Uprace với mục tiêu lan tỏa và đồng hành cùng ước mơ sức khỏe cho người Việt.

Năm 2019, Techcombank Ironman 70.3 Việt Nam đã đánh dấu bước trưởng thành của giải đấu tại dải đất hình chữ S. Từ việc chỉ có hơn 50 vận động viên Việt Nam tham gia lần đầu tổ chức giải, Iron Man 2019 đã chào đón con số kỷ lục với hơn 1.000 vận động viên nước chủ nhà đăng ký bên cạnh việc nâng cấp về nội dung và khu vực tổ chức khi chọn Đà Nẵng làm nơi đăng cai. Đây đồng thời là lần đầu tiên Việt Nam được chọn đăng cai tổ chức giải Iron Man 70.3 vô địch châu Á - Thái Bình Dương - một giải đấu 3 môn phối hợp quốc tế lớn trong khu vực và trên thế giới.

Trong những hoạt động bền bỉ đó, Techcombank đã truyền cảm hứng cho phong trào thể thao nói chung và chạy bộ nói riêng phát triển ngày một rộng rãi hơn trên khắp Việt Nam. Không phải ai cũng có đủ tố chất để trở thành một vận động viên marathon, nhưng họ hoàn toàn có thể chạy để chiến thắng chính bản thân mình - đó là thông điệp mà Techcombank muốn tặng cho cộng đồng.



“ Không phải ai cũng có đủ tố chất để trở thành một vận động viên marathon, nhưng họ hoàn toàn có thể chạy để chiến thắng chính bản thân mình - đó là thông điệp mà Techcombank muốn tặng cho cộng đồng.”



 **2**
Ironman

 **3**
Marathon

 **2**
Uprace



➤ Trách nhiệm với cộng đồng (tiếp theo)

Đồng hành cùng những hoàn cảnh khó khăn

Không chỉ tổ chức các giải thể thao sức bền với những thông điệp cổ vũ mỗi người bền bỉ theo đuổi ước mơ, chính trong những hoạt động đó, Techcombank đã có những đóng góp thiết thực về tài chính cho những hoàn cảnh khó khăn, những tổ chức xã hội, từ thiện và cả những bạn trẻ đang nỗ lực khởi nghiệp. Nếu như năm 2018, Techcombank đóng góp 1,2 tỷ đồng - tương đương với số km chạy hoàn thành của các VĐV tại giải Marathon TP.HCM Techcombank 2018 thì năm 2019, khi Techcombank Marathon 2019 thành công vượt trội về số người tham dự và số km hoàn thành thì 2 tỷ

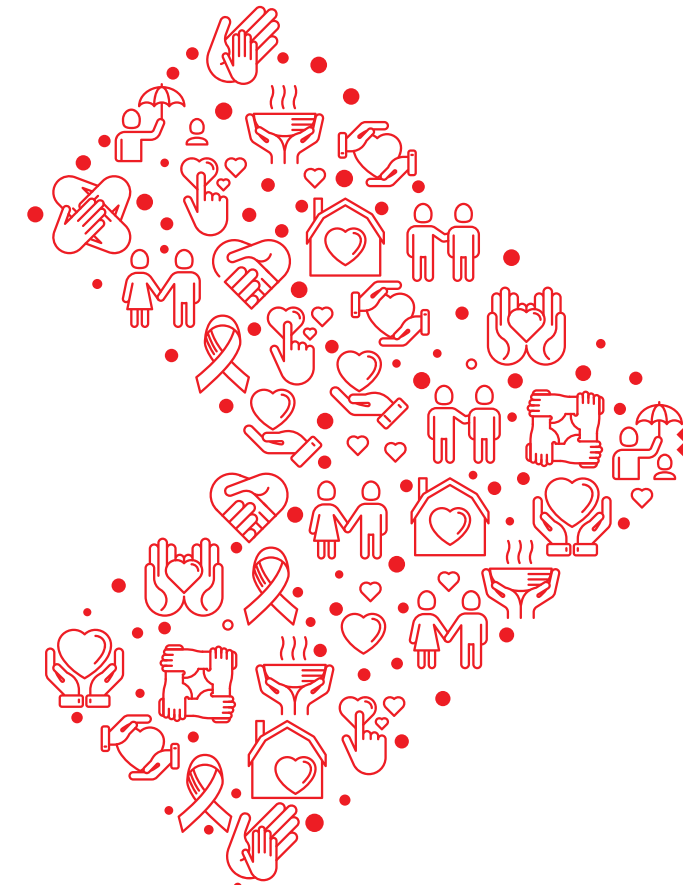
đồng cũng đã được tặng vào các quỹ từ thiện, nâng tổng ngân sách dành cho cộng đồng của ngân hàng năm 2019 lên 65 tỷ đồng (tăng 30% so với 2018).

Với tổng số 65 tỷ đồng này, 5 trường học mới đã được tặng cho các em học sinh ở vùng dân cư khó khăn, 151 nhà tình thương kang trang đã trở thành mái ấm mới của nhiều hộ nghèo góp phần giúp Techcombank tiếp tục làm tròn sứ mệnh đem lại sự tốt đẹp hơn cho xã hội bên cạnh việc trở thành một trong những ngân hàng dẫn đầu tại Việt Nam.

Trải qua 3 năm triển khai, xuất phát từ mong muốn trở thành “người truyền cảm hứng” tới người dân Việt Nam trong hành trình hiện thực hóa ước mơ theo cách riêng của mình; chiến lược CSR bền vững với kim chỉ nam “cùng nhau vượt trội hơn mỗi ngày” đã mang lại những lợi ích tốt đẹp cho xã hội, và là lời hiệu triệu tinh thần tiến lên phía trước mạnh mẽ trong chính tập thể Techcombank. Dù tác động đến mỗi thành viên bằng những cách khác nhau, song điểm chung cho sức mạnh tinh thần mà thông điệp ấy truyền tải lại đơn giản, không nằm ngoài sự đồng cảm cho nguyện

vọng và ước mơ của nhiều thành viên thuộc đại gia đình Techcombank: Khát vọng hoàn thiện mình và nỗ lực không ngừng.

Trên nền tảng những thành tựu đã đạt được trong năm 2019, năm 2020 Techcombank sẽ tiếp tục triển khai xu hướng sống Vượt trội hơn mỗi ngày thông qua các nhóm chủ đề: Sức khỏe - Môi sinh; Giáo dục; Khởi nghiệp - Hướng nghiệp, để từ đó lan tỏa và truyền cảm hứng ra cộng đồng.



Quản trị ngân hàng tốt
giúp Techcombank
“Vượt trội hơn mỗi ngày”



Quản trị ngân hàng

- 86 Thông điệp về Quản trị công ty
- 90 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 101 Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT
- 105 Giới thiệu về Ban Kiểm soát
- 108 Giới thiệu Ban Điều hành
- 116 Mô hình Quản trị Điều hành
- 118 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

➤ Thông điệp về Quản trị công ty

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT về Quản trị công ty



Ông Hồ Hùng Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

“Đối với cấp Quản trị, chúng tôi cam kết xây dựng và phát triển một cơ cấu Quản trị - Điều hành minh bạch và hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cán bộ nhân viên và cổ đông, từ đó đảm bảo sự tồn tại và giá trị bền vững của tổ chức.”

Cơ cấu Quản trị - Điều hành mục tiêu của Techcombank được thiết kế trên nguyên tắc minh bạch và hiệu quả, trong đó tách bạch rõ giữa cấp Quản trị và cấp Điều hành nhằm phát huy tối đa vai trò và trách nhiệm của từng cấp, đặc biệt là trách nhiệm của cấp Quản trị trong việc định hướng chiến lược, giám sát và quản trị Ngân hàng. Cùng với đó, cơ chế quản trị đối với tất cả các lĩnh vực trọng yếu của ngân hàng cũng được chú trọng tăng cường để phù hợp hơn với vị thế phát triển của tổ chức, từ đó cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan có thể an tâm đầu tư và đánh giá cao tổ chức.

Trong năm 2019, việc cập nhật Cơ cấu Quản trị - Điều hành đã từng bước được triển khai theo đúng lộ trình do HĐQT thông qua, làm nền tảng cho quá trình chuyển đổi mô hình kinh doanh và hoạt động vận hành hàng ngày, tiến tới đáp ứng được các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế như các hướng dẫn của OECD, IFC và COSO. Ngân hàng đã chủ động nghiên cứu và áp dụng theo Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với IFC ban hành trong năm vừa qua. Để đáp ứng tốt hơn quy định đối với công ty đại chúng niêm yết và theo thông lệ về quản trị, Ngân hàng đã thực hiện bổ nhiệm vị trí Người phụ trách quản trị công ty, qua đó sẽ hỗ trợ HĐQT trong cơ chế vận hành, ra quyết định, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời, Người phụ trách quản trị công ty sẽ thực hiện việc tham mưu, tư vấn cho HĐQT về các vấn đề pháp lý, rủi ro trong hoạt động vận hành và kinh doanh.

Techcombank cam kết việc xây dựng và vận hành cơ cấu Quản trị - Điều hành nhằm đáp ứng các yêu cầu chính đáng của các bên liên quan. Đối với cổ đông và nhà đầu tư, chúng

tôi duy trì một cơ cấu linh hoạt có hiệu quả để giúp doanh nghiệp đạt lợi nhuận hấp dẫn trong phạm vi rủi ro được quản lý, với đội ngũ Quản trị & Điều hành phù hợp và cơ chế minh bạch thông tin. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước, chúng tôi đảm bảo cơ cấu quản trị ngân hàng tuân thủ tốt các quy định pháp luật, có sự phân định rõ trách nhiệm giữa các cấp để nâng cao việc kiểm soát hệ thống tài chính - ngân hàng. Đối với khách hàng, chúng tôi chủ động thiết lập các cấp để giám sát, định hướng các hoạt động trọng yếu của ngân hàng làm sao để phục vụ tốt nhất nhu cầu tài chính của khách hàng và bảo đảm các quyền lợi cho khách hàng khi sử dụng các sản phẩm của Techcombank.

Để tăng cường hiệu quả quản trị và công tác định hướng của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông đã lựa chọn và bầu ra các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 là các thành viên có đầy đủ kinh nghiệm quốc tế, đa dạng về chuyên môn, kiến thức, năng lực để giám sát tốt nhất các mảng trọng yếu của Ngân hàng, dẫn dắt Ngân hàng vượt qua những biến động thị trường, tiếp tục củng cố vị trí ngân hàng dẫn đầu tại Việt Nam và hướng tới việc cạnh tranh tại các thị trường trong khu vực.

Bước sang năm 2020, Techcombank sẽ tiếp tục hành trình chuyển đổi với mục tiêu trở thành ngân hàng số trong tương lai. Để phát triển bền vững trong quá trình chuyển đổi, việc cập nhật cơ cấu Quản trị Điều hành sẽ là một trong những ưu tiên hàng đầu nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định hiệu quả và nhanh chóng, gia tăng hiệu quả quản trị, từ đó kịp thời đáp ứng các nhu cầu của khách hàng, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

➤ Thông điệp về Quản trị công ty (tiếp theo)

Thông điệp của Tổng Giám đốc về Quản trị công ty



Ông Nguyễn Lê Quốc Anh
Tổng Giám đốc

“ Đối với cấp Điều hành, chúng tôi cam kết đảm bảo sự phát triển bền vững của tổ chức bằng việc gia tăng hiệu quả hoạt động điều hành trên mọi lĩnh vực trọng yếu của Ngân hàng và cơ chế thông tin minh bạch, công khai nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất của tổ chức và nâng cao uy tín của Ngân hàng.”

Năm 2019 đánh dấu 3 năm liên tiếp Techcombank giữ vững vị trí đứng đầu về chỉ số hiệu quả hoạt động toàn ngành ngân hàng Việt Nam và tiếp tục đạt kỷ lục về thu nhập hoạt động cũng như lợi nhuận trước thuế. Kết quả này khẳng định chiến lược chuyển đổi mô hình kinh doanh của Ngân hàng là đúng đắn, không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng mà còn đủ tiềm lực trở thành Ngân hàng tiên phong dẫn dắt đời sống tài chính của người dân Việt Nam.

Trong bối cảnh môi trường pháp lý Việt Nam tiếp tục chuyển biến theo hướng áp dụng các nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ thế giới, Techcombank đã chủ động cập nhật mô hình Quản trị - Điều hành, đảm bảo tuân thủ tuyệt đối quy định của pháp luật Việt Nam và đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao của quốc tế. Từ các nguyên tắc thiết kế cơ cấu Quản trị Điều hành của Ngân hàng do HĐQT thông qua, cấp Điều hành cam kết xây dựng và điều hành tổ chức dựa trên các nguyên tắc Quản trị - Điều hành minh bạch, phân định rõ ràng thẩm quyền, trách nhiệm và đảm bảo tính độc lập của các cấp. Các hội đồng ở cấp Điều hành được xây dựng và đi vào hoạt động theo các chức năng được quy định rõ ràng, có sự phân định cụ thể về trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cấp và đảm bảo phù hợp với các hướng dẫn, quy định của pháp luật. Ngoài các hội đồng được thiết lập nhằm tăng cường chất lượng điều hành các vấn đề như quản trị rủi ro, quản lý vốn và thanh khoản, Ban Điều hành còn chủ động đề xuất xây dựng các hội đồng trong cơ cấu Quản trị - Điều hành nhằm giám sát, trao đổi và điều hành tốt hơn các vấn đề mà Ngân hàng chú trọng, đem lại giá trị vượt trội cho khách hàng và xây dựng sự vững chắc cho cơ cấu Quản trị trong giai đoạn phát triển lớn mạnh của tổ chức.



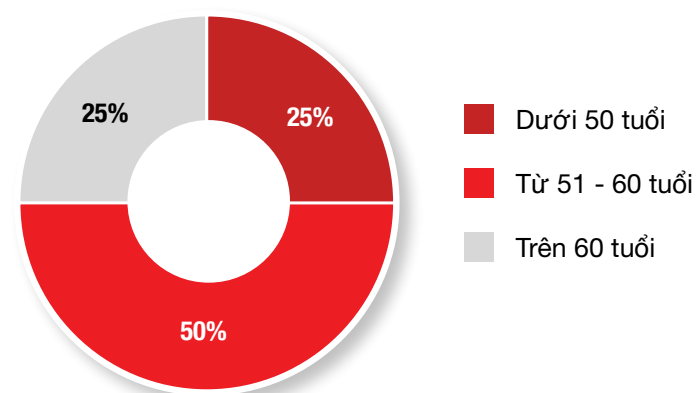
Bước vào giai đoạn hai của hành trình chuyển đổi, Techcombank đang nỗ lực số hóa toàn bộ dịch vụ trong và ngoài ngân hàng. Trong năm 2020, chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì việc thực thi theo các nguyên tắc Quản trị Điều hành tiên tiến và chú trọng thực hiện việc xây dựng cơ cấu Quản trị - Điều hành mục tiêu của tổ chức theo lộ trình triển khai tới năm 2023. Trong đó, cấp Điều hành bao gồm Ban Điều hành và các Hội đồng trực thuộc sẽ gia tăng hiệu quả điều hành trên các lĩnh vực trọng yếu của Ngân hàng, tối ưu hóa các nguồn lực của tổ chức để mang đến những dịch vụ toàn diện và đáng tin cậy nhất cho khách hàng.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị

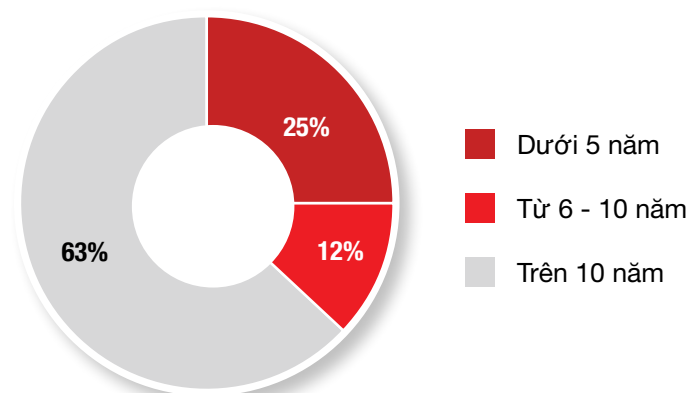
Nhiệm kỳ 2019 - 2024

- 1 Thành viên HĐQT độc lập
- 6 Thành viên HĐQT không điều hành
- 1 Thành viên HĐQT điều hành

Độ tuổi



Thâm niên tại Techcombank



Giàu kinh nghiệm, chuyên môn về tài chính - ngân hàng

Gần hai phần ba số thành viên HĐQT có kinh nghiệm dày dặn trong Quản trị ngành Tài chính - Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP tư nhân có LNTT lớn nhất năm 2019

Techcombank tiếp tục giữ vững vị trí ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có lợi nhuận trước thuế lớn nhất năm thứ 2 liên tiếp.

Top 3 doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất

Techcombank là đại diện duy nhất của ngành ngân hàng trong top 3 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất theo danh sách Profit500 năm 2019 của Vietnam Report (VnReport).



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch HĐQT

Tuổi: 50
Tham gia HĐQT Techcombank từ: 03/2004

Ông Hồ Hùng Anh là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Techcombank từ tháng 05/2008 đến nay. Ông bắt đầu tham gia quản trị Ngân hàng từ năm 2004 và trước đó đã có kinh nghiệm quản trị nhiều năm tại các tổ chức lớn, trong đó có Tập đoàn Masan.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Điện kỹ thuật tại trường Đại học Bách khoa Kiev, Ukraina và Thạc sỹ Quản trị nguồn nhân lực của Đại học Giao thông Đường bộ Moskva (MADI), Liên bang Nga.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Nhiệm kỳ 2019 - 2024



Ông Nguyễn Đăng Quang

Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT

Tuổi: 57
Tham gia HĐQT Techcombank từ: 01/2000

Ông Nguyễn Đăng Quang là Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 04/2016 đến nay. Trước đó, ông đóng vai trò thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 05/2014 đến tháng 03/2016 và Phó Chủ tịch thứ nhất từ tháng 05/2008 đến tháng 04/2014. Trước khi tham gia HĐQT, ông Nguyễn Đăng Quang đã có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành và quản trị ở nhiều vị trí quản lý khác nhau tại Techcombank từ năm 1995, cũng như với tư cách thành viên HĐQT tại Tập đoàn Masan.

Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học Công nghệ tại Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.



Ông Nguyễn Thiều Quang

Phó Chủ tịch HĐQT

Tuổi: 61
Tham gia HĐQT Techcombank từ: 06/2000

Ông Nguyễn Thiều Quang tham gia HĐQT từ năm 1999, ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 tới nay. Ông có nhiều năm kinh nghiệm điều hành và từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức lớn như Tập đoàn Masan, Tổng Công ty Vinaconex và Senco.

Ông tốt nghiệp Kiến trúc sư - Kỹ sư mỏ tại trường Đại học Bách khoa Donetsk, Ucraina (nay là Đại học Kỹ thuật Quốc gia Donetsk).



Ông Nguyễn Cảnh Sơn

Phó Chủ tịch HĐQT

Tuổi: 53
Tham gia HĐQT Techcombank từ: 05/2008

Ông Nguyễn Cảnh Sơn tham gia HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 04/2009 tới nay. Ông Nguyễn Cảnh Sơn có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các vị trí thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT tại các tổ chức lớn như Công ty Cổ phần Eurowindow Holding và Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Xây dựng tại trường Đại học Kỹ sư Xây dựng Thành phố Mátxcơva (nay là Đại học Tổng hợp Xây dựng Quốc gia - Liên bang Nga).



Ông Đỗ Tuấn Anh

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Tuổi: 47
Tham gia HĐQT Techcombank từ: 12/2012

Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12/2012 và là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 06/2015. Ông Đỗ Tuấn Anh từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Techcombank như: Phó Trưởng phòng Vụ Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước, Trợ lý cao cấp cho HĐQT và Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng Techcombank.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Nhiệm kỳ 2019 - 2024



Ông Lee Boon Huat

Thành viên HĐQT

Tuổi: 63
Tham gia HĐQT Techcombank từ: 12/2012

Ông Lee Boon Huat là thành viên độc lập của HĐQT Techcombank tháng 12/2012 đến tháng 04/2014 và là Thành viên HĐQT từ tháng 05/2014 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn: Ủy ban tiền tệ Singapore, Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia Canada, Ngân hàng Hóa học và Ngân hàng Standard Chartered.

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin).



Ông Saurabh Narayan Agarwal

Thành viên HĐQT

Tuổi: 39
Tham gia HĐQT Techcombank từ: 04/2019

Ông Saurabh Narayan Agarwal là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 04/2019 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn như: Chuyên gia phân tích cao cấp, Giám đốc Công ty McKinsey, New Delhi, Ấn Độ và New Jersey, Hoa Kỳ và Giám đốc Warburg Pincus New York, Hoa Kỳ và Singapore.

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Công nghệ, Kỹ thuật Điện và Thạc sĩ ngành Công nghệ, Vi điện tử Học viện Công nghệ Ấn Độ Bombay, Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh (MBA) trường Quản trị Kinh doanh Harvard.



Ông Nguyễn Nhân Nghĩa

Thành viên HĐQT độc lập

Tuổi: 51
Tham gia HĐQT Techcombank từ: 04/2019

Ông Nghĩa là thành viên HĐQT độc lập Techcombank từ tháng 04/2019 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính và ngân hàng như: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Dự án Tài chính Nông thôn thuộc Ban Quản lý Dự án Tín dụng Quốc tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phó Giám đốc - Sở giao dịch 3, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV (Vietnam Partners).

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Thiết kế công trình trên sông trường Đại học Thủy Lợi và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Kinh tế trường Đại học Tổng hợp London, Vương Quốc Anh; có chứng chỉ CFA, chương trình phân tích Tài chính chuyên nghiệp quốc tế.



Ông Nguyễn Tuấn Minh

**Chánh Văn phòng HĐQT
Người phụ trách Quản trị Ngân hàng**

Ông Nguyễn Tuấn Minh gia nhập Techcombank từ tháng 5/2013 và có hơn 6 năm làm việc tại Techcombank với nhiều vị trí khác nhau như: Giám đốc Pháp chế, Giám đốc Khối Tuân thủ, Kiểm soát Rủi ro Hoạt động và Pháp chế, Giám đốc Cố vấn Pháp lý thuộc Khối Quản trị Ngân hàng. Trước đó, ông đã có hơn 20 năm làm chuyên gia tư vấn luật, luật sư hành nghề, luật sư nội bộ và làm quản lý cấp cao tại các công ty tư vấn của Việt Nam, các chi nhánh hãng luật quốc tế ở Việt Nam, ngân hàng thương mại và công ty chứng khoán ở Việt Nam. Ông Nguyễn Tuấn Minh được bổ nhiệm và đảm nhận vị trí người Phụ trách Quản trị Ngân hàng từ ngày 04/11/2019.

Ông có bằng Cử nhân Quan hệ quốc tế - Học viện Ngoại giao và Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội; Luật sư, Thành viên Đoàn Luật sư Hà Nội.

➤ Giới thiệu Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, các chứng khoán khác của Techcombank và chức danh tại các công ty khác của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024

STT	Họ & Tên	Chức danh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	39.309.579	1,1230%	• Không có
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	9.403.176	0,2686%	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan. • Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan. • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM. • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce. • Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan.
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	30.256.431	0,8644%	<ul style="list-style-type: none"> • Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan. • Chủ tịch HĐQT Công ty Công nghệ Môi trường và Xây dựng Sài Gòn. • Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Hoa Sen Vàng Kim Huỳnh.
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	17.954.979	0,5129%	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Eurowindow Holding. • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư tổ hợp thương mại Melinh Plaza Thanh Hóa. • Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch T&M Vân Phong. • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư trung tâm thương mại Hà Nội - Mátxcova (Incentra). • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Eurowindow.

STT	Họ & Tên	Chức danh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	1.087.542	0,0310%	<ul style="list-style-type: none"> • Thành viên HĐTV Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư INB. • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Hùng Tinh. • Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	0	0,0000%	<ul style="list-style-type: none"> • Thành viên HĐQT độc lập - Alliance Bank Bhd. • Thành viên của Hội đồng - Credit Counselling Singapore. • Thành viên HĐQT độc lập - British Malayan Holdings Limited.
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	0	0,0000%	<ul style="list-style-type: none"> • Giám đốc điều hành - Clean Max Enviro Energy Solutions Private Limited. • Thành viên điều hành - Nanhe Kadam - non-profit Society. • Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Dịch vụ Di Động Trực tuyến.
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	259.963	0,0074%	• Không có

Ghi chú: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên được cập nhật tại ngày 31/12/2019

➤ Giới thiệu Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Hoạt động của HĐQT

HĐQT giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành thông qua quy định phân cấp và các quy định nội bộ của Techcombank do HĐQT ban hành. Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền xem xét và quyết định của ĐHCĐ và HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo và trình HĐQT xem xét. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ đưa ra các quyết định kịp thời cho Tổng Giám đốc/Ban Điều hành triển khai thực hiện.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2019

Trong năm 2019, HĐQT của Techcombank tổ chức 05 buổi họp, trong đó HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019 đã tổ chức 01 buổi họp toàn thể trong Quý 1/2019. Từ ngày 13/04/2019, HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 đã tổ chức 04 buổi họp toàn thể đến hết ngày 31/12/2019.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	05/05	100%	
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	13/04/2019	05/05	100%	
3	Ông Nguyễn Thiều Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	05/05	100%	
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	05/05	100%	
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	05/05	100%	
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	13/04/2019	05/05	100%	
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	13/04/2019	04/04	100%	Bổ nhiệm vào ngày 13/04/2019
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	13/04/2019	04/04	100%	Bổ nhiệm vào ngày 13/04/2019
9	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	19/04/2014 - 13/04/2019	01/01	100%	Miễn nhiệm vào ngày 13/04/2019

Các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2019

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	Số 0309/2019/ Nghị quyết-HĐQT	22/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 03/2019. Xem xét thông qua báo cáo khuyến nghị của Ban Kiểm soát đến tháng 03/2019. Xem xét công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019. Xem xét thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty con. Xem xét và phê duyệt phương pháp tính mới và hạn mức tỷ lệ LDR.
2	Số 0419 và số 0420/2019/ Nghị quyết-HĐQT	13/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> Bầu chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024. Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024.
3	Số 0910/2019/ Nghị quyết-HĐQT	30/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019. Thông qua báo cáo cập nhật chiến lược năm 2016-2020 và tiếp tục chuyển đổi giai đoạn 2. Xem xét thông qua báo cáo, khuyến nghị của Ban Kiểm soát đến hết Quý 2/2019. Phê duyệt điều chỉnh Thu nhập cơ bản năm 2019 cho CNNV là Giám đốc chi nhánh. Phê duyệt điều chỉnh giá bán khởi điểm thanh lý xe ô tô chờ tiền của TCB.
4	Số 1215/2019/ Nghị quyết-HĐQT	22/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019. Xem xét và phê duyệt chương trình chuyển đổi giai đoạn 2. Xem xét thông qua báo cáo khuyến nghị của Ban Kiểm soát đến hết Quý 3/2019. Xem xét và phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng một phần Công trình Dự án số 6 phố Quang Trung (số 44 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội) cho Công ty CP TCO Việt Nam.
5	Số 1412/2019/ Nghị quyết-HĐQT	18/12/2019	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019. Xem xét thông qua báo cáo khuyến nghị của Ban Kiểm soát đến hết Quý 4/2019. Thông qua chủ trương Kế hoạch kinh doanh năm 2020. Thông qua nguyên tắc về Chương trình thưởng dài hạn cho Cán bộ nhân viên (LTIP). Thông qua nguyên tắc về mô hình mục tiêu của cơ cấu Quản trị - Điều hành Techcombank và lộ trình triển khai từ tháng 12/2019-2023. Thông qua việc tách Hội đồng Xử lý nợ và rủi ro tín dụng thành 02 Hội đồng Xử lý Rủi ro và Hội đồng Xử lý Nợ.

➤ Giới thiệu Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Theo quy định tại Điều lệ của Techcombank đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 13/04/2019, thành viên HĐQT độc lập ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực hành vi dân sự, đạo đức nghề nghiệp, trình độ và kinh nghiệm chuyên môn theo quy định của pháp luật hiện hành, cần phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:

- Không phải là người đang làm việc cho Techcombank hoặc Công ty con của Techcombank hoặc đã làm việc cho Techcombank hoặc Công ty con của Techcombank trong ba (03) năm liền kề trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương và thù lao, phụ cấp khác của Techcombank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Techcombank, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank hoặc Công ty con của Techcombank;
- Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank;
- Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank tại bất kỳ thời điểm nào trong năm (05) năm liền kề trước đó.

Thành viên HĐQT độc lập của Techcombank tham gia làm thành viên của Ủy ban phụ trách về vấn đề Quản lý rủi ro và vấn đề Kiểm toán theo phân công nhiệm vụ của HĐQT. Trong năm vừa qua, thành viên độc lập không điều hành tham dự đầy đủ và tích cực các phiên họp của HĐQT và các Ủy ban có liên quan.

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ về Quản trị công ty

Các thành viên Hội đồng Quản trị đều đã tham gia các chương trình đào tạo về Quản trị Công ty.

➤ Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Tóm tắt hoạt động (Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019)				
	ĐHĐCĐ	HĐQT	ARCO ¹	NORCO ²
Số buổi họp	01 buổi họp	05 buổi họp	04 buổi họp	05 buổi họp
Các vấn đề trọng yếu	<ul style="list-style-type: none"> • Kết quả và kế hoạch hoạt động kinh doanh • Bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019-2024 • Định hướng hoạt động của HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024 • Sửa đổi bổ sung văn bản, quy chế Quản trị Điều hành thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ • Phương án tăng vốn điều lệ năm 2019 	<ul style="list-style-type: none"> • Cập nhật chiến lược và chương trình chuyển đổi • Các vấn đề về Quản trị - Điều hành • Kết quả tài chính • Kế hoạch hoạt động và kinh doanh • Các chương trình trọng điểm cho cán bộ nhân viên (theo tham mưu từ NORCO) 	<p>Về Quản trị rủi ro</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chiến lược Quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro và các chỉ số quản trị • Khung và chính sách Quản trị rủi ro • Văn hóa Quản trị rủi ro <p>Về Kiểm toán</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các vấn đề từ kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập • Hệ thống kiểm soát nội bộ 	<p>Về Nhân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kế hoạch đội ngũ kế cận cấp cao • Quy định về tuyển dụng, đào tạo và giữ chân nhân tài <p>Về Lương thưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khung chính sách lương thưởng, phúc lợi đãi ngộ. • Các chương trình trọng điểm về phúc lợi và giá trị của cán bộ nhân viên

¹ ARCO: Ủy Ban Kiểm toán và Rủi ro

² NORCO: Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng

➤ Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (“ARCO”)

Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro đã tổ chức 04 phiên họp toàn thể trong năm với chương trình nghị sự riêng biệt trong lĩnh vực quản trị rủi ro và kiểm toán của Ngân hàng để thực thi nhiệm vụ tham mưu, đề xuất cho HĐQT trong công tác kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động ngân hàng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và rủi ro.

Thành phần	
Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro
Ông Nguyễn Đăng Quang - Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	
Ông Nguyễn Thiệu Quang - Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Cảnh Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro
Ông Đỗ Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Lee Boon Huat - Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa - Thành viên HĐQT độc lập	



Về lĩnh vực Quản lý rủi ro

Ủy ban ARCO thực hiện xem xét, tham mưu HĐQT trong việc ban hành khẩu vị rủi ro năm 2019 và 2020, trong đó gồm có tuyên bố khẩu vị rủi ro, các chỉ số định hướng khẩu vị rủi ro.

Ủy ban ARCO thực hiện tích cực việc giám sát công tác quản trị rủi ro toàn hàng trên cơ sở giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, NHNN, giám sát việc thực thi chính sách quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro:

- Đối với rủi ro tín dụng và rủi ro tập trung tín dụng: (i) ARCO chỉ đạo, giám sát các đơn vị triển khai việc xây dựng các mô hình đo lường rủi ro tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân (ii) chỉ đạo việc phân loại,

nhóm các ngành/ lĩnh vực/ phân khúc/ tiểu phân khúc trọng tâm theo các lĩnh vực kinh tế trọng tâm đảm bảo phản ánh đúng bản chất, đặc biệt của từng ngành/ lĩnh vực/ phân khúc/ tiểu phân khúc đó; từ đó, định hướng triển khai việc phân bổ, hoạch định chiến lược kinh doanh cho từng phân khúc khách hàng và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tập trung đối với các ngành/ lĩnh vực/ phân khúc/ tiểu phân khúc này.

- Đối với quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro gian lận: ARCO đã thông qua phương pháp luận quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro gian lận; kiểm soát và giám sát việc thực thi phương pháp luận này nhằm giảm thiểu các rủi ro hoạt động, rủi ro gian lận phát sinh trong thực tế kinh doanh, vận hành hàng ngày tại các đơn vị kinh doanh.

- Về công tác quản trị rủi ro thanh khoản: ARCO thông qua phương pháp luận về quản trị rủi ro thanh khoản và việc chuyển đổi nhiệm vụ quản trị rủi ro thanh khoản tập trung tại Khối Quản trị rủi ro, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc 03 tuyến phòng thủ và quản lý tập trung các rủi ro trọng yếu của ngân hàng nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro tại Techcombank.
- ARCO theo dõi, giám sát chặt chẽ và chỉ đạo sát sao nhằm tăng cường hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế.
- Hơn nữa, ARCO cũng tham mưu cho HĐQT trong công tác quản trị rủi ro đối với các doanh nghiệp mà Techcombank

góp vốn thông qua việc theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai cơ chế tương tác giữa Techcombank và các doanh nghiệp mà Techcombank góp vốn một cách hiệu quả, đảm bảo phù hợp mục tiêu cùng phát triển theo đúng định hướng chiến lược chung của Techcombank và các doanh nghiệp này.

Về lĩnh vực Kiểm toán

Trong năm 2019, Ủy ban ARCO đã thực hiện rà soát, đánh giá và báo cáo HĐQT về các phát hiện, khuyến nghị quan trọng của kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ, giám sát và hỗ trợ Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (“NORCO”)

Với mục tiêu hoàn thành định hướng chiến lược “Nhân sự xuất sắc” bằng cách tiếp cận “Lấy cán bộ nhân viên làm trọng tâm”, trong năm 2019, Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng NORCO đã thực hiện 05 cuộc họp, đã tham mưu và tư vấn cho HĐQT các vấn đề liên quan đến nhân sự, chính sách, lương thưởng, chế độ đãi ngộ cạnh tranh, thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, đảm bảo hiệu suất cao và bền vững, hướng tới hiện thực hóa mục tiêu “Ngân hàng số 1 Việt Nam về tính hiệu quả”.

Thành phần

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa - Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng
Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch HĐQT	Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng
Ông Nguyễn Đăng Quang - Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	
Ông Nguyễn Cảnh Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng
Ông Đỗ Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT	

Về tuyển dụng, thu hút nhân tài

NORCO đã hỗ trợ kiện toàn định hướng cho hoạt động tuyển dụng nhân sự cấp cao: Hoàn thành xác định vị trí cần tuyển dụng, quy trình tuyển dụng và hoàn tất kế hoạch tuyển dụng cho 20 vị trí cao cấp, đồng thời hoàn thành việc thuê ngoài các hoạt động tuyển dụng và xây dựng chương trình tiếp nhận và hội nhập với các ứng viên quốc tế.

Về quản trị nhân sự, phát triển, giữ chân nhân tài

NORCO tiếp tục duy trì tham mưu các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều động các nhân sự cấp cao nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu về nhân sự trong ngắn và dài hạn. Đồng thời tham mưu cho các chương trình xây dựng và phát triển lực lượng kế cận, các phân khúc tài năng nòng cốt của Ngân hàng. Bên cạnh đó, NORCO cũng đã hỗ trợ định hướng trong việc triển khai thực hiện chương trình ESOP cho năm 2018 và 2019, xây dựng chương trình thưởng dài hạn LTIP, quản lý chuyển đổi Nhân sự trong dự

án Chuyển trụ sở 2019-2020, xây dựng định vị giá trị cán bộ nhân viên (EVP) dành riêng cho nhóm CBNV thuộc Chương trình Chuyển đổi 2.0, song song quản lý tốt kỳ vọng đối với CBNV toàn hàng.

Về chính sách lương thưởng, phúc lợi

NORCO duy trì tham gia công tác tư vấn và chỉ đạo thực hiện nghiên cứu thị trường về lương thưởng, đãi ngộ, từ đó liên tục rà soát và định vị các chính sách điều chỉnh lương, thưởng, phúc lợi của Techcombank nhằm đảm bảo mặt bằng lương thưởng của CBNV Techcombank đạt mức cạnh tranh so với thị trường, khuyến khích CBNV thể hiện tinh thần phát triển bản thân, liên tục gặt hái những kết quả vượt trội thông qua mối liên kết chặt chẽ giữa lương - thưởng với năng lực, tiềm năng và hiệu quả công việc. Nhằm tăng sự gắn kết, động lực và niềm tự hào của các Techcomers, NORCO tích cực rà soát, cải thiện và ban hành các chương trình phúc lợi dẫn đầu thị trường, hướng đến việc chăm lo toàn diện cho các nhu cầu thiết yếu của CBNV.

Giới thiệu Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ 2019 - 2024



Ông Hoàng Huy Trung

Trưởng Ban Kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách

Ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank. Từ tháng 12/2012 đến nay, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng Ban Kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán tại Học viện Tài chính.



Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes

Thành viên

Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4/2012 đến nay, Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên Ban Kiểm soát Techcombank.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, ngân hàng và Tiếp thị tại Đại học Klagenfurt, Cộng hòa Áo.



Bà Bùi Thị Hồng Mai

Thành viên chuyên trách

Bà Bùi Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ tháng 04/2010 đến 04/2019 bà là thành viên Ban Kiểm soát Techcombank. Từ 13/04/2019 đến nay, bà là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Techcombank.

Bà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Thông tin về Ban Kiểm soát

Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác của Techcombank

STT	Họ & Tên	Chức danh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	57.504	0,0016%
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	48	0,000001%
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	0	0,0000%

Ghi chú: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên được cập nhật tại ngày 31/12/2019

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và Cổ đông

- Giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật và Điều lệ ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành ngân hàng;
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ, chỉ đạo, điều hành và giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ để rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ngân hàng;
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát (nếu có) theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc của cổ đông/nhóm cổ đông lớn theo quy định pháp luật, Điều lệ ngân hàng.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Căn cứ kết quả kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ đã kịp thời thông báo, làm việc với Ban Lãnh đạo Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành để có các quyết định, chỉ đạo quyết liệt đối với các khối/đơn vị chức năng nhằm ngăn ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý dứt điểm các tồn tại trong hoạt động, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, cải tiến quy trình, sản phẩm, quản trị rủi ro trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.
- Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã tích cực khắc phục các tồn tại theo kiến nghị của Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ; đồng thời tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

Tại thời điểm 01/01/2019, Ban Kiểm soát của Techcombank có 04 thành viên, trong đó bao gồm 02 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm. Từ ngày 13/04/2019, số lượng thành viên Ban Kiểm soát Techcombank được bầu cho nhiệm kỳ 2019 - 2024 là 03 thành viên trong đó bao gồm 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm. Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2019 như sau:

Hoạt động của BKS trong năm 2019

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	13/04/2019	04	100%	
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	13/04/2019	04	100%	
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	13/04/2019	04	100%	
4	Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên BKS	19/04/2014 - 13/04/2019	01	100%	Miễn nhiệm là thành viên BKS từ ngày 13/04/2019

Kết quả của các cuộc họp của BKS

STT	Số văn bản/NQ	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	Biên bản họp Quý 1/2019	20/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét, thông qua kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ trong Quý 1/2019; • Cập nhật một số tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng đến ngày 31/12/2018, tình hình tài chính ngân hàng đến hết 28/02/2019 và Dự thảo kết quả thẩm định BCTC năm 2018 đã được Kiểm toán độc lập dự thảo báo cáo kiểm toán; • Xem xét dự thảo báo cáo của HĐQT, BKS và các tài liệu khác tại Đại hội cổ đông năm 2019.
2	Biên bản họp Quý 2/2019	20/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét, thông qua kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ trong Quý 2/2019; • Cập nhật dư nợ tín dụng với người có liên quan; • Cập nhật một số tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng đến ngày 31/05/2019; • Xem xét việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản liên quan tới hoạt động của KTNB để triển khai việc áp dụng sớm Thông tư 41 “Basel II” đã được NHNN phê duyệt.
3	Biên bản họp Quý 3/2019	26/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét, thông qua kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ trong Quý 3/2019; • Cập nhật dư nợ tín dụng với người có liên quan; • Cập nhật một số tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng đến 31/08/2019; • Báo cáo về việc sửa đổi kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2019.
4	Biên bản họp Quý 4/2019	12/12/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét, thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ trong Quý 4/2019; - Báo cáo tổng kết hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2019 và; - Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2020; - Dự thảo sửa đổi Quy trình kiểm toán và giám sát việc thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ. • Cập nhật một số tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng và tình hình cấp tín dụng cho khách hàng thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT đến ngày 31/10/2019.

➤ Giới thiệu Ban Điều hành



Ông Nguyễn Lê Quốc Anh

Tổng Giám đốc

Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Techcombank từ tháng 09/2016. Trước đó, ông giữ vị trí Giám đốc Khối Chiến lược & Phát triển Ngân hàng của Techcombank từ tháng 05/2015, và được giao kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành từ cuối tháng 1/2016. Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm và từng giữ nhiều vị trí quản lý cấp cao trong lĩnh vực ngân hàng, dịch vụ tài chính, viễn thông và tư vấn như: Wells Fargo, Fortress Investment Group, T-Mobile và McKinsey & Company.

Ông tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Kỹ sư Hạt nhân tại Đại học Purdue (Mỹ) và Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế lượng tại Đại học bang California, East Bay (Mỹ).



Ông Đỗ Tuấn Anh

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng

Ông là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12/2012 và là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 06/2015. Ông đã có 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Techcombank như: Phó Trưởng phòng Vụ Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước, Trợ lý cao cấp cho HĐQT và Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng Techcombank. Tháng 09/2019, ông được bổ nhiệm vai trò Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng của Techcombank.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore (Singapore).



Ông Phạm Quang Thắng

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chuyển đổi

Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc từ tháng 01/2014. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ cao cấp như Kế toán trưởng Ngân hàng; Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán tài chính, Kế hoạch và chiến lược, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp và Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng. Tháng 09/2019, ông được bổ nhiệm vai trò Giám đốc Chuyển đổi của Techcombank.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán quốc tế tại trường Đại học Công nghệ Swinburne (Úc).



Ông Phan Thanh Sơn

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch toàn cầu

Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kể từ tháng 08/2019. Trước đó, ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 01/2011. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong thị trường tài chính và đóng vai trò quan trọng trong phát triển thị trường trái phiếu trong nước. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Tiên Phong, giữ nhiều chức vụ về Quản lý Thị trường Toàn cầu tại các ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Citibank Việt Nam, Citigroup Global Markets Ltd. Hongkong. Tháng 09/2019, ông được bổ nhiệm vai trò Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam).

➤ Giới thiệu Ban Điều hành (tiếp theo)



Ông Phùng Quang Hưng

Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Điều hành, Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính và Dịch vụ Khách hàng

Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Dịch vụ Khách hàng và Tư vấn tài chính từ tháng 11/2014. Trước đó, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ Techcombank từ tháng 09/2010. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý tại các ngân hàng quốc tế và từng giữ nhiều vị trí như Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ tại Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam; Đối tác kinh doanh tại Ngân hàng National Australia, London.

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế quốc tế của Đại học Washington State (Mỹ)



Bà Trần Thị Minh Lan

Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng kiêm Giám đốc Nội chính

Bà được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng từ tháng 08/2017. Trước đó, bà từng giữ vị trí Phó Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng, Giám đốc Chương trình chuyển đổi tại Techcombank từ tháng 12/2015, chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược cho toàn Ngân hàng. Bà có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chiến lược ngân hàng và quản trị rủi ro và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Techcombank như Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro.

Bà tốt nghiệp chương trình Phát triển tài năng lãnh đạo tại Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania (Mỹ), tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý Tài chính Kế toán tại Đại học Berlin (Đức).



Ông Trịnh Bằng

Giám đốc Tài chính Tập đoàn

Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính Tập đoàn từ tháng 01/2018. Ông có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng toàn cầu với vai trò lãnh đạo cấp cao tại các Tập đoàn lớn, đặc biệt trong đó bao gồm 18 năm tại Morgan Stanley (New York, Singapore) và gần đây nhất là làm Cố vấn cao cấp và Giám đốc điều hành toàn Việt Nam và Philippines.

Ông Trịnh Bằng tốt nghiệp Cử nhân ngành Kỹ sư hệ thống, Đại học Virginia (Mỹ).



Bà Phan Thị Thanh Bình

Giám đốc Khối Ngân hàng bán buôn

Bà được bổ nhiệm làm Giám đốc Chuyển đổi Khối Ngân hàng bán buôn từ tháng 07/2017. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng ANZ, trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính của ANZ và Quyền Tổng giám đốc của ANZ (Việt Nam), thành viên Hội đồng Quản trị của ANZ (Việt Nam, Campuchia, và Lào) và Chủ tịch HĐQT của ANZ (Lào).

Bà tốt nghiệp Thạc sỹ tại Trường Đại học Libre de Bruxelles (Bi).

➤ Giới thiệu Ban Điều hành (tiếp theo)



Ông Vishal Shah

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Ông Vishal Shah có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các tổ chức hàng đầu với kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực ngân hàng thương mại, ngân hàng bán lẻ và dịch vụ tư vấn tài chính. Ông đã từng nắm giữ các vị trí quản lý chủ chốt tại Standard Chartered Bank (Singapore, Ấn Độ, và các Tiểu Vương quốc Ả Rập). Ông cũng đã từng nắm giữ các vị trí tư vấn tại Ernst & Young và KPMG.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Thương mại tại trường Thương mại và Kinh tế HR, Đại học Mumbai (Ấn Độ). Ông đã có chứng chỉ ACA và đã tốt nghiệp Viện kiểm toán chi phí và công trình (ICWA).



Bà Lê Thị Bích Phượng

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân

Bà được bổ nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc Khối Dịch vụ ngân hàng & Tài chính cá nhân vào tháng 09/2015 và chính thức đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối từ tháng 06/2016. Bà có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc tại Techcombank ở nhiều vị trí quản lý ở Khối Bán hàng và Kênh phân phối như Giám đốc Khu vực, Giám đốc Vùng và Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối miền Nam.

Bà tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế đối ngoại tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Việt Nam)



Ông Nguyễn Xuân Minh

Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư

Ông được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc khối Ngân hàng đầu tư - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương từ tháng 10/2013. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và quản lý quỹ. Ông từng là TGD của Vietnam Asset Management Ltd. và Phó Chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investments tại Singapore.

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và đầu tư (Úc) và Thạc sỹ Kỹ thuật dầu khí (Liên Bang Nga) và có chứng chỉ CFA



Ông Chester Gorski

Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ

Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ từ tháng 02/2016. Ông có trên 25 năm kinh nghiệm và từng giữ nhiều vị trí quản lý cấp cao trong các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Wells Fargo, Wachovia, Aon, và các tổ chức dịch vụ tài chính khác cũng như công ty tư vấn PwC và McKinsey & Company.

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Chicago (Mỹ).

➤ Giới thiệu Ban Điều hành (tiếp theo)



Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Giám đốc Khối Tiếp thị

Bà gia nhập Techcombank vào tháng 11/2014. Bà được bổ nhiệm làm Quyền Giám đốc Khối Tiếp thị vào tháng 11/2015 và chính thức đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tiếp thị từ tháng 06/2016. Trước khi gia nhập Techcombank, bà đã có hơn 20 năm kinh nghiệm tại vị trí Giám đốc Thương hiệu và Giám đốc Marketing tại các tập đoàn lớn trong và ngoài nước như tập đoàn Vingroup, BP Việt Nam và British American Tobacco Vietnam (BAT).

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Westminster (Anh) và Thạc sĩ chuyên ngành Marketing tại Đại học Công nghệ Swinburne (Úc).



Ông Kenneth Keeslir

Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản trị Rủi ro

Ông được bổ nhiệm là Phó Giám đốc khối Quản trị Rủi ro từ tháng 01/2017 và là Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản Trị Rủi ro từ tháng 04/2019. Ông đã có hơn 15 năm kinh nghiệm với vai trò quản lý rủi ro tại HSBC và Prudential. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhận vị trí Giám đốc Chuyển đổi Kinh doanh và Giám đốc Rủi ro An ninh, Rủi ro Gian lận và Giám đốc trung tâm phân tích toàn cầu tại ngân hàng HSBC Việt Nam và HSBC Thượng Hải.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học tự nhiên ngành Hệ thống Thông tin tại Học viện Công nghệ New Jersey.



Bà Nguyễn Ngọc Huệ

Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản trị Nguồn nhân lực

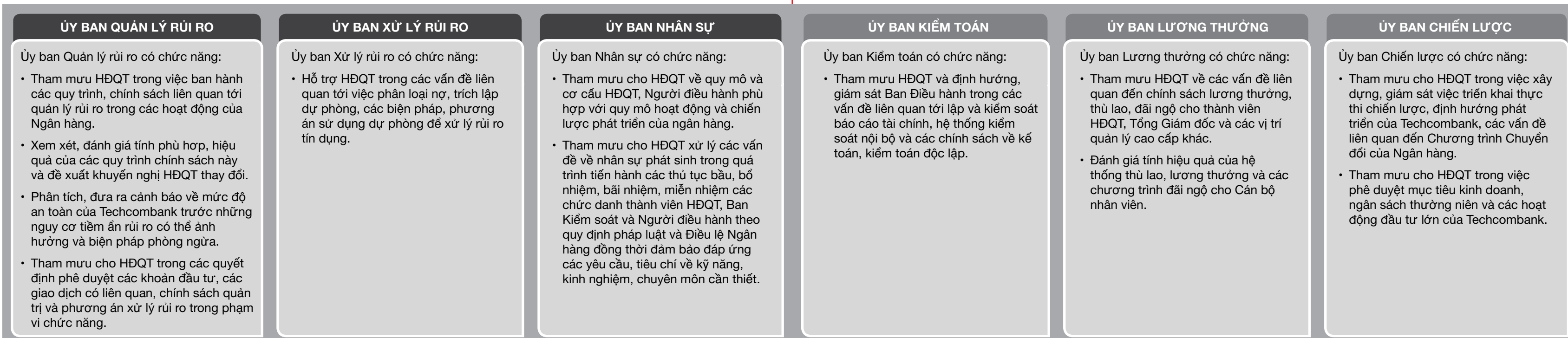
Bà gia nhập Techcombank từ 05/2010 trong đó có gần 04 năm giữ vị trí Phó Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực. Bà có trên 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý trong mảng nghiệp vụ tại Citibank và giữ nhiều chức vụ quản lý tại Khối Quản trị Nguồn nhân lực Techcombank như: Giám đốc quản lý dữ liệu và nguồn lực; Giám đốc Tư vấn và hỗ trợ hoạt động nhân sự, Phó giám đốc Khối, Phụ trách Khối Quản trị Nguồn nhân lực - Techcombank.

Bà tốt nghiệp đại học tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

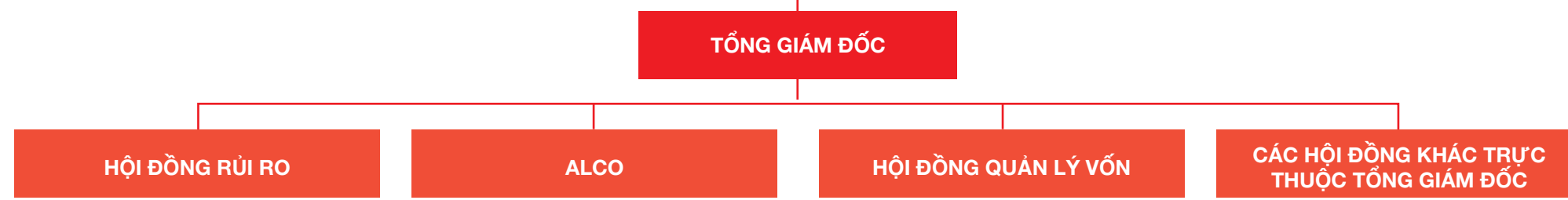
Mô hình Quản trị - Điều hành Techcombank

Mô hình Quản trị - Điều hành mục tiêu của Techcombank đến năm 2023

“HĐQT Ngân hàng Techcombank đã thông qua định hướng về mô hình Quản trị Điều hành mục tiêu của Ngân hàng, hoạch định cụ thể lộ trình triển khai tới năm 2023. Trong năm 2019, Ngân hàng đã triển khai các hoạt động cụ thể trong việc chuyển dịch từ mô hình hiện tại tới mô hình mục tiêu.”



Hiện tại Techcombank đang tiếp tục triển khai các công việc cần thiết để đưa Mô hình trên vào ứng dụng thực tiễn trong hoạt động Quản trị - Điều hành của Ngân hàng.



Chú thích

- Ủy ban trực thuộc cấp Quản trị do HĐQT thành lập để đáp ứng yêu cầu quy định pháp lý.
- Ủy ban trực thuộc cấp Quản trị do HĐQT thành lập.

➤ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc & Ban Kiểm soát

Thông tin về tỷ lệ cổ phần nắm giữ của người nội bộ tại ngày 31/12/2019

STT	Họ & Tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Hội đồng Quản trị				
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	39.309.579	1,1231%
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	9.403.176	0,2687%
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	30.256.431	0,8644%
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	17.954.979	0,5130%
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	1.087.542	0,0311%
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	0	0,0000%
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	0	0,0000%
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	259.963	0,0074%
Ban Kiểm soát				
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	57.504	0,0016%
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	48	0,000001%
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	0	0,0000%
Người Điều hành				
1	Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Tổng Giám đốc	6.100.000	0,1743%
2	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	1.087.542	0,0311%
3	Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc	875.222	0,0250%
4	Ông Phan Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	2.331.873	0,0666%
5	Ông Trịnh Bằng	Giám đốc Tài chính Tập đoàn	6.000.000	0,1714%
6	Bà Thái Hà Linh	Giám đốc Kế toán Chính sách Tài chính và Thuế kiêm Người Ủy quyền Công bố thông tin	993.097	0,0284%
7	Bà Bùi Thị Khánh Vân	Kế Toán trưởng	8.870	0,0003%

Tính đến ngày 31/12/2019.



Thông tin về giao dịch cổ phiếu TCB của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông là người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Trong năm 2019, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu TCB của cổ đông là người nội bộ như sau:

	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	6	551.460
Bán	1	100.000
Tổng	7	651.460

Trong năm 2019, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu TCB của cổ đông là người liên quan của người nội bộ như sau:

	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	3	99.780
Bán	1	5.000
Tổng	4	104.780

Thông tin chi tiết về từng giao dịch đã được công bố đầy đủ trên trang web của Techcombank.

➤ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc & Ban Kiểm soát

Lương thưởng, thù lao, các lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc hoặc TGD

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	
3	Ông Nguyễn Thiều Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 - Phần thuyết minh số 39 “Giao dịch với các bên liên quan”
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của BKS nhiệm kỳ 2019-2024

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 - Phần thuyết minh số 39 “Giao dịch với các bên liên quan”
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của Tổng Giám đốc

STT	Họ & Tên	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Tổng Giám đốc	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 - Phần thuyết minh số 39 “Giao dịch với các bên liên quan”

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 - Phần thuyết minh số 39 “Giao dịch với các bên liên quan”.

Báo cáo về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2019, Techcombank giữ vững việc tuân thủ thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về quản trị công ty của các cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành trước năm 2019. Đồng thời, Ngân hàng đã thực hiện theo các quy định mới được ban hành hoặc có hiệu lực trong năm 2019, nhằm đảm bảo duy trì và cập nhật một khung quản trị điều hành tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định pháp luật, hướng dẫn được Ngân hàng áp dụng thực hiện bao gồm:

- **Thông tư số 155/2015/TT-BTC** về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- **Nghị định 71/2017/NĐ-CP** về Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- **Thông tư 95/2017/TT-BTC** Hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- **Thông tư số 13/2018/TT-NHNN** về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và các quy định liên quan khác.
- **Thông tư 22/2019/TT-NHNN** Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- **Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất** ban hành tháng 08/2019 bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC.

Ngân hàng đã thực hiện các hoạt động về việc điều chỉnh các quy định nội bộ, trình ĐHĐCĐ thông qua về việc **sửa đổi Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát và Quy chế quản trị nội bộ của Techcombank**, qua đó đã đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về giám sát của quản lý cấp cao, đảm bảo tính độc lập và quy định trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp thẩm quyền trong cơ chế Quản trị của Ngân hàng theo **thông tư 13/2018/TT-NHNN** có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Ngoài ra, Techcombank đã điều chỉnh **cơ cấu, thành phần quản trị của các hội đồng hoạt động về nghiệp vụ xử lý nợ và phê duyệt tín dụng**, nhằm tuân thủ theo **Thông tư 22/2019/TT-NHNN** có hiệu lực từ ngày 01/01/2020, đảm bảo tính minh bạch và độc lập trong công tác xử lý nợ và phê duyệt tín dụng.

Tại cấp Điều hành, Ngân hàng cũng đã thiết lập các Hội đồng theo quy định của **Thông tư 13/2018/TT-NHNN** có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, đồng thời Techcombank đã tăng cường cơ chế quản trị bằng việc thành lập một số Hội đồng mới trực thuộc Tổng Giám đốc theo nhu cầu phát triển của Ngân hàng để giám sát và điều hành tốt hơn các vấn đề trọng yếu của Ngân hàng.

Cũng trong năm qua, Techcombank đã chủ động nghiên cứu, cập nhật các thông lệ tốt nhất trong khu vực và trên thế giới về quản trị công ty, bao gồm **Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất** ban hành tháng 08/2019 bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC. Trong đó, Ngân hàng đã bổ nhiệm chức danh Chánh văn phòng HĐQT thực hiện các vai trò, chức năng **Người Quản trị Công ty** được quy định tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty và theo thông lệ về quản trị ở các ngân hàng tiên tiến trong khu vực.

2019 là một năm thành công
của Techcombank với
các chỉ số tài chính ấn tượng.

Báo Cáo Tài Chính



NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 3 năm 2018 (cấp đổi lại cho giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993) và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 12 tháng 11 năm 2019. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 6 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch
Ông Lee Boon Huat	Thành viên
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên độc lập (đến ngày 13/4/2019)
Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên (từ ngày 13/4/2019)
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên độc lập (từ ngày 13/4/2019)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng ban kiểm thành viên chuyên trách
Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên chuyên trách (đến ngày 13/4/2019)
Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Quang Hưng	Phó Tổng Giám Đốc thường trực kiêm Giám đốc Điều hành, Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính và Dịch vụ Khách hàng (từ ngày 15/03/2020)
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng (từ ngày 1/9/2019)
Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chuyển đổi (từ ngày 1/9/2019)
Ông Phan Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu (từ ngày 1/9/2019)
Ông Lê Bá Dũng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro (đến ngày 5/5/2019)
Ông Trịnh Bằng	Giám đốc Tài chính Tập đoàn
Bà Phan Thị Thanh Bình	Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn
Ông Vishal Shah	Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp
Bà Lê Thị Bích Phượng	Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cá nhân kiêm Giám đốc khối Bảo hiểm (từ ngày 18/10/2019)
Bà Trần Thị Minh Lan	Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng kiêm Giám đốc Nội chính toàn hàng
Ông Chester Gorski	Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ

Thông tin chung (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Minh Trường	Giám đốc Nguồn vốn - Khối Tài chính và kế hoạch (từ ngày 1/9/2019)
Bà Nguyễn Hương Giang	Giám đốc Ngân hàng Giao dịch - Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu (từ ngày 1/9/2019)
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Giám đốc Khối Tiếp thị
Ông Đỗ Minh	Giám đốc Chuyển đổi - Văn phòng chuyển đổi (từ ngày 1/7/2019)
Ông Sam Sangkyuk Suh	Giám đốc Chuyển đổi - Văn phòng chuyển đổi Dịch vụ Ngân hàng và tài chính cá nhân (từ ngày 16/4/2019)
Bà Phạm Vũ Minh Đan	Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực (đến ngày 19/08/2019)
Ông Chung Bá Phương	Giám đốc Khối Bảo hiểm (đến ngày 18/1/2019)
Ông Ashish Sharma	Giám đốc Chuyển đổi - Văn phòng chuyển đổi (đến ngày 1/7/2019)
Ông De Leeuw Van Weenen Iwan	Giám đốc Chuyển đổi - Quản trị Nguồn nhân lực (đến ngày 6/8/2019)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Hồ Hùng Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Phùng Quang Hưng được Ông Hồ Hùng Anh ủy quyền ký kết các giấy tờ/tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Ngân hàng, trong đó có báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định số 0058/2020/UQ-CT HĐQT ngày 6 tháng 2 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Phùng Quang Hưng
Phó Tổng Giám Đốc thường trực kiêm Giám đốc Điều hành,
Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính và Dịch vụ Khách hàng

Hà Nội, Việt Nam, ngày 18 tháng 3 năm 2020

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 130 đến trang 205, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam, ngày 18 tháng 3 năm 2020



Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng	5	4.820.627	2.606.467
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	3.192.256	10.555.483
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	47.990.224	35.559.363
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	38.596.420	24.169.512
Cấp tín dụng cho các TCTD khác	7.2	9.393.804	11.389.851
Chứng khoán kinh doanh	8	10.041.556	7.572.229
Chứng khoán kinh doanh		10.052.963	7.583.090
Dự phòng chứng khoán kinh doanh		(11.407)	(10.861)
Cho vay khách hàng		227.885.283	157.554.103
Cho vay khách hàng	9	230.802.027	159.939.217
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(2.916.744)	(2.385.114)
Hoạt động mua nợ	11	-	-
Mua nợ		1.682	1.682
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(1.682)	(1.682)
Chứng khoán đầu tư	12	66.054.597	86.512.348
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		66.158.709	66.625.261
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		202.006	20.236.200
Dự phòng chứng khoán đầu tư		(306.118)	(349.113)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	12.223	12.223
Đầu tư dài hạn khác		12.883	12.883
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn		(660)	(660)
Tài sản cố định	14	3.207.777	1.718.596
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	14.1	793.484	788.016
Nguyên giá tài sản cố định		1.761.468	1.835.272
Khấu hao tài sản cố định		(967.984)	(1.047.256)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	14.2	2.414.293	930.580
Nguyên giá tài sản cố định		3.086.148	1.540.037
Hao mòn tài sản cố định		(671.855)	(609.457)
Bất động sản đầu tư	15	1.160.524	1.196.324
Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.435.699	1.435.699
Khấu hao bất động sản đầu tư		(275.175)	(239.375)
Tài sản Có khác	16	19.334.394	17.701.805
Các khoản phải thu		12.954.103	11.322.256
Các khoản lãi, phí phải thu		5.553.724	5.737.907
Tài sản Có khác		1.055.475	717.481
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(228.908)	(75.839)
TỔNG TÀI SẢN		383.699.461	320.988.941

	Thuyết minh	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	-	6.025.027
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	18	61.266.635	36.425.560
Tiền gửi các tổ chức tài chính, các TCTD khác	18.1	38.632.337	28.973.455
Vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	18.2	22.634.298	7.452.105
Tiền gửi của khách hàng	19	231.296.761	201.414.532
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	20	434.008	310.313
Phát hành giấy tờ có giá	21	17.460.634	13.177.959
Các khoản nợ khác	22	11.168.656	11.852.845
Các khoản lãi, phí phải trả		3.479.310	3.424.068
Các khoản phải trả và công nợ khác		7.689.346	8.428.777
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		321.626.694	269.206.236
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		35.477.967	35.442.539
Vốn điều lệ		35.001.400	34.965.922
Thặng dư vốn cổ phần		476.567	476.617
Các quỹ		5.172.684	3.867.846
Lợi nhuận chưa phân phối		21.131.391	12.403.003
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		290.725	69.317
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	62.072.767	51.782.705
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		383.699.461	320.988.941



Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Bảo lãnh vay vốn	38.509	5.957
Cam kết giao dịch hối đoái	228.476.804	160.600.295
- Cam kết mua ngoại tệ	1.108.119	3.305.927
- Cam kết bán ngoại tệ	5.611.861	7.472.531
- Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ	110.730.891	74.815.387
- Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ	111.025.933	75.006.450
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	21.909.553	12.163.321
Bảo lãnh khác	22.285.888	19.043.774
Cam kết kỳ hạn giấy tờ có giá	19.281.908	8.059.426
Các cam kết khác	241.440.019	202.008.746
	533.432.681	401.881.519

Người lập:

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt:



Ông Phùng Quang Hưng
Phó Tổng Giám Đốc thường trực
kiêm Giám đốc Điều hành,
Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính
và Dịch vụ Khách hàng

Hà Nội, Việt Nam, ngày 18 tháng 3 năm 2020



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng (phân loại lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	25.016.341	21.413.626
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(10.758.497)	(10.023.687)
Thu nhập lãi thuần		14.257.844	11.389.939
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		4.884.408	4.188.317
Chi phí hoạt động dịch vụ		(1.631.055)	(915.737)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	3.253.353	3.272.580
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	104.581	233.751
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	397.664	168.433
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	1.243.759	756.585
Thu nhập từ hoạt động khác		4.425.079	3.147.169
Chi phí hoạt động khác		(2.618.351)	(1.513.392)
Lãi thuần từ hoạt động khác	31	1.806.728	1.633.777
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	4.216	894.703
Tổng thu nhập hoạt động		21.068.145	18.349.768
Chi phí hoạt động	33	(7.312.509)	(5.842.507)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		13.755.636	12.507.261
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34	(917.368)	(1.846.245)
Tổng lợi nhuận trước thuế		12.838.268	10.661.016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(2.612.059)	(2.185.246)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.3	-	(1.773)
Chi phí thuế TNDN		(2.612.059)	(2.187.019)
Lợi nhuận sau thuế		10.226.209	8.473.997
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(151.070)	(11.222)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	35	2.871	3.816

Người lập:

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt:



Ông Phùng Quang Hưng
Phó Tổng Giám Đốc thường trực
kiêm Giám đốc Điều hành,
Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính
và Dịch vụ Khách hàng

Hà Nội, Việt Nam, ngày 18 tháng 3 năm 2020



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng (phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		25.677.175	20.445.343
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(10.865.013)	(9.797.235)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		3.170.716	2.966.562
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ và chứng khoán)		1.703.869	1.310.321
Thu nhập khác		485.024	151.294
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	31	1.080.236	1.422.895
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(5.565.179)	(4.432.019)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	23.1	(2.678.919)	(2.140.758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		13.007.909	9.926.403
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác		2.033.530	2.576.067
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		18.030.873	(35.935.551)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	36.292
(Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng		(70.862.810)	909.820
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác		(257.259)	(2.553.203)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(4.670.454)	(3.308.223)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(4.024.907)	4.024.907
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác		24.841.075	(9.898.265)
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		27.882.109	31.443.819
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		7.482.675	(1.762.011)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		123.695	310.313
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động		(944.721)	4.528.623
Chi từ các quỹ		(9.913)	(59)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.631.802	298.932

	Thuyết minh	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng (phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(257.620)	(401.574)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		31.428	6.097
Tiền chi cho thanh lý tài sản cố định		(268)	(89)
Tiền chi từ đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(799)
Tiền thu từ đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	915.560
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	32	4.216	275
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(222.244)	519.470
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		35.428	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	310.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(3.200.000)	(3.010.000)
Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	16.341.177
Tiền thu được từ góp vốn của cổ đông không kiểm soát		70.338	58.201
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(3.094.234)	13.699.378
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.315.324	14.517.780
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		37.198.979	22.681.199
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	36	46.514.303	37.198.979
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM			
Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu		-	23.310.615

Người lập:

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt:



Ông Phùng Quang Hưng
Phó Tổng Giám đốc thường trực
kiêm Giám đốc Điều hành,
Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính
và Dịch vụ Khách hàng

Hà Nội, Việt Nam, ngày 18 tháng 3 năm 2020



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 3 năm 2018 (cấp đổi lại cho giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993) và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 12 tháng 11 năm 2019. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 6 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 35.001.399.620.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 34.965.921.600.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, ba trăm mười một (311) điểm giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/6/2019	Các hoạt động chứng khoán	88,99999%
2	Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0102786255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008, thay đổi lần thứ 22 ngày 3/5/2019	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5/6/2019	Quản lý quỹ	88,99956%

Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 11.156 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 9.757 người).

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam (“VND”) và được làm tròn đến hàng triệu đồng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

3.3 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Ngân hàng thoái vốn đầu tư vào công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, Ngân hàng chỉ hợp nhất kết quả kinh doanh từ đầu kỳ đến thời điểm thoái vốn mà không hợp nhất toàn bộ tài sản thuần của công ty con. Ngoài ra, trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Ngân hàng điều chỉnh ảnh hưởng gián tiếp của các giao dịch bán công ty con đến các luồng tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty con và Ngân hàng, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Ngày 8 tháng 8 năm 2019, Bộ tài chính ban hành Thông tư số 48/2019/TT-BTC (“Thông tư 48”) hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nội dung chính của Thông tư 48 bao gồm:

- » Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- » Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính;
- » Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- » Trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019, thay thế cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác không kì hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

4.3 Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác

Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại tổ chức tín dụng trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam) và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4.6.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác.

4.4 Chứng khoán kinh doanh

4.4.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Ngân hàng mua hần và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.4.2 Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với chứng khoán nợ đã niêm yết: dự phòng giảm giá được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Trường hợp chứng khoán nợ đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì Ngân hàng không trích lập dự phòng.

Đối với trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh: dự phòng giảm giá được xác định dựa trên giá trái phiếu thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

4.4.2 Đo lường (tiếp theo)

Chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

Dự phòng cụ thể và dự phòng giảm giá đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.5 Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và phải thu có tính chất tín dụng

Việc phân loại nợ đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và phải thu có tính chất tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 02.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và phải thu có tính chất tín dụng (tiếp theo)

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và phải thu có tính chất tín dụng (tiếp theo)

Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
5 Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc	100%
	(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
	(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc	
	(d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc	
	(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
	(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc	
	(g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng chung tại thời điểm ngày 31 tháng 12 với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 của các khoản nợ ngoại trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Chứng khoán đầu tư

4.7.1 Phân loại

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

4.7.2 Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày nhận chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7.3 Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ được hạch toán theo giá trị ghi sổ tại thời điểm xác định giá thị trường.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

4.7.3 Đo lường (tiếp theo)

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng giảm giá. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chứng khoán nợ được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường như được trình bày tại Thuyết minh số 4.4.2. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

4.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

4.9 Các khoản đầu tư dài hạn

4.9.1 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

4.9.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư niêm yết hoặc đăng ký trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá đăng ký giao dịch nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

4.9.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế bị gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng (theo mệnh giá) tại tổ chức kinh tế. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.10 Tài sản cố định hữu hình

4.10.1 Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

4.10.2 Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- » nhà cửa, vật kiến trúc 8 - 50 năm
- » máy móc thiết bị 3 - 10 năm
- » phương tiện vận tải 6 - 10 năm
- » tài sản cố định khác 4 - 10 năm

4.11 Tài sản cố định vô hình

4.11.1 Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Hao mòn phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 8 năm.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

4.11.2 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá toàn bộ các khoản chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với chi phí bao gồm đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

4.11.3 Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn lũy kế được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

4.12 Bất động sản đầu tư

4.12.1 Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

4.12.2 Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» nhà cửa 10 - 40 năm

4.13 Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

Phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền

Đối với nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, Ngân hàng phân loại và trích lập dự phòng theo nguyên tắc phân loại nợ và xác định giá trị tài sản đảm bảo như trước khi bán nợ theo Thông tư 02 và Thông tư 09.

4.15 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mua. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm.

4.16 Vốn cổ phần

4.16.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Vốn cổ phần (tiếp theo)

4.16.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.16.3 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.16.4 Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng:

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100 % vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ dự trữ của công ty con:

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam:

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương:

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này được trích vào cuối năm, không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Ghi nhận doanh thu và chi phí

4.17.1 Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 theo quy định được ghi nhận khi Ngân hàng thực thu được.

4.17.2 Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.17.3 Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thay vào đó, chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi Ngân hàng sẽ được cập nhật và trình bày.

4.17.4 Doanh thu và chi phí mua bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- » Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của Ngân hàng.
 - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng trong năm.
- » Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Ghi nhận doanh thu và chi phí (tiếp theo)

4.17.5 Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dự chi.

4.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển hết vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.19 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

4.20 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4.22 Các công cụ tài chính phái sinh

4.22.1 Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

4.22.2 Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.22.3 Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Ngân hàng thực hiện dịch vụ môi giới cho khách hàng để ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai, do vậy giá trị các hợp đồng này không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ các hoạt động môi giới này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.24 Lợi ích của nhân viên

4.24.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.24.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.24.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.25 Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, Ngân hàng phân loại các công cụ tài chính như sau:

4.25.1 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Các công cụ tài chính (tiếp theo)

4.25.1 Tài sản tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- » các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Ngân hàng xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- » các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- » các khoản mà có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- » các khoản mà có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- » các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- » các khoản cho vay và các khoản phải thu.

4.25.2 Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Các công cụ tài chính (tiếp theo)

4.25.2 Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4.26 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

4.27 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận theo hoạt động kinh doanh dựa trên các lĩnh vực sau:

- » Hoạt động Ngân hàng: Các dịch vụ sản phẩm cung cấp cho khách hàng bao gồm:
 - Nhận tiền gửi;
 - Tín dụng;
 - Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và
 - Các hoạt động ngân hàng khác.
- » Hoạt động quản lý và khai thác tài sản;
- » Hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- » Hoạt động quản lý quỹ; và
- » Hoạt động tài chính khác.

Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Ngân hàng không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do Ngân hàng hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Điều hành của Ngân hàng nhận định là Ngân hàng chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Ngân hàng không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. TIỀN MẶT, VÀNG

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	4.396.424	2.121.147
Tiền mặt bằng ngoại tệ	411.367	472.445
Vàng tiền tệ	12.836	12.875
	4.820.627	2.606.467

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VND	3.190.934	10.554.041
- Bằng ngoại tệ	1.322	1.442
	3.192.256	10.555.483

Tiền gửi tại NHNN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thặng tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2019	31/12/2018
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (tiếp theo)

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Tiền gửi bằng VND		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,80%	1,20%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

7. TIỀN GỬI VÀ CẤP TÍN DỤNG CHO CÁC TCTD KHÁC

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	15.173.807	8.956.056
- Bằng VND	6.117.336	5.042.183
- Bằng ngoại tệ	9.056.471	3.913.873
Tiền gửi có kỳ hạn	23.422.613	15.213.456
- Bằng VND	19.657.000	6.258.483
- Bằng ngoại tệ	3.765.613	8.954.973
	38.596.420	24.169.512

Lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng VND	0,00%	0,00% - 0,20%
- Bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Bằng VND	1,20% - 6,80%	4,40% - 9,60%
- Bằng ngoại tệ	1,55% - 2,10%	2,00% - 3,40%

7. TIỀN GỬI VÀ CẤP TÍN DỤNG CHO CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

7.2 Cấp tín dụng cho các TCTD khác

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Bằng VND	7.695.397	9.589.218
Bằng ngoại tệ	1.698.407	1.800.633
	9.393.804	11.389.851

Lãi suất năm của các khoản cấp tín dụng cho các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Bằng VND	3,50% - 6,00%	3,00% - 7,60%
Bằng ngoại tệ	3,09% - 3,94%	2,70% - 4,18%

7.3 Chất lượng dư nợ tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn) và cấp tín dụng cho các TCTD khác như sau:

Nhóm nợ	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	32.816.417	26.603.307

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Chứng khoán nợ	10.052.963	7.583.090
Trái phiếu Chính phủ	6.688.778	3.723.271
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	3.364.185	2.724.819
Trong đó:		
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	185.821	1.711.904
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	1.135.000
Dự phòng chứng khoán kinh doanh	(11.407)	(10.861)
Dự phòng rủi ro trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(8.184)	(10.544)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(3.223)	(317)
	10.041.556	7.572.229



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng chứng khoán kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2019	10.544	317	10.861
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	(2.360)	3.220	860
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	-	(314)	(314)
Tại ngày 31/12/2019	8.184	3.223	11.407

Tình hình biến động dự phòng chứng khoán kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2018	14.246	2.778	17.024
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	(3.702)	(2.461)	(6.163)
Tại ngày 31/12/2018	10.544	317	10.861

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Chứng khoán nợ		
- Đã niêm yết	6.874.599	5.435.175
- Chưa niêm yết	3.178.364	2.147.915
	10.052.963	7.583.090

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	229.188.137	158.971.627
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	1.265.636	361.280
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	254.269	472.609
Các khoản trả thay khách hàng	93.575	94.473
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	410	39.228
	230.802.027	159.939.217

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Mức lãi suất cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Cho vay bằng VND	0,00% - 19,55%	0,00% - 19,45%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,50% - 8,69%	2,23% - 6,59%

9.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2019		31/12/2018	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	225.601.458	97,75	154.548.122	96,63
Nợ cần chú ý	2.122.693	0,92	2.587.646	1,62
Nợ dưới tiêu chuẩn	218.128	0,09	237.758	0,15
Nợ nghi ngờ	305.230	0,13	862.510	0,54
Nợ có khả năng mất vốn	2.554.518	1,11	1.703.181	1,06
	230.802.027	100,00	159.939.217	100,00

Theo báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của Ngân hàng gửi NHNN, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư của các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Điều 10, Khoản 3a của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Quyết định số 780/QĐ-NHNN trước đây như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Phần dư nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)	4.592	18.305
Phần dư nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	830	582
	5.422	18.887

9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	31/12/2019		31/12/2018	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ ngắn hạn	85.584.018	37,08	60.381.950	37,76
Nợ trung hạn	47.443.165	20,56	36.774.904	22,99
Nợ dài hạn	97.774.844	42,36	62.782.363	39,25
	230.802.027	100,00	159.939.217	100,00



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.3 Phân tích dư nợ theo ngành nghề kinh doanh

	31/12/2019		31/12/2018	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	125.554.677	54,40	87.555.538	54,74
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	16.855	0,01	260.998	0,16
Khai khoáng	1.418.239	0,61	1.590.134	0,99
Công nghiệp chế biến, chế tạo	20.431.391	8,85	19.076.386	11,94
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	2.858.783	1,24	2.409.681	1,51
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	31.413	0,01	23.526	0,01
Xây dựng	6.957.444	3,01	8.095.573	5,06
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	27.075.217	11,73	21.171.980	13,24
Vận tải kho bãi	2.822.942	1,22	2.853.511	1,78
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.876.083	0,81	927.745	0,58
Thông tin và truyền thông	1.002.211	0,43	147.061	0,09
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	662.780	0,29	9.468.647	5,92
Hoạt động kinh doanh bất động sản	50.421.549	21,85	13.554.781	8,47
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	842.877	0,37	791.378	0,49
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	800.483	0,35	201.007	0,13
Hoạt động chính trị	1.178	0,00	-	0,00
Giáo dục và đào tạo	242.994	0,11	154.973	0,10
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	29.948	0,01	37.304	0,02
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	62.876	0,03	127.065	0,08
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	184.851	0,08	95.172	0,06
Hoạt động dịch vụ khác	7.814.563	3,39	6.568.616	4,11
Cho vay cá nhân	105.247.350	45,60	72.383.679	45,26
	230.802.027	100,00	159.939.217	100,00

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.4 Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2019		31/12/2018	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	125.554.677	54,40	87.555.538	54,74
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	5.566.486	2,41	6.902.256	4,32
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	47.003.186	20,37	34.575.025	21,62
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	297.929	0,13	76.316	0,05
Công ty cổ phần khác	69.763.527	30,22	43.234.058	27,01
Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh	442.319	0,19	322.237	0,20
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.104.387	0,91	2.039.895	1,28
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	37.405	0,02	25.637	0,02
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	339.438	0,15	380.055	0,24
Khác	-	0,00	59	0,00
Cho vay cá nhân	105.247.350	45,60	72.383.679	45,26
	230.802.027	100,00	159.939.217	100,00

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Dự phòng chung	1.651.666	1.225.265
Dự phòng cụ thể	1.265.078	1.159.849
	2.916.744	2.385.114

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2019	1.159.849	1.225.265	2.385.114
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 34)	362.060	425.586	787.646
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(256.875)	-	(256.875)
Phân loại lại từ dự phòng tài sản có khác (Thuyết minh 16)	44	815	859
Tại ngày 31/12/2019	1.265.078	1.651.666	2.916.744



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2018	823.500	1.061.081	1.884.581
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 34)	2.889.508	164.184	3.053.692
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(2.553.159)	-	(2.553.159)
Tại ngày 31/12/2018	1.159.849	1.225.265	2.385.114

11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Mua nợ bằng VND	1.682	1.682
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(1.682)	(1.682)
	-	-

Chi tiết giá trị nợ gốc, lãi của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Lãi của khoản nợ đã mua	1.682	1.682
	1.682	1.682

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm như sau:

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Số dư đầu năm	1.682	1.760
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 34)	-	(78)
Số dư cuối năm	1.682	1.682

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	66.158.709	66.625.261
- Chứng khoán nợ	65.503.185	66.625.257
- Chứng khoán vốn	655.524	4
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	202.006	20.236.200
- Chứng khoán nợ	202.006	20.236.200
Dự phòng chứng khoán đầu tư	(306.118)	(349.113)
- Dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(242.368)	(189.691)
- Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(63.750)	(159.422)
	66.054.597	86.512.348

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Chứng khoán nợ	65.503.185	66.625.257
Trái phiếu Chính phủ	14.807.620	8.793.593
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	20.299.324	19.516.788
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	12.313.699	11.114.162
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	30.396.241	38.314.876
Chứng khoán vốn	655.524	4
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	200.000	-
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	455.524	4
Dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(242.368)	(189.691)
Dự phòng rủi ro trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(240.185)	(185.894)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(2.183)	(3.797)
	65.916.341	66.435.570



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Chứng khoán nợ	202.006	20.236.200
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	-	30.000
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	30.000
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	202.006	20.206.200
Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(63.750)	(159.422)
Dự phòng rủi ro trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(63.750)	(159.422)
	138.256	20.076.778

12.3 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	32.326.671	61.052.464

12.4 Dự phòng chứng khoán đầu tư

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Dự phòng rủi ro trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	303.935	345.316
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	2.183	3.797
	306.118	349.113

Tình hình biến động dự phòng chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2019	345.316	3.797	349.113
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(41.381)	(1.614)	(42.995)
Tại ngày 31/12/2019	303.935	2.183	306.118

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.4 Dự phòng chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2018	175.582	15.816	191.398
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	169.734	(12.019)	157.715
Tại ngày 31/12/2018	345.316	3.797	349.113

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác - giá gốc	12.883	12.883
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	(660)	(660)
	12.223	12.223

13.1 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2019		31/12/2018	
	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc triệu đồng	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc triệu đồng
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	0,00	417	0,00	417
Công ty Cổ phần Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Việt Nam	11,00	660	11,00	660
Công ty Cổ phần Đầu tư PCB	6,64	7.962	6,64	7.962
Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng toàn thế giới	0,00	1.804	0,00	1.804
Công ty Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	10,93	1.040	10,93	1.040
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	0,42	1.000	0,42	1.000
		12.883		12.883



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Số dư đầu năm	660	2.401
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	-	(1.741)
Số dư cuối năm	660	660

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	451.403	1.217.801	164.463	1.605	1.835.272
Mua trong năm	11.231	85.142	42.702	325	139.400
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	110.606	191.960	23.020	-	325.586
Thanh lý	(15.098)	(177.784)	(19.966)	(256)	(213.104)
Giảm khác	(325.446)	(240)	-	-	(325.686)
Số dư cuối năm	232.696	1.316.879	210.219	1.674	1.761.468
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	37.106	906.342	102.408	1.400	1.047.256
Khấu hao trong năm	5.362	102.639	18.507	131	126.639
Thanh lý	(2.757)	(177.418)	(18.912)	(256)	(199.343)
Giảm khác	(6.564)	(4)	-	-	(6.568)
Số dư cuối năm	33.147	831.559	102.003	1.275	967.984
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	414.297	311.459	62.055	205	788.016
Tại ngày cuối năm	199.549	485.320	108.216	399	793.484

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

14.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	336.742	1.115.220	148.850	2.144	1.602.956
Mua trong năm	117.122	198.398	10.795	-	326.315
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	102.790	3.711	6.920	-	113.421
Tăng khác	5.681	-	-	-	5.681
Thanh lý	(106.289)	(98.623)	-	(402)	(205.314)
Giảm khác	(4.643)	(905)	(2.102)	(137)	(7.787)
Số dư cuối năm	451.403	1.217.801	164.463	1.605	1.835.272
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	32.940	907.879	90.571	1.777	1.033.167
Khấu hao trong năm	13.557	93.492	13.939	156	121.144
Tăng khác	1.338	-	-	-	1.338
Thanh lý	(10.719)	(94.142)	-	(396)	(105.257)
Giảm khác	(10)	(887)	(2.102)	(137)	(3.136)
Số dư cuối năm	37.106	906.342	102.408	1.400	1.047.256
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	303.802	207.341	58.279	367	569.789
Tại ngày cuối năm	414.297	311.459	62.055	205	788.016

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	614.338	700.900



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

14.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	887.850	647.826	4.361	1.540.037
Mua trong năm	113.446	4.289	485	118.220
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.476	1.420.528	-	1.436.004
Tặng khác	31	-	-	31
Thanh lý	-	(8.144)	-	(8.144)
Số dư cuối năm	1.016.803	2.064.499	4.846	3.086.148
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	576.469	30.567	2.421	609.457
Hao mòn trong năm	92.463	29	55	92.547
Giảm khác	-	(30.149)	-	(30.149)
Số dư cuối năm	668.932	447	2.476	671.855
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	311.381	617.259	1.940	930.580
Tại ngày cuối năm	347.871	2.064.052	2.370	2.414.293

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

14.2 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất có thời hạn	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	828.990	616.223	4.403	1.449.616
Mua trong năm	52.335	22.924	-	75.259
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.888	4.050	-	11.938
Tặng khác	-	4.629	-	4.629
Thanh lý	(339)	-	(42)	(381)
Giảm khác	(1.024)	-	-	(1.024)
Số dư cuối năm	887.850	647.826	4.361	1.540.037
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	487.127	18.447	2.385	507.959
Hao mòn trong năm	90.345	12.120	78	102.543
Thanh lý	(243)	-	(42)	(285)
Giảm khác	(760)	-	-	(760)
Số dư cuối năm	576.469	30.567	2.421	609.457
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	341.863	597.776	2.018	941.657
Tại ngày cuối năm	311.381	617.259	1.940	930.580

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	275.271	203.520



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Nhà cửa triệu đồng
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.435.699
Số dư cuối năm	1.435.699
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	239.375
Khấu hao trong năm	35.800
Số dư cuối năm	275.175
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	1.196.324
Tại ngày cuối năm	1.160.524

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Nhà cửa triệu đồng
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.442.827
Giảm khác	(7.128)
Số dư cuối năm	1.435.699
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	204.797
Khấu hao trong năm	35.916
Giảm khác	(1.338)
Số dư cuối năm	239.375
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	1.238.030
Tại ngày cuối năm	1.196.324

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm Tòa nhà Techcombank với nguyên giá là 1.435.699 triệu đồng và khấu hao lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 275.175 triệu đồng.

Ngân hàng không trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do: Tòa nhà này được sử dụng chủ yếu để làm trụ sở của Techcombank và các công ty con, doanh thu cho thuê nhà của công ty con và chi phí thuê nhà của Techcombank đã được loại trừ khi trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này. Do tòa nhà được sử dụng nội bộ nên Ngân hàng quan tâm đến nguyên giá cũng như thời hạn sử dụng của tòa nhà (đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này) hơn là giá trị hợp lý của tòa nhà.

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Các khoản phải thu	12.954.103	11.322.256
Các khoản phải thu nội bộ	60.256	76.332
Các khoản phải thu bên ngoài	12.893.847	11.245.924
- Đặt cọc thuê văn phòng (i)	101.714	106.861
- Đặt cọc mua trụ sở văn phòng (ii)	377.397	377.467
- Phải thu liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	20.006	20.006
- Trả trước cho người bán	117.826	90.734
- Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	44.763	77.349
- Tạm ứng mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang (iii)	2.792.672	3.459.747
- Phải thu từ hợp đồng bán nợ (iv)	567.348	-
- Phải thu từ thu tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay (v)	8.634.519	4.240.462
- Thu chi hộ với các tổ chức tín dụng khác	-	2.259.597
- Phải thu gốc lãi trái phiếu đến hạn vào ngày nghỉ lễ	-	231.486
- Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	237.602	382.215
Các khoản lãi, phí phải thu	5.553.724	5.737.907
Tài sản Có khác	1.055.475	717.481
- Vật liệu	12.916	10.735
- Chi phí trả trước	1.037.910	706.746
- Tài sản có khác	4.649	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (vi)	(228.908)	(75.839)
	19.334.394	17.701.805

(i) Đây là các khoản đặt cọc của Ngân hàng cho việc thực hiện thuê văn phòng làm trụ sở, chi nhánh.

(ii) Đây là các khoản đặt cọc để mua trụ sở văn phòng làm việc của Ngân hàng tại thành phố Hà Nội.

(iii) Đây là các khoản thanh toán mua sắm tài sản cố định và xây dựng trụ sở văn phòng làm việc của Ngân hàng.

(iv) Phải thu từ hợp đồng bán nợ là các khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho các công ty mua bán nợ được cấp phép.

Phân tích chất lượng dư nợ các khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Nhóm nợ		
Nợ nghi ngờ	567.348	-



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

(v) Phải thu từ dịch vụ thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay là các khoản phải thu các nhà nhập khẩu là khách hàng của Ngân hàng từ dịch vụ thanh toán trước bộ chứng từ trả chậm theo thư tín dụng nhập khẩu do Ngân hàng phát hành. Sản phẩm này được thực hiện theo chấp thuận của NHNN tại Công văn số 244/NHNN-TD. Theo đó, Ngân hàng thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước.

(vi) Dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng cho hàng tồn kho, các khoản phải thu quá hạn, phải thu từ hợp đồng bán nợ và các tài sản Có chịu rủi ro tín dụng khác:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Dự phòng rủi ro tín dụng cho hợp đồng bán nợ	100.679	-
- Dự phòng chung	4.255	-
- Dự phòng cụ thể	96.424	-
Dự phòng rủi ro tín dụng cho tài sản Có chịu rủi ro tín dụng khác (Thuyết minh 10)	63.134	34.950
- Dự phòng chung	63.063	34.906
- Dự phòng cụ thể	71	44
Dự phòng khác	65.095	40.889
	228.908	75.839

Biến động dự phòng cho các tài sản Có khác như sau:

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Số dư đầu năm	75.839	1.311.569
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các khoản phải thu từ các hợp đồng mua bán nợ chưa thu tiền trong năm (Thuyết minh 34)	100.679	(1.220.903)
- Dự phòng chung	4.255	(712)
- Dự phòng cụ thể	96.424	(1.220.191)
Trích lập dự phòng cho tài sản Có chịu rủi ro tín dụng khác (Thuyết minh 34)	29.043	13.534
Trích lập dự phòng cho các tài sản Có khác (Thuyết minh 33)	24.276	44
Sử dụng dự phòng trong năm	(70)	(44)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 33)	-	(1.498)
Phân loại lại dự phòng tài sản Có chịu rủi ro tín dụng sang dự phòng cho vay khách hàng (Thuyết minh 10)	(859)	-
Ảnh hưởng của việc hợp nhất số liệu	-	(26.863)
Số dư cuối năm	228.908	75.839

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	-	2.000.120
Vay Ngân hàng Nhà nước	-	4.024.907
	-	6.025.027

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH, CÁC TCTD KHÁC

18.1 Tiền gửi của các tổ chức tài chính, các TCTD khác

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	6.416.010	5.037.660
- Bằng VND	6.415.253	5.036.111
- Bằng ngoại tệ	757	1.549
Tiền gửi có kỳ hạn	32.216.327	23.935.795
- Bằng VND	23.399.000	22.057.000
- Bằng ngoại tệ	8.817.327	1.878.795
	38.632.337	28.973.455

Lãi suất năm của các khoản tiền gửi của các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,20% - 5,10%	3,50% - 5,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,60% - 2,20%	2,42% - 3,40%

18.2 Vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Bằng VND	4.472.179	1.839.199
Bằng ngoại tệ	18.162.119	5.612.906
	22.634.298	7.452.105



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH, CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

18.2 Vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác (tiếp theo)

Lãi suất năm của các khoản vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Bằng VND	3,00% - 8,50%	3,50% - 8,00%
Bằng ngoại tệ	0,06% - 3,99%	0,70% - 4,17%

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

19.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	76.053.396	54.612.613
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	70.297.064	48.125.562
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.756.332	6.487.051
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	151.581.145	143.613.379
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	145.641.213	136.635.672
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.939.932	6.977.707
Tiền gửi ký quỹ	3.662.220	3.188.540
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	3.510.647	3.080.503
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	151.573	108.037
	231.296.761	201.414.532

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00% - 0,80%	0,00% - 0,80%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,10%	0,00% - 0,10%
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,03% - 7,60%	0,30% - 7,60%
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,60%	0,00% - 0,60%

19.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2019		31/12/2018	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tiền gửi của các tổ chức kinh tế	64.084.783	27,71	59.358.072	29,47
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	5.717.986	2,47	3.720.237	1,85
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	22.375.849	9,67	25.735.319	12,78
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	93.074	0,04	126.038	0,06
Công ty cổ phần khác	28.612.952	12,37	23.263.620	11,55
Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh	62.483	0,03	54.135	0,03
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.746.288	1,62	2.898.416	1,44
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	15.425	0,01	6.269	0,00
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	2.018.720	0,87	1.882.692	0,93
Khác	1.442.006	0,63	1.671.346	0,83
Tiền gửi của cá nhân	167.211.978	72,29	142.056.460	70,53
	231.296.761	100,00	201.414.532	100,00

20. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2019		31/12/2018	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	33.248.703	(56.734)	64.416.164	(64.693)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	111.288.148	(295.034)	75.166.996	(191.614)
Giao dịch hoán đổi lãi suất	50.662.360	(82.240)	11.386.132	(54.006)
	195.199.211	(434.008)	150.969.292	(310.313)

Tổng giá trị của hợp đồng là giá trị được quy đổi theo tỷ giá hợp đồng.

Tổng giá trị ghi sổ kế toán là giá trị thuần được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Từ 12 tháng đến 5 năm (i)	16.602.921	9.120.246
Trên 5 năm (ii)	857.713	4.057.713
	17.460.634	13.177.959

(i) Bao gồm các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 5,50% đến 8,50% (2018: 5,50% đến 8,20%).

(ii) Bao gồm các trái phiếu chịu lãi suất năm trong khoảng từ 8,20% đến 15,00% (2018: 8,20% đến 15,00%).

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Các khoản lãi, phí phải trả	3.479.310	3.424.068
Các khoản phải trả và công nợ khác	7.689.346	8.428.777
Các khoản phải trả nội bộ	13.038	12.582
Các khoản phải trả bên ngoài	7.676.308	8.416.195
- Chuyển tiền phải trả	3.087.402	5.059.137
- Phải trả nhân viên	926.704	686.126
- Thuế phải trả (i)	934.024	980.062
- Doanh thu chưa thực hiện	226.397	119.832
- Ứng trước của khách hàng	-	1.798
- Trích trước chi phí lương	286.394	303.727
- Chi phí trích trước khác	605.025	539.154
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.226	7.062
- Tiền đã giải ngân chờ thanh toán	30.284	19.577
- Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	19.343	137.805
- Tiền thu từ việc bán tài sản đảm bảo chờ xử lý	50.946	83.833
- Các khoản tiền gửi giữ hộ khách hàng chờ thanh toán	16.459	85.103
- Các khoản chờ thanh toán khác	783.971	149.987
- Thu chi hộ giữa các Tổ chức Tín dụng	370.161	-
- Các khoản phải trả khác	328.972	242.992
	11.168.656	11.852.845

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)

(i) Thuế phải trả chi tiết như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	24.327	16.080
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	848.194	915.054
Các loại thuế khác	61.503	48.928
	934.024	980.062

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: triệu đồng

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm			Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số điều chỉnh	Số đã nộp	
Thuế GTGT	16.080	221.110	568	(213.431)	24.327
Thuế TNDN	915.054	2.612.059	-	(2.678.919)	848.194
Các loại thuế khác	48.928	734.385	(559)	(721.251)	61.503
Thuế phải trả	980.062	3.567.554	9	(3.613.601)	934.024

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được ước tính như sau:

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	12.838.268	10.661.016
<i>Trừ:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(4.216)	(275)
- Doanh thu từ năm trước chuyển sang	-	(144.636)
- Thu nhập không chịu thuế khác	(24.198)	-
- Các khoản chi không được khấu trừ năm trước năm nay được hoàn nhập	-	(190.213)
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	326.780	548.123
- Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	17.434	12.304
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.154.068	10.886.319
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.630.814	2.177.264
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(18.755)	7.982
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	2.612.059	2.185.246
Thuế TNDN phải trả đầu năm	915.054	866.900
Điều chỉnh thuế TNDN phải trả của năm trước	-	3.666
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.678.919)	(2.140.758)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	848.194	915.054

23.2 Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập của Ngân hàng hiện tại là 20% (2018: 20%).

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ:		
- Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(1.773)

24. VỐN VÀ QUỸ

24.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Đơn vị: triệu đồng								
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2019	34.965.922	476.617	892.289	2.975.083	474	3.867.846	12.403.003	69.317	51.782.705
Tăng vốn trong năm	35.478	(50)	-	-	-	-	-	70.338	105.766
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	10.075.139	151.070	10.226.209
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	440.602	874.149	-	1.314.751	(1.314.751)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(32.000)	-	(32.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(9.913)	-	(9.913)	-	-	(9.913)
Số dư tại ngày 31/12/2019	35.001.400	476.567	1.332.891	3.839.319	474	5.172.684	21.131.391	290.725	62.072.767

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Đơn vị: triệu đồng									
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2018	11.655.307	2.165.058	(4.043.249)	3.983.752	2.172.702	474	6.156.928	10.996.701	-	26.930.745
Tăng vốn trong năm	23.310.615	(13.986.369)	-	(3.496.592)	-	-	(3.496.592)	(5.827.654)	58.201	58.201
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	8.462.775	11.222	8.473.997
Bán cổ phiếu quỹ	-	12.297.928	4.043.249	-	-	-	-	-	-	16.341.177
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	408.270	808.721	-	1.216.991	(1.216.885)	(106)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(20.000)	-	(20.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(59)	-	(59)	-	-	(59)
Biến động khác	-	-	-	(3.141)	(6.281)	-	(9.422)	8.066	-	(1.356)
Số dư tại ngày 31/12/2018	34.965.922	476.617	-	892.289	2.975.083	474	3.867.846	12.403.003	69.317	51.782.705



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

24. VỐN VÀ QUỸ (tiếp theo)

24.2 Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Vốn điều lệ	35.001.400	34.965.922
Thặng dư vốn cổ phần	476.567	476.617
	35.477.967	35.442.539

Số lượng cổ phiếu tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
Vốn cổ phần đăng ký phát hành	3.500.139.962	3.496.592.160
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.500.139.962	3.496.592.160

Biến động số lượng cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2019	2018
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông tại ngày 1/1	3.496.592.160	993.177.375
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	3.547.802	2.331.061.440
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	172.353.345
Cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12	3.500.139.962	3.496.592.160

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

Trong năm, Ngân hàng đã thực hiện bán 3.547.802 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên theo Chương trình lựa chọn bán cổ phần cho người lao động trong Ngân hàng.

24.3 Cổ tức

Việc chia cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng (phân loại lại)
Thu nhập lãi tiền gửi	720.639	606.159
Thu nhập lãi cho vay	16.727.930	15.460.433
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	6.794.537	4.140.607
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	414.244	312.998
Thu khác từ hoạt động tín dụng	358.991	893.429
	25.016.341	21.413.626

26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	9.421.181	8.233.723
Trả lãi tiền vay	370.407	436.842
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	966.909	1.353.122
	10.758.497	10.023.687



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng (phân loại lại)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.884.408	4.188.317
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	2.274.253	1.763.054
Dịch vụ ngân quỹ	4.566	2.523
Dịch vụ ủy thác và đại lý	195.281	212.520
Dịch vụ tư vấn	1.650	35.469
Dịch vụ hợp tác bảo hiểm	931.882	722.481
Dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	970.323	1.160.413
Dịch vụ môi giới kinh doanh chứng khoán	120.524	118.572
Dịch vụ quản lý quỹ	206.040	64.025
Dịch vụ khác	179.889	109.260
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.631.055)	(915.737)
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(1.156.493)	(517.780)
Dịch vụ ngân quỹ	(65.716)	(58.102)
Dịch vụ môi giới kinh doanh chứng khoán	(11.484)	(30.526)
Dịch vụ tư vấn	(31.737)	(5.564)
Dịch vụ khác	(365.625)	(303.765)
	3.253.353	3.272.580

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.335.970	1.879.317
Thu từ kinh doanh ngoại tệ	1.014.049	1.030.351
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.321.921	848.966
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(2.231.389)	(1.645.566)
Chi về kinh doanh ngoại tệ	(642.943)	(154.420)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(1.588.446)	(1.491.146)
	104.581	233.751

29. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	592.871	350.135
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(194.347)	(187.865)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (<i>Thuyết minh 8</i>)	2.360	3.702
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng giảm giá cho chứng khoán kinh doanh (<i>Thuyết minh 8</i>)	(3.220)	2.461
	397.664	168.433

30. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.526.258	1.303.955
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(325.494)	(389.655)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (<i>Thuyết minh 12.4</i>)	41.381	(169.734)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (<i>Thuyết minh 12.4</i>)	1.614	12.019
	1.243.759	756.585

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác	4.425.079	3.147.169
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	3.159.510	1.544.089
Thu hồi nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	1.080.236	1.422.895
Thu từ nghiệp vụ ủy thác thu hồi nợ	3.572	25.826
Thu nhập khác	181.761	154.359
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	(2.618.351)	(1.513.392)
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(2.493.050)	(1.228.491)
Chi khác	(125.301)	(284.901)
	1.806.728	1.633.777



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

32. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	4.216	275
Thu từ thanh lý công ty con (*)	-	894.428
	4.216	894.703

(*) Đây là thu nhập từ việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Ngân hàng tại Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Kỹ thương (Techcom Finance) trong năm 2018.

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Thuyết minh	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Lương và các chi phí liên quan		4.261.656	3.239.958
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại		440.670	300.951
Chi phí thuê văn phòng và tài sản		509.450	461.748
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		254.986	259.603
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí		113.109	102.603
Chi phí dụng cụ và thiết bị		122.569	87.907
Chi phí thông tin liên lạc		46.821	39.694
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản		226.094	210.795
Chi phí điện nước		80.323	67.513
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng		228.831	193.813
Công tác phí		98.577	99.747
Hoàn nhập dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	13.2	-	(1.741)
Chi phí dự phòng cho các tài sản Có khác		24.276	(1.454)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16	-	(1.498)
- Trích lập dự phòng cho các tài sản Có khác	16	24.276	44
Chi về dịch vụ tư vấn		231.004	151.611
Chi đào tạo huấn luyện nghiệp vụ		57.277	34.930
Chi hội nghị		54.803	75.687
Chi phí hoạt động khác		562.063	519.142
		7.312.509	5.842.507

34. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	425.586	164.184
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	362.060	2.889.508
Hoàn nhập dự phòng cho hoạt động mua nợ	11	-	(78)
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho các khoản phải thu từ hợp đồng mua bán nợ	16	100.679	(1.220.903)
Trích lập dự phòng tài sản Có chịu rủi ro tín dụng khác	16	29.043	13.534
		917.368	1.846.245

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	2019	2018
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	10.075.139	8.462.775
Điều chỉnh phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	(32.000)	(20.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	10.043.139	8.442.775
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	3.497.603.041	2.212.707.968
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng)	2.871	3.816

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền mặt, vàng	4.820.627	2.606.467
Tiền gửi tại NHNN	3.192.256	10.555.483
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	38.501.420	24.037.029
	46.514.303	37.198.979



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

	2019 triệu đồng	2018 triệu đồng
I. Bình quân số cán bộ, nhân viên (người)	10.457	9.043
II. Thu nhập của cán bộ, nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	3.628.394	2.710.518
2. Phụ cấp và thu nhập khác	633.262	529.440
3. Tổng thu nhập (1+2)	4.261.656	3.239.958
4. Tiền lương bình quân/tháng	29	25
5. Thu nhập bình quân/tháng	34	30

38. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ (“GTCG”) THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

38.1 Tài sản, GTCG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Của khách hàng	594.089.422	524.374.576
Bất động sản	304.248.231	222.246.316
Động sản	55.415.576	52.218.872
Giấy tờ có giá	112.325.000	122.795.518
Các tài sản đảm bảo khác	122.100.615	127.113.870
Của các tổ chức tín dụng khác	6.150.634	4.282.349
Giấy tờ có giá	5.512.700	4.273.905
Các tài sản đảm bảo khác	637.934	8.444
	600.240.056	528.656.925

38.2 Tài sản, GTCG đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư	-	2.010.000
Các tài sản đảm bảo khác	6.463.460	-
	6.463.460	2.010.000

39. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Ngân hàng (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);
- Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với Ngân hàng như quan hệ: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở đoạn (c) hoặc (d) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Ngân hàng và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Ngân hàng báo cáo.

Giao dịch trái phiếu

Bên liên quan	Quan hệ	2019			2018			Đơn vị: triệu đồng	
		Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)								
Mệnh giá trái phiếu		38.492	1.064.823	(1.080.055)	23.260	274.155	913.109	(1.148.772)	38.492
Lãi phải thu trái phiếu		374	3.617	(3.424)	567	2.864	8.294	(10.784)	374
Công ty Cổ phần Masan	(ii)								
Mệnh giá trái phiếu		-	-	-	-	6.012	2.847.892	(2.853.904)	-
Lãi phải thu trái phiếu		-	-	-	-	16	3.225	(3.241)	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo	(ii)								
Mệnh giá trái phiếu		547.298	2.481.611	(2.856.843)	172.066	-	1.725.319	(1.178.021)	547.298
Lãi phải thu trái phiếu		19.641	3.909	(22.328)	1.222	-	20.439	(798)	19.641
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	(ii)								
Mệnh giá trái phiếu		282.090	684.623	(829.729)	136.984	-	1.346.161	(1.064.071)	282.090
Lãi phải thu trái phiếu		1.164	778	(1.175)	767	-	1.636	(472)	1.164



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

39. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch cho vay khách hàng

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	2019			2018			Số dư cuối kỳ	
		Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng		Phát sinh giảm
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii)								
Số dư cho vay khách hàng		487.336	698.631	(676.040)	509.927	394.097	652.705	(559.466)	487.336
Lãi phải thu cho vay khách hàng		2.129	44.713	(44.614)	2.228	1.978	41.343	(41.192)	2.129
Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo	(ii)								
Số dư cho vay khách hàng		1.158.160	1.366.955	(1.512.613)	1.012.502	890.802	1.648.913	(1.381.555)	1.158.160
Lãi phải thu cho vay khách hàng		859	52.982	(52.983)	858	696	47.421	(47.258)	859
Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam	(iii)								
Số dư cho vay khách hàng		590.000	66.000	-	656.000	590.000	-	-	590.000
Lãi phải thu cho vay khách hàng		2.898	62.904	(63.016)	2.786	3.278	61.314	(61.694)	2.898

Giao dịch tiền gửi có kỳ hạn

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	2019			2018			Số dư cuối kỳ	
		Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng		Phát sinh giảm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và nhóm các công ty liên quan	(iv)								
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		652.922	1.410.303	(652.922)	1.410.303	2.231.676	16.999.304	(18.578.058)	652.922
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		2.190	41.505	(42.002)	1.693	4.058	98.283	(100.151)	2.190
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cá nhân liên quan khác	(i), (iii)								
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		1.046.110	442.222	(937.973)	550.359	396.937	6.148.743	(5.499.570)	1.046.110
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		12.068	39.476	(39.628)	11.916	8.259	68.329	(64.520)	12.068

Giá trị hợp đồng phát sinh, mua bán ngoại tệ

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	31/12/2019	31/12/2018
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii)	49.482	98.965

39. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giá trị hợp đồng bảo lãnh, phát hành thư tín dụng

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	31/12/2019	31/12/2018
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii)	35.384	21.323
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và nhóm các công ty liên quan	(iv)	67.342	166.771

Số dư tiền gửi không kỳ hạn

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	31/12/2019	31/12/2018
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii)	11.042	10.670
Công ty Cổ phần One Mount Group	(iii)	16.041	-
Công ty Cổ phần FCE Việt Nam	(iii)	2.578	1.201
Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam	(iii)	1.336	963
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và nhóm các công ty liên quan	(iv)	752.246	67.984
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cá nhân liên quan khác	(i), (iii)	103.162	200.648

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Số tiền	
	2019	2018
Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành		
Thu nhập của HĐQT và Ban Kiểm soát	32.133	31.099
Thu nhập của Ban Điều hành	145.317	154.886

- (i) Cổ đông và bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị
- (ii) Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị
- (iii) Bên liên quan có thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc Ban Điều hành hoặc Ban Kiểm soát hoặc cổ đông lớn là người liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc Ban Điều hành hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng
- (iv) Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và nhóm các công ty liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng hoặc có thành viên Hội đồng Quản trị là người liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc Ban Điều hành hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

40. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tổng dư nợ cho vay triệu đồng	Tổng tiền gửi triệu đồng	Các cam kết tín dụng triệu đồng	CCTC phái sinh (*) triệu đồng	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng
Trong nước	240.195.421	267.383.576	172.287.226	184.153.065	76.413.678
Nước ngoài	410	2.545.522	39.550	11.046.146	-
	240.195.831	269.929.098	172.326.776	195.199.211	76.413.678

(*) Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng

41. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải liên quan đến các công cụ tài chính và mô tả chi tiết các chính sách và phương pháp mà Ban Lãnh đạo Ngân hàng sử dụng để kiểm soát các rủi ro này. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Ngân hàng liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Ngân hàng không ngừng phát triển an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Ngân hàng trong từng thời kỳ và quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban kiểm toán và rủi ro (“ARCO”) là cơ quan được Hội đồng Quản trị thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Hội đồng Quản trị phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động Ngân hàng.

ARCO có nhiệm vụ ban hành và giám sát thực hiện chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro và các quy định về quản lý các vấn đề rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng và phê duyệt hạn mức rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro tín dụng theo ngành, lĩnh vực, và các hạn mức rủi ro tổng thể khác của Ngân hàng.

42. RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác - gộp	47.990.224	35.559.363
Chứng khoán kinh doanh - gộp	10.052.963	7.583.090
Cho vay khách hàng - gộp	230.802.027	159.939.217
Hoạt động mua nợ - gộp	1.682	1.682
Chứng khoán đầu tư - gộp (*)	65.705.191	86.861.457
Tài sản tài chính khác - gộp	15.139.670	13.035.877
	369.691.757	302.980.686

(*) Không bao gồm chứng khoán vốn

42.1 Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác - gộp	47.990.224	35.559.363
Chứng khoán kinh doanh - gộp	10.052.963	7.583.090
Cho vay khách hàng - gộp	225.601.458	154.548.122
Chứng khoán đầu tư - gộp	65.579.773	86.610.620
Tài sản tài chính khác - gộp	14.483.999	12.785.103
	363.708.417	297.086.298



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

42. RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

42.1 Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá (tiếp theo)

Các tài sản tài chính không quá hạn hay không bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản cho vay (nhóm 1); các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

42.2 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn				
	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng	268.157	40.820	55.426	741.528	1.105.931
Chứng khoán đầu tư	62.709	-	62.709	-	125.418
	330.866	40.820	118.135	741.528	1.231.349

Các khoản cho vay bị quá hạn nhưng chưa bị giảm giá do các khoản cho vay này đã được đảm bảo đầy đủ bởi các tài sản đảm bảo của bên vay.

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn				
	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng	341.517	46.305	57.952	366.114	811.888
Chứng khoán đầu tư	62.709	-	125.419	62.709	250.837
Tài sản tài chính khác	-	-	-	211.054	211.054
	404.226	46.305	183.371	639.877	1.273.779

42. RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

42.3 Các tài sản tài chính đã bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn					Tổng cộng
	Chưa quá hạn	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	
Cho vay khách hàng	-	1.854.536	177.308	249.804	1.812.990	4.094.638
Hoạt động mua nợ	-	-	-	-	1.682	1.682
Tài sản tài chính khác	567.348	-	-	-	88.323	655.671
	567.348	1.854.536	177.308	249.804	1.902.995	4.751.991

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn					Tổng cộng
	Chưa quá hạn	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	
Cho vay khách hàng	-	2.246.129	191.453	804.558	1.337.067	4.579.207
Hoạt động mua nợ	-	-	-	-	1.682	1.682
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	39.720	39.720
	-	2.246.129	191.453	804.558	1.378.469	4.620.609

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

43.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn định giá lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ. Tất cả các hoạt động cho vay, huy động, đầu tư của ngân hàng đều tạo ra rủi ro lãi suất.

Dựa trên cơ sở trạng thái “nhạy cảm với lãi suất” theo từng kỳ thay đổi lãi suất, các chỉ tiêu là tài sản, nguồn vốn và các tài sản ngoại bảng được xếp vào các kỳ hạn của bảng “khe hở lãi suất” của toàn ngân hàng.

Thời hạn định lại lãi suất đối với các khoản mục có lãi suất cố định là thời gian còn lại cho đến khi đáo hạn của tài sản, còn đối với lãi suất thả nổi là thời gian còn lại cho đến kỳ thay đổi lãi suất gần nhất.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong xây dựng bảng “khe hở lãi suất”:



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

- » Tiền mặt và vàng, góp vốn, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các khoản nợ phải thu, phải trả khác được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- » Thời gian định lại lãi suất của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu chứng khoán đó có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại lãi suất nếu chứng khoán đó có lãi suất thả nổi;
- » Thời gian định lại lãi suất của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tài chính, các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời gian định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời gian định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- » Thời gian định lại lãi suất của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá nếu giấy tờ có giá có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại lãi suất nếu là lãi suất thả nổi;
- » Thời gian định lại lãi suất của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cấp tín dụng cho mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng khoản vốn tài trợ ủy thác đầu tư nếu là lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại nếu là lãi suất thả nổi.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản mục có lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

	Ảnh hưởng đến		
	Mức tăng lãi suất	Lợi nhuận trước thuế triệu đồng	Vốn chủ sở hữu triệu đồng
Tại ngày 31/12/2019			
USD	1,5%	(107.159)	(85.727)
VND	3%	3.626.285	2.901.028

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo mô hình “Khe hở lãi suất” tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019:

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	Ảnh hưởng do định giá lại lãi suất trong khoảng thời gian								Tổng
	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản									
Tiền mặt, vàng	-	4.820.627	-	-	-	-	-	-	4.820.627
Tiền gửi tại NHNN	-	3.192.256	-	-	-	-	-	-	3.192.256
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác (*)	-	15.173.787	20.084.018	11.587.933	1.005.544	138.942	-	-	47.990.224
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	535.821	157.927	779.559	960.729	1.015.647	6.603.280	10.052.963
<i>Trong đó:</i>									
<i>Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	-	185.821	-	-	-	85.498	6.603.280	6.874.599
Cho vay khách hàng (*)	5.200.569	-	101.225.542	44.068.564	18.592.697	32.081.861	26.952.364	2.680.430	230.802.027
Mua nợ (*)	1.682	-	-	-	-	-	-	-	1.682
Chứng khoán đầu tư (*)	125.418	1.943.751	14.716.451	14.839.304	3.689.782	5.336.209	11.791.612	13.918.188	66.360.715
<i>Trong đó:</i>									
<i>Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	125.418	1.296.179	350.000	305.714	2.052.709	1.520.160	7.640.228	13.911.110	27.201.518
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	12.883	-	-	-	-	-	-	12.883
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	4.368.301	-	-	-	-	-	-	4.368.301
Tài sản Có khác (*)	88.323	19.474.979	-	-	-	-	-	-	19.563.302
Tổng tài sản	5.415.992	48.986.584	136.561.832	70.653.728	24.067.582	38.517.741	39.759.623	23.201.898	387.164.980
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	6.416.010	28.190.526	17.118.946	8.584.377	308.630	645.085	3.061	61.266.635
Tiền gửi của khách hàng	-	81.380.029	61.838.034	35.762.392	32.233.184	16.871.104	3.197.347	14.671	231.296.761
Công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	19.722.421	4.713.084	(2.222.793)	(3.127.042)	(18.651.662)	-	434.008
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.727.600	2.642.900	1.584.300	177.212	11.328.622	-	17.460.634
Các khoản nợ khác	-	11.168.656	-	-	-	-	-	-	11.168.656
Tổng nợ phải trả	-	98.964.695	111.478.581	60.237.322	40.179.068	14.229.904	(3.480.608)	17.732	321.626.694
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	5.415.992	(49.978.111)	25.083.251	10.416.406	(16.111.486)	24.287.837	43.240.231	23.184.166	65.538.286

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Cấu trúc tài sản - nợ phải trả của Ngân hàng bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau (như USD, EUR, AUD...) là nguyên nhân dẫn đến rủi ro tiền tệ. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN Việt Nam. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Ảnh hưởng đến		
	Mức tăng tỷ giá	Lợi nhuận trước thuế triệu đồng	Vốn chủ sở hữu triệu đồng
Tại ngày 31/12/2019			
USD	1,00%	(39.426)	(31.541)
EUR	1,00%	40	32
Vàng	3,00%	385	308

Bảng ở trang tiếp theo trình bày phân tích tài sản và công nợ của Ngân hàng theo nhóm tiền tệ được quy đổi sang VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019.

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.2 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	239.241	64.143	12.836	107.983	424.203
Tiền gửi tại NHNN	1.322	-	-	-	1.322
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác (*)	13.748.109	467.767	-	304.615	14.520.491
Cho vay khách hàng (*)	11.912.935	-	-	-	11.912.935
Tài sản Có khác (*)	5.760.921	540.759	-	2.650.140	8.951.820
Tổng tài sản	31.662.528	1.072.669	12.836	3.062.738	35.810.771
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	23.801.711	540.740	-	2.637.752	26.980.203
Tiền gửi của khách hàng	10.720.334	530.572	-	596.931	11.847.837
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	(4.873.955)	(7.281)	-	(208.188)	(5.089.424)
Các khoản nợ khác	1.428.930	4.663	-	43.403	1.476.996
Tổng nợ phải trả	31.077.020	1.068.694	-	3.069.898	35.215.612
Trạng thái tiền tệ nội bảng	585.508	3.975	12.836	(7.160)	595.159
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(4.528.156)	-	-	24.413	(4.503.743)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(3.942.648)	3.975	12.836	17.253	(3.908.584)

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Ngân hàng huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng tài trợ cho các tài sản các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán. Trong đó, các khoản chứng khoán do chính phủ phát hành được Chính phủ bảo lãnh, mặc dù được xếp vào các kỳ hạn dài theo kỳ hạn còn lại, nhưng là tài sản thanh khoản trên thị trường, hoàn toàn có thể chuyển thành tiền trong một khoảng thời gian ngắn mà không phát sinh chi phí đáng kể;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn/trả trước;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- » Các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tài chính, các TCTD khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và là tiền gửi không kỳ hạn, tuy nhiên, tỷ trọng lớn loại tiền gửi này của khách hàng được duy trì ổn định tại ngân hàng với thời gian trên 1 năm. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- » Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- » Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- » Thời gian đáo hạn của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cấp tín dụng mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng khoản vốn tài trợ ủy thác đầu tư;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn		Trong hạn				Tổng	
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 -3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm		Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	-	4.820.627	-	-	-	-	4.820.627
Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.192.256	-	-	-	-	3.192.256
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác (*)	-	-	35.257.804	11.687.934	1.044.486	-	-	47.990.224
Chứng khoán kinh doanh	-	-	535.821	157.927	1.227.868	1.327.507	6.803.840	10.052.963
<i>Trong đó:</i>								
<i>Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	-	185.821	-	-	85.498	6.603.280	6.874.599
Cho vay khách hàng (*)	2.122.693	3.077.876	4.622.890	19.193.145	62.408.895	46.741.699	92.634.829	230.802.027
Hoạt động mua nợ (*)	-	1.682	-	-	-	-	-	1.682
Chứng khoán đầu tư (*)	62.709	62.709	541.214	646.287	21.827.267	25.098.719	18.121.810	66.360.715
<i>Trong đó:</i>								
<i>Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	62.709	62.709	350.545	306.288	3.592.940	8.056.297	14.770.030	27.201.518
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	12.883	12.883
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	644.696	976	14.658	415.131	3.292.840	4.368.301
Tài sản Có khác (*)	-	88.323	4.707.744	3.990.470	6.469.378	3.731.948	575.439	19.563.302
Tổng tài sản	2.185.402	3.230.590	54.323.052	35.676.739	92.992.552	77.315.004	121.441.641	387.164.980
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	34.606.537	17.118.946	8.893.006	645.085	3.061	61.266.635
Tiền gửi của khách hàng	-	-	141.111.010	35.947.167	49.903.273	4.274.210	61.101	231.296.761
<i>Trong đó:</i>								
<i>Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ</i>	-	-	79.003.002	163.158	495.159	54.297	-	79.715.616
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	62.233	137.742	196.801	37.232	-	434.008
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	4.128.710	13.331.924	-	17.460.634
Các khoản nợ khác	-	-	8.013.377	1.027.636	1.311.874	811.322	4.447	11.168.656
Tổng nợ phải trả	-	-	183.793.157	54.231.491	64.433.664	19.099.773	68.609	321.626.694
Mức chênh thanh khoản ròng	2.185.402	3.230.590	(129.470.105)	(18.554.752)	28.558.888	58.215.231	121.373.032	65.538.286

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

43.4 Rủi ro giá cả thị trường khác

Chứng khoán do Ngân hàng nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Thông tin về chứng khoán giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2019 triệu đồng	31/12/2018 triệu đồng
Chứng khoán kinh doanh - gộp (*)	320.496	148.825
Chứng khoán đầu tư - gộp (*)	337.315	350.584
	657.811	499.409

(*) Đây là chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư niêm yết giảm giá tại thời điểm cuối năm, đã được Ngân hàng trích dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 48 như trình bày trong Thuyết minh 4.4 và Thuyết minh 4.7.

44. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

	Giá trị ghi sổ					Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản/ (Công nợ) khác hạch toán theo giá trị phân bổ		
Tiền mặt, vàng	-	-	4.820.627	-	-	4.820.627	4.820.627
Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.192.256	-	-	3.192.256	(*)
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác	-	-	47.990.224	-	-	47.990.224	(*)
Chứng khoán kinh doanh	10.052.963	-	-	-	-	10.052.963	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	230.802.027	-	-	230.802.027	(*)
Mua nợ	-	-	1.682	-	-	1.682	
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	66.158.709	-	66.158.709	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	202.006	-	-	-	202.006	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	12.883	-	12.883	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	15.139.670	-	-	15.139.670	(*)
	10.052.963	202.006	301.946.486	66.171.592	-	378.373.047	
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	-	-	61.266.635	61.266.635	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	231.296.761	231.296.761	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	434.008	-	-	-	-	434.008	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	17.460.634	17.460.634	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	8.115.902	8.115.902	(*)
	434.008	-	-	-	318.139.932	318.573.940	

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam cũng như chưa có đủ thông tin.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

45. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Ngân hàng	Quản lý và khai thác tài sản	Kinh doanh chứng khoán	Quản lý quỹ	Điều chỉnh (*)	Tổng cộng
I. Doanh thu	65.365.680	192.704	2.174.856	220.350	(233.067)	67.720.523
1. Doanh thu lãi	53.662.724	6.657	255.742	14.310	12.288	53.951.721
<i>Doanh thu lãi khách hàng bên ngoài</i>	<i>24.727.344</i>	<i>6.657</i>	<i>255.742</i>	<i>14.310</i>	<i>12.288</i>	<i>25.016.341</i>
<i>Doanh thu lãi nội bộ</i>	<i>28.935.380</i>	-	-	-	-	<i>28.935.380</i>
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	3.361.680	-	1.320.584	206.040	(3.896)	4.884.408
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	8.341.276	186.047	598.530	-	(241.459)	8.884.394
II. Chi phí	(53.571.858)	(222.758)	(355.375)	(34.609)	219.713	(53.964.887)
1. Chi phí lãi	(39.660.174)	(39.655)	(44.255)	-	50.207	(39.693.877)
<i>Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	<i>(10.724.794)</i>	<i>(39.655)</i>	<i>(44.255)</i>	-	<i>50.207</i>	<i>(10.758.497)</i>
<i>Chi phí lãi từ nội bộ</i>	<i>(28.935.380)</i>	-	-	-	-	<i>(28.935.380)</i>
2. Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	(204.791)	(39.247)	(10.705)	(47)	(196)	(254.986)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(13.706.893)	(143.856)	(300.415)	(34.562)	169.702	(14.016.024)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	11.793.822	(30.054)	1.819.481	185.741	(13.354)	13.755.636
Chi phí dự phòng rủi ro	(912.833)	5	-	-	(4.540)	(917.368)
Kết quả kinh doanh bộ phận	10.880.989	(30.049)	1.819.481	185.741	(17.894)	12.838.268
III. Tài sản	379.598.492	1.291.671	6.301.696	289.597	(3.781.995)	383.699.461
1. Tiền mặt, vàng	4.820.627	-	-	-	-	4.820.627
2. Tài sản cố định	3.156.993	3.083	49.558	4	(1.861)	3.207.777
3. Tài sản khác	371.620.872	1.288.588	6.252.138	289.593	(3.780.134)	375.671.057
IV. Nợ phải trả	321.643.993	573.289	1.674.518	27.913	(2.293.019)	321.626.694
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	321.630.955	573.289	1.674.518	27.913	(2.293.019)	321.613.656
2. Nợ phải trả nội bộ	13.038	-	-	-	-	13.038

(*) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ

46. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số dữ liệu tương ứng của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay:

Thuyết minh	2018 triệu đồng (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại triệu đồng	2018 triệu đồng (được phân loại lại)	
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT				
Thu nhập lãi thuần	(i)	11.126.535	263.404	11.389.939
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	(i)	3.535.984	(263.404)	3.272.580
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	(i)	20.181.939	263.404	20.445.343
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	(i)	3.229.966	(263.404)	2.966.562

(i) Theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phân loại lại các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tín dụng (phí thu xếp tài chính, phí cam kết thu xếp tài chính, phí trả nợ trước hạn và phí chậm trả nợ) từ khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ" sang khoản mục "Thu nhập lãi thuần".

47. THUYẾT MINH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tăng 2.177.252 triệu đồng so với lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, tương đương tăng 20,42% do các nguyên nhân sau:

	Lợi nhuận trước thuế Triệu đồng
Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế do:	
Tăng thu nhập lãi thuần	2.867.905
Giảm lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	(19.227)
Giảm lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	(129.170)
Tăng lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	229.231
Tăng lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	487.174
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	172.951
Giảm thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	(890.487)
Tăng chi phí hoạt động	(1.470.002)
Giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	928.877
Tổng lợi nhuận trước thuế tăng:	2.177.252



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

48. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 30 tháng 1 năm 2019, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương được chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty Cổ phần theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Công ty quản lý quỹ số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019; thay thế cho Giấy phép Thành lập và Hoạt động Công ty quản lý quỹ số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 10 năm 2008. Hoạt động kinh doanh được cấp không có sự thay đổi giữa 2 văn bản. Theo đó, Công ty cũng đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương.

49. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

50. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

	31/12/2019 đồng	31/12/2018 đồng
AUD	16.006	16.378
CAD	17.760	17.039
CHF	23.927	23.553
CNY	3.328	3.372
DKK	3.477	3.553
EUR	25.976	26.529
GBP	30.452	29.548
HKD	2.976	2.962
JPY	213	211
NOK	2.635	2.669
SEK	2.481	2.593
SGD	17.002	17.025
THB	755	716
USD	23.173	23.195
XAU	4.235.000	3.641.000

Người lập:

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt:

Ông Phùng Quang Hưng
Phó Tổng Giám Đốc thường trực
kiêm Giám đốc Điều hành,
Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính
và Dịch vụ Khách hàng

Hà Nội, Việt Nam, ngày 18 tháng 3 năm 2020

**Chúng tôi sẽ luôn luôn
lắng nghe khách hàng,
thay đổi và giúp họ có
những trải nghiệm tốt nhất.**





NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Tòa nhà Techcombank - 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

[T] : +84 (24) 3944 6368

[F] : +84 (24) 3944 6395

[w] : www.techcombank.com.vn